

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Đà Nẵng, tháng 11 - năm 2020

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CỬ NHÂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
(Kèm theo quyết định số 59/QĐ-ĐHSP ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Lưu Trang	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	PGS.TS. Trần Xuân Bách	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	PGS.TS. Võ Văn Minh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
4	TS. Bùi Bích Hạnh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
5	TS. Nguyễn Trần Quốc Vinh	Trưởng khoa Khoa Tin học	Phó Chủ tịch TT
6	TS. Nguyễn Đình Lầu	Tổ trưởng Tổ bộ môn	Ủy viên TT
7	TS. Phạm Anh Phương	Giảng viên	Ủy viên, Thư ký
8	ThS. Phạm Dương Thu Hằng	Giảng viên	Ủy viên
9	TS. Trần Văn Hưng	Giảng viên	Ủy viên
10	TS. Vũ Thị Trà	Giảng viên	Ủy viên
11	ThS. Đoàn Duy Bình	Giảng viên	Ủy viên
12	ThS. Lê Văn Mỹ	Giảng viên	Ủy viên
13	ThS. Hồ Ngọc Tú	Giảng viên	Ủy viên
14	ThS. Lê Thị Thanh Bình	Giảng viên	Ủy viên
15	TS. Nguyễn Thanh Tường	Trưởng phòng P.TC-HC	Ủy viên
16	TS. Phan Đức Tuấn	Trưởng phòng P.Đào tạo	Ủy viên
17	ThS. Trịnh Thế Anh	Trưởng phòng P.KT&ĐBCLGD	Ủy viên
18	TS. Nguyễn Quý Tuấn	Trưởng phòng P.Khoa học & HTQT	Ủy viên
19	ThS. Nguyễn Vinh San	Trưởng phòng P.CTSV	Ủy viên
20	ThS. Nguyễn Văn Khánh	Trưởng phòng P.CSVC	Ủy viên
21	ThS. Dương Thị Yến	Trưởng phòng P.KH-TC	Ủy viên

Danh sách gồm có 21 thành viên./.

MỤC LỤC

BẢNG KÝ HIỆU CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	5
DANH MỤC BẢNG	7
PHẦN I. KHÁI QUÁT	8
1.1. Đặt vấn đề	8
1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá.....	9
1.1.2. Mục đích tự đánh giá.....	10
1.1.3. Quy trình Tự đánh giá	11
1.1.4. Phạm vi tự đánh giá	11
1.1.5. Phương pháp và công cụ tự đánh giá	11
1.1.6. Phương pháp mã hóa minh chứng.....	11
1.1.7. Sự tham gia của các bên liên quan.....	12
1.1.8. Hội đồng tự đánh giá.....	12
1.2. Tổng quan chung về Trường ĐHSP - ĐHĐN	12
1.3. Các hoạt động đảm bảo chất lượng.....	Error! Bookmark not defined.
1.3.1. Cấu trúc đảm bảo chất lượng của Trường ĐHSP – ĐHĐN.....	15
1.3.2. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Trường ĐHSP-ĐHĐN	17
1.4. Tổng quan về khoa Tin học.....	17
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	22
Tiêu chuẩn: 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	22
Tiêu chí 1.1.....	22
Tiêu chí: 1.2.	26
Tiêu chí: 1.3.	29
Tiêu chuẩn: 2. Bản mô tả chương trình đào tạo.....	32
Tiêu chí: 2.1.	32
Tiêu chí: 2.2.	34
Tiêu chí: 2.3.	37
Tiêu chuẩn: 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....	40
Tiêu chí: 3.1.	40
Tiêu chí: 3.2.	43
Tiêu chí: 3.3.	47
Tiêu chuẩn: 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.....	51
Tiêu chí 4.1.....	51
Tiêu chí 4.2.....	53
Tiêu chí 4.3.....	57
Tiêu chuẩn: 5. Đánh giá kết quả học tập của người học.....	61
Tiêu chí 5.1.....	61
Tiêu chí 5.2.....	65
Tiêu chí 5.3.....	69

Tiêu chí 5.4.....	73
Tiêu chí 5.5.....	76
Tiêu chuẩn: 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....	80
Tiêu chí 6.1.....	80
Tiêu chí 6.2.....	83
Tiêu chí 6.3.....	85
Tiêu chí 6.4.....	88
Tiêu chí 6.5.....	90
Tiêu chí 6.6.	93
Tiêu chí 6.7.....	97
Tiêu chuẩn: 7. Đội ngũ nhân viên.....	103
Tiêu chí: 7.1.	103
Tiêu chí: 7.2	105
Tiêu chí: 7.3.	107
Tiêu chí: 7.4.	109
Tiêu chí: 7.5.	111
Tiêu chuẩn: 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học.....	114
Tiêu chí 8.1.....	114
Tiêu chí 8.2.....	117
Tiêu chí 8.3.....	119
Tiêu chí 8.4.....	123
Tiêu chí 8.5.....	127
Tiêu chuẩn: 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	131
Tiêu chí 9.1.....	131
Tiêu chí 9.2.....	133
Tiêu chí 9.3.....	136
Tiêu chí 9.4.....	138
Tiêu chí 9.5.....	141
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	144
Tiêu chí 10.1:	144
Tiêu chí 10.2.....	148
Tiêu chí 10.3.....	151
Tiêu chí 10.4.....	154
Tiêu chí 10.5.....	157
Tiêu chí 10.6.	160
Tiêu chuẩn: 11. Kết quả đầu ra.....	164
Tiêu chí 11.1.....	164
Tiêu chí 11.2.....	167
Tiêu chí 11.3.....	169
Tiêu chí 11.4.....	171
Tiêu chí 11.5.....	173
PHẦN III. KẾT LUẬN	177

3.1. Những điểm mạnh và những điểm cần phát huy c	177
3.2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những điểm cần cải tiến chất lượng	179
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ...	182
CÁC PHỤ LỤC.....	185

BẢNG KÝ HIỆU CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	CỤM TỪ ĐẦY ĐỦ	VIẾT TẮT
1.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	BGD&ĐT
2.	Cán bộ viên chức	CBVC
3.	Chương trình đào tạo	CTĐT
4.	Chương trình dạy học	CTDH
5.	Chuẩn đầu ra	CĐR
6.	Chất lượng đào tạo	CLĐT
7.	Công nghệ thông tin	CNTT
8.	Cổ vấn học tập	CVHT
9.	Cơ sở vật chất	CSVV
10.	Cử nhân	CN
11.	Đại học Sư phạm	ĐHSP
12.	Đại học Đà Nẵng	ĐHĐN
13.	Đảm bảo chất lượng	ĐBCL
14.	Đảm bảo chất lượng giáo dục	ĐBCLGD
15.	Đề cương học phần	ĐCHP
16.	Giảng viên	GV
17.	Giáo dục đại học	GDĐH
18.	Giáo dục và Đào tạo	GD&ĐT
19.	Giáo sư	GS
20.	Giảng viên chủ nhiệm	GVCN
21.	Kết quả học tập	KQHT
22.	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	KT&ĐBCLGD
23.	Khoa học công nghệ	KHCN
24.	Kiểm định chất lượng	KĐCL
25.	Kiểm tra đánh giá	KTĐG
26.	Ký túc xá	KTX
27.	Nhân viên	NV
28.	Nghiên cứu khoa học	NCKH
29.	Nghiên cứu sinh	NCS
30.	Nghiên cứu viên	NCV

31.	Nghiep vụ sư phạm	NVSP
32.	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	PLO
33.	Chuẩn đầu ra học phần	CLO
34.	Phó Giáo sư	PGS
35.	Phương pháp dạy học	PPDH
36.	Sinh viên	SV
37.	Thạc sĩ	ThS
38.	Thực tập tốt nghiệp	TTTN
39.	Tiến sĩ	TS
40.	Tín chỉ	TC
41.	Tự đánh giá	TĐG

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Quan hệ giữa mục tiêu CTĐT cấp trường và Mục tiêu của CTĐT CNTT.....	23
Bảng 2.2. So sánh đề cương môn học giữa các năm	35
Bảng 6.6. Thành tích thi đua và khen thưởng của giảng viên Khoa Tin học trường	95
Bảng 6.7.1 Bảng thống kê số lượng các đề tài nghiên cứu các cấp 2015 – 2020	100
Bảng 6.7.2 Bảng thống kê số lượng các bài báo được công bố 2015 - 2020	100
Bảng 10.4.1. Bảng thống kê một số đề tài được ứng dụng trong giảng dạy và học tập của GV và SV trong giai đoạn từ năm 2016 - 2020	154
Bảng 10.4.2: Bảng thống kê các đề tài và các công bố SVNCKH tiêu biểu.....	156
trong giai đoạn từ năm 2016 - 2020.....	156
Bảng 11.1. Tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học	165
Bảng 11.2. Tỷ lệ SV bỏ học	166
Bảng 11.4. Thống kê số lượng NCKH của SV ngành Tin học	172

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

Chương trình đào tạo (CTĐT) cử nhân Công nghệ Thông tin (CNTT) được phép mở mã ngành từ năm 2002 theo Quyết định số 6446/QĐ-BGD&ĐT-ĐH ngày 23/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Mục tiêu chung của CTĐT ngành Cử nhân Công nghệ thông tin trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng là đào tạo sinh viên có thể:

- Xác định và giải quyết vấn đề công nghệ trên một phạm vi rộng các ứng dụng đòi hỏi tính sáng tạo thực tế và hiệu quả của ngành Công nghệ thông tin.

- Đóng góp vào sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội của khu vực miền Trung - Tây Nguyên thông qua sự kết hợp của chuyên môn kỹ thuật, công nghệ với tính chuyên nghiệp, đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm với môi trường và xã hội.

- Đạt thành công trong nghề nghiệp thông qua khả năng tự học, tự nghiên cứu, khả năng tiếp thu các kiến thức khoa học công nghệ tiên tiến trên thế giới để phát triển năng lực học tập suốt đời. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cao cho xã hội không chỉ ở trong nước mà cả quốc tế, việc thẩm định, đánh giá lại CTĐT một cách toàn diện theo các chuẩn mực quốc gia, khu vực và quốc tế là hết sức cần thiết. Chất lượng CTĐT có vai trò quyết định sự tồn tại và phát triển của ngành CNTT nói riêng và của Trường ĐHSP - ĐHĐN nói chung. Trước xu thế hội nhập quốc tế và yêu cầu của chương trình GDPT tổng thể mới, việc nâng cao chất lượng CTĐT ngày càng trở nên cấp thiết. Khoa Tin học nhận thấy đây là một cơ hội tốt để đánh giá lại một cách hệ thống, toàn diện và khách quan CTĐT ngành CNTT để từ đó cải tiến chất lượng của CTĐT, tiến tới đào tạo theo hướng chuẩn khu vực, quốc tế. Do vậy, Khoa, Trường đã đăng ký đánh giá CTĐT CNTT theo Thông tư 04/2016/TT-BGD&ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Việc tự đánh giá CTĐT CNTT sẽ giúp Nhà trường và Khoa Tin học tự xem xét, đánh giá được hiện trạng, xác định được những điểm mạnh, những mặt còn tồn tại để xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo cho giai đoạn tiếp theo. Báo cáo tự đánh giá CTĐT CNTT được cấu trúc thành 04 phần: Phần I: Khái quát; Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn; Phần III: Kết luận; Phần IV: Phụ lục.

Cụ thể như sau:

1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Báo cáo Tự đánh giá (TĐG) cung cấp các thông tin cần thiết cho hoạt động kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng theo “Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học” ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD & ĐT).

Cấu trúc của báo cáo gồm 3 phần: Phần 1: Khái quát; Phần 2: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí; Phần 3: Kết luận.

Phần 1: Khái quát

Phần Khái quát giới thiệu tổng quan về cấu trúc và nội dung chính của báo cáo TĐG CTĐT ngành CNTT của Khoa Tin học theo các tiêu chuẩn. Phần Khái quát cũng mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, giải thích cách mã hoá các minh chứng trong báo cáo TĐG, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động TĐG, sự tham gia của các bên liên quan. Trong phần này, báo cáo cũng nêu lên mục đích, phạm vi, phương pháp và quy trình tự đánh giá, bản báo cáo mô tả tóm tắt về sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách chất lượng và hoạt động đảm bảo chất lượng của Khoa Tin học, Trường ĐHSP-ĐHĐN.

Phần 2: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Phần Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí trình bày báo cáo TĐG CTĐT CNTT của Khoa Tin học, Trường ĐHSP-ĐHĐN theo 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí theo thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của BGD&ĐT, gồm: nội dung TĐG về: (1) Mục tiêu và CDR của CTĐT, (2) Bản mô tả CTĐT, (3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học, (4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học, (5) Đánh giá kết quả học tập của người học, (6) Đội ngũ giảng viên, (7) Đội ngũ nhân viên, (8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học, (9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị, (10) Nâng cao chất lượng, (11) Kết quả đầu ra.

Ở mỗi tiêu chuẩn, bản báo cáo đều mô tả và nhận định thực trạng của CTĐT, phân tích và chỉ ra tóm tắt những điểm mạnh nổi bật, những điểm tồn tại của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí. Báo cáo cũng đề xuất kế hoạch phát huy mặt mạnh,

khắc phục những tồn tại, tự đánh giá tiêu chí Đạt/Chưa đạt, kèm theo mức TĐG, theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

Sau khi mô tả và phân tích từng tiêu chí, bản báo cáo nêu tóm tắt điểm mạnh nổi bật, những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn; kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn.

Phần 3: Kết luận

Phần Kết luận mô tả tóm tắt các điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần cải tiến chất lượng của CTĐT; đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng.

Sau phần Kết luận là bản Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT CNTT của Khoa Tin học, Trường ĐHSP - ĐHĐN.

1.1.2. Mục đích tự đánh giá

Việc tự đánh giá CTĐT CNTT sẽ giúp Nhà trường và Khoa Tin học đạt được các mục đích sau:

- Xác định mức độ đáp ứng của chương trình đối với các mục tiêu đặt ra, từ đó có giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo, nâng cao chất lượng và hiệu quả các lĩnh vực hoạt động của trường đại học.

- Trường ĐHSP - ĐHĐN triển khai TĐG CTĐT ngành CNTT giai đoạn 2016 – 2020 nhằm giải trình với cơ quản lí nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của chương trình, làm cơ sở cho người học lựa chọn chương trình; nhà tuyển dụng lao động lựa chọn nhân lực.

- Tự xem xét, đánh giá CTĐT của Trường ĐHSP - ĐHĐN để báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT CNTT điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng được các mục tiêu đề ra và hoàn thành sứ mạng của Trường đối với xã hội và cộng đồng.

- Là cơ sở để Trường cải tiến chất lượng của CTĐT, đồng thời thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của đơn vị trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội. TĐG CTĐT đồng thời tạo cơ sở dữ liệu cơ bản, đảm bảo tính khoa học cho việc điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch.

- Là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT CNTT.

- Giúp các bên liên quan biết rõ các điểm mạnh cũng như các vấn đề còn tồn tại của CTĐT ngành CNTT theo hệ thống, qua đó đề xuất và thực hiện các biện pháp cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT ngành CNTT hiệu quả hơn.

1.1.3. Quy trình Tự đánh giá

Quy trình tự đánh giá chất lượng CTĐT CNTT được thực hiện theo các bước chính như sau:

Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá;

Bước 2: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký, các nhóm công tác;

Bước 3: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;

Bước 4: Thu thập thông tin và minh chứng;

Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

Bước 6: Viết báo cáo tự đánh giá;

Bước 7: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá tổng thể;

Bước 8: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Trường để đọc và góp ý kiến;

Bước 9: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

1.1.4. Phạm vi tự đánh giá

Khoa Tin học tiến hành hoạt động tự đánh giá CTĐT CNTT dưới sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu và sự cung cấp thông tin của các phòng chức năng trong Trường qua các thông tin và minh chứng trong 5 năm gần đây (từ năm 2016 đến năm 2020).

1.1.5. Phương pháp và công cụ tự đánh giá

Quá trình tự đánh giá CTĐT CNTT của Khoa Tin học, Trường ĐHSP - ĐHQĐN được dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn KĐCL CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của BGD&ĐT và các tài liệu hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT.

1.1.6. Phương pháp mã hóa minh chứng

Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1

chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: [**Hn.ab.cd.ef**].

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng”
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí

Ví dụ:

[H01.01.01.01]: Minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1.

[H10.03.02.15]: Minh chứng thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 10.

1.1.7. Sự tham gia của các bên liên quan

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành CNTT được thành lập theo Quyết định số 59/QĐ-ĐHSP ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP - ĐHQĐHN, gồm: Ban Giám hiệu, các CB GV của Khoa Tin học, các CB phòng, ban, trung tâm trong trường. Cụ thể, Ban Giám hiệu chỉ đạo chung, các phòng chức năng, tổ trực thuộc cung cấp minh chứng. Bên cạnh đó sự phản hồi của SV, các cựu SV và nhà sử dụng lao động là những thông tin quan trọng phục vụ cho việc tự đánh giá. Căn cứ vào các thông tin được cung cấp, Khoa Tin học tiến hành viết báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành CNTT.

1.1.8. Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng Tự đánh giá CTĐT CNTT và Ban thư ký được thành lập theo Quyết định số 59/QĐ-ĐHSP ngày 10 tháng 01 năm 2020 Hội đồng gồm có 21 thành viên và Ban thư ký gồm 14 thành viên.

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá gồm: 5 nhóm chuyên trách được thành lập theo quyết định số 59/QĐ-ĐHSP ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP – ĐHQĐHN.

1.2. Tổng quan chung về Trường ĐHSP - ĐHQĐHN

Trường ĐHSP - ĐHQĐHN được thành lập theo Nghị định 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ, trên cơ sở tổ chức và sắp xếp lại các đơn vị: Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng

Nam - Đà Nẵng, cơ sở Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Đà Nẵng, Bộ môn cơ bản của Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng, bộ môn văn hóa của Trường Công nhân kỹ thuật Nguyễn Văn Trỗi. Là trường thành viên thuộc ĐHĐN, Trường có chức năng và nhiệm vụ: Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên các cấp, đào tạo cử nhân khoa học và đào tạo sau đại học; giảng dạy các môn khoa học cơ bản cho các trường thành viên thuộc ĐHĐN; nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Trải qua 45 năm xây dựng và trưởng thành, hiện nay Trường ĐHSP - ĐHĐN đã trở thành trường đại học đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực; trung tâm nghiên cứu khoa học phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trường ĐHSP - ĐHĐN là 01 trong 06 trường ĐH thành viên của Đại học Đà Nẵng và là 01 trong 07 trường đại học sư phạm trọng điểm quốc gia. Hiện nay, Trường có 7 phòng chức năng, 13 khoa, 3 trung tâm và 02 tổ trực thuộc. Tính đến tháng 10/2020; Đội ngũ CBVC của Trường hiện nay có 336 người; trong đó có 238 giảng viên với cơ cấu trình độ: 13 phó giáo sư, 104 tiến sĩ và tiến sĩ khoa học, 161 thạc sĩ; 60 NCS và học viên cao học trong và ngoài nước. Trong năm học 2019 - 2020, tổng số SV hệ chính quy bậc đại học đang học tạo Trường là 6.497 sinh viên và gần 758 học viên sau đại học. Tổng số học viên hệ vừa làm vừa học là 3.077 học viên. Tổng số lưu học sinh nước ngoài học tại trường là 95 sinh viên. Tính đến nay, Trường đã đào tạo được 2.258 tiến sĩ và thạc sĩ.

Hiện nay, Nhà trường đang triển khai tuyển sinh 07 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ, 41 chuyên ngành bậc đại học (18 chuyên ngành sư phạm và 23 chuyên ngành cử nhân khoa học). Đồng thời, Nhà trường được Bộ GD&ĐT giao nhiệm vụ bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông cũng như các CTĐT phi chính quy và bồi dưỡng ngắn hạn khác.

Trường có mối quan hệ hợp tác đào tạo với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu khác trong nước. Ngoài ra, trường còn liên kết với các trung tâm giáo dục thường xuyên và các trường cao đẳng trong cả nước, bồi dưỡng, nâng chuẩn giáo viên các cấp từ mầm non đến trung học phổ thông, đào tạo các ngành cử nhân khoa học.

Trong khuôn khổ hợp tác quốc tế, Trường ĐHSP - ĐHĐN có quan hệ hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu thuộc các nước Đông Âu, Nga và các nước SNG, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Canada, Úc, Ấn Độ và các nước thuộc khối ASEAN. Nhà

trường đã tiếp nhận đào tạo cho trên 550 lưu học sinh thuộc các quốc gia như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, CHDCND Lào... Hiện tại, đang có trên 200 lưu học sinh nhiều nước đang theo học tiếng Việt và các chuyên ngành tại Trường ĐHSP - ĐHĐN.

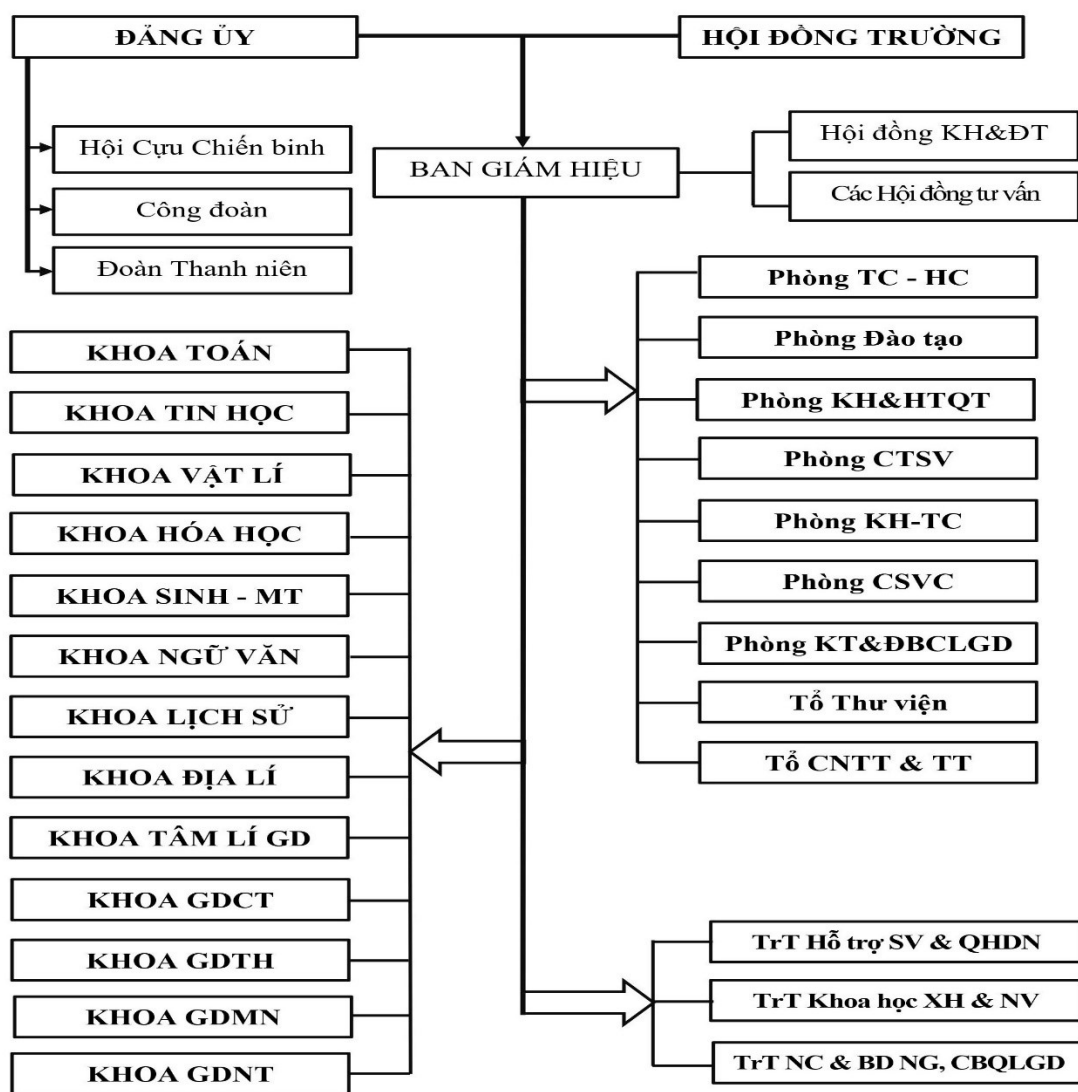
Nhà trường đã vinh dự được trao tặng nhiều huân chương, cờ thi đua và bằng khen ở nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau: Huân chương Lao động hạng Ba (1985), Huân chương Lao động hạng Nhì (2002), Huân chương Lao động hạng Nhất (2016) cùng nhiều Cờ, Bằng khen khác của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục & Đào tạo và Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng. Năm 2014, Trường ĐHSP - ĐHĐN được Bộ Giáo dục và Đào tạo xếp hạng nằm trong 07 trường sư phạm trọng điểm của cả nước. Năm 2016, Nhà trường đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục. Năm 2019, Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Vật lý được AUN-QA công nhận đạt chuẩn chất lượng theo Chứng nhận số AP34UDOC18 ngày 20/12/2019.

Sứ mạng của Trường ĐHSP - ĐHĐN là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó đào tạo giáo viên là nòng cốt; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trên các lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn; phục vụ cho sự phát triển đất nước, trọng tâm là khu vực miền Trung – Tây Nguyên.

Tầm nhìn của Trường ĐHSP – ĐHĐN đến năm 2030 được xác định là trở thành trường sư phạm trọng điểm quốc gia; đào tạo, nghiên cứu khoa học đạt chuẩn chất lượng khu vực Đông Nam Á trên một số lĩnh vực mũi nhọn; tham vấn có hiệu quả các chủ trương, chính sách về giáo dục và đào tạo. Triết lý giáo dục của Nhà trường là: Toàn diện – Khai phóng – Sáng tạo – Thực nghiệp.

Từ cơ sở xuất phát và chiến lược phát triển lâu dài, Trường đã xác định chức năng và nhiệm vụ của trường được thực hiện song hành là đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ yêu cầu phát triển KT - XH của địa phương, vùng và cả nước.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sư phạm – ĐHĐN:

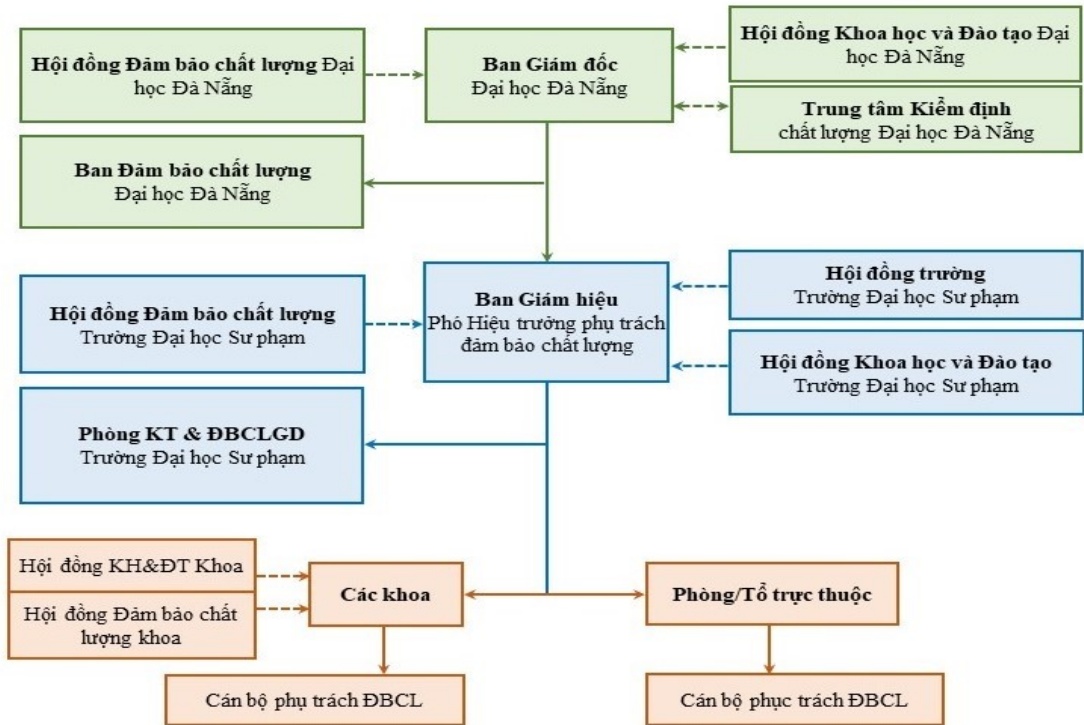


1.3. Các hoạt động đảm bảo chất lượng

1.3.1. Cấu trúc đảm bảo chất lượng của Trường ĐHSP - ĐHĐN

Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục cho ĐHSP - ĐHĐN theo Quyết định số 11/QĐ-KĐCL ngày 23/3/2016. Trường ĐHSP - ĐHĐN là cơ sở giáo dục đại học đầu tiên trong cả nước được cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng bởi một tổ chức kiểm định chất lượng độc lập của Việt Nam. Năm 2019, Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Vật lý được công nhận đạt chuẩn chất lượng theo Bộ tiêu chuẩn của AUN_QA.

**CẤU TRÚC HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM – ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**



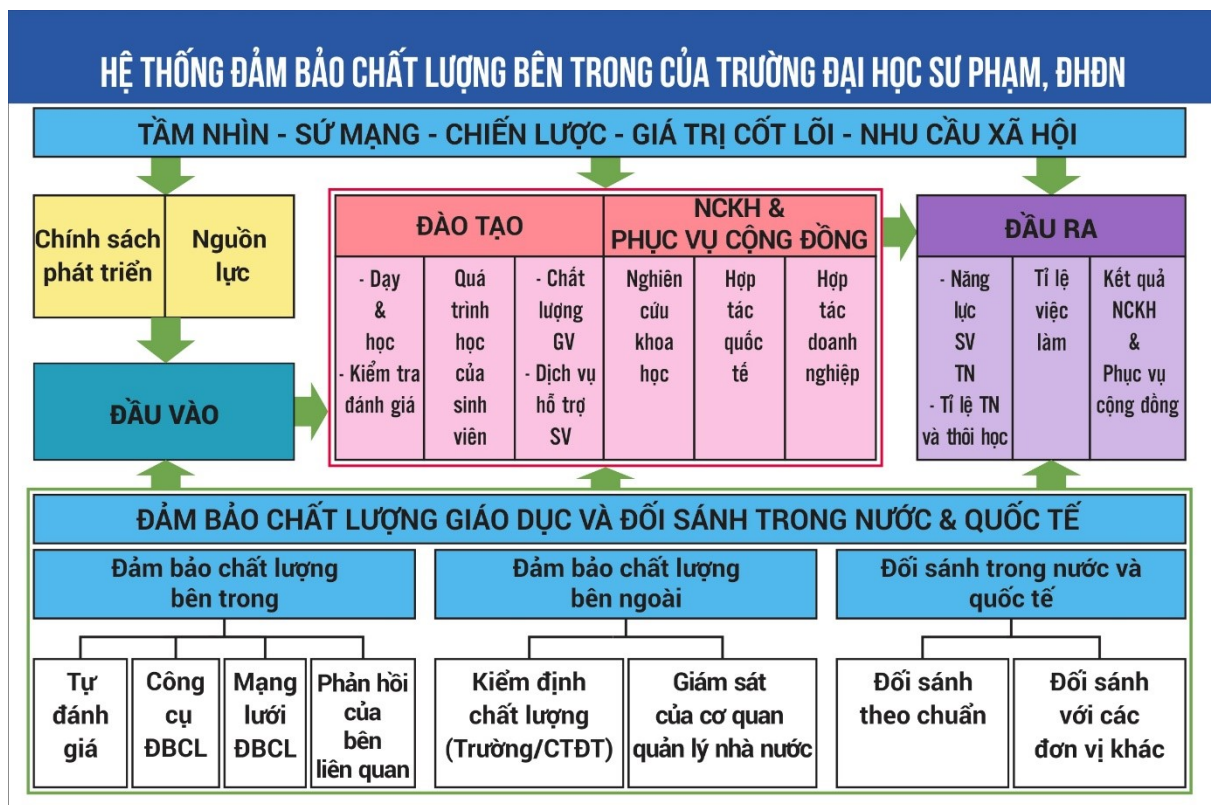
Nhận thấy được tầm quan trọng và sự cần thiết của việc kiểm định chất lượng giáo dục trong các cơ sở giáo dục, Giám đốc ĐHĐN đã thành lập Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục ĐHSP - ĐHĐN theo quyết định số 6649/QĐ-ĐHĐN ngày 12/11/2014 trên cơ sở cơ cấu lại Tổ Khảo thí và Đảm bảo chất lượng Giáo dục.

Hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục được Nhà trường xác định là một trong những khâu quan trọng để nâng cao cũng như khẳng định chất lượng đào tạo đối với xã hội. Để nâng cao chất lượng đào tạo, ngoài việc đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp-phương tiện dạy học thì đánh giá chất lượng giáo dục đào tạo có thể được xem như một khâu trong việc lập kế hoạch nâng cao chất lượng đào tạo. Chất lượng đào tạo là một trong những vấn đề quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của nhà trường hiện nay và trong tương lai. Đặc biệt là trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu công việc luôn đổi mới thì việc nâng cao chất lượng đào tạo là yêu cầu bức thiết.

Trường đã hoàn thành việc TĐG 10 chương trình đào tạo giáo viên trình độ đại học

của trường. Các chương trình còn lại được đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học ban hành theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT.

1.3.2. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Trường ĐHSP – ĐHN



1.4. Mô tả tổng quan về Khoa, Chương trình đào tạo Công nghệ Thông tin

Khoa Tin học trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng được hình thành và phát triển trên cơ sở tách từ Khoa Toán - Tin của Nhà trường. Sau gần 20 năm xây dựng và phát triển, đến nay Khoa Tin học, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng đã xây dựng được đội ngũ giảng viên năng động với trình độ chuyên môn cao, hầu hết có trình độ tiến sĩ hoặc được đào tạo ở nước ngoài; đào tạo tất cả các bậc từ đại học, cao học đến tiến sĩ. Hiện tại, Khoa có đầy đủ tất cả các bậc đào tạo cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ. Các bậc đào tạo này được thiết kế đảm bảo tính kế thừa, liên thông giữa các bậc đào tạo. Trong đó, cử nhân CNTT có 03 ngành đào tạo là: ngành CNTT, ngành CNTT ưu tiên (hợp tác với doanh nghiệp) và ngành CNTT chất lượng cao. Kể từ năm 2020, sinh viên có thể đăng ký học chuyển tiếp từ cử nhân lên thạc sĩ để lấy bằng thạc sĩ chỉ sau hơn 5 năm học; chương trình

này đặc biệt dành cho những sinh viên có năng lực tốt và rút ngắn thời gian được cấp bằng thạc sĩ chuyên ngành Hệ thống thông tin.

Mục tiêu của CTĐT ngành Cử nhân Công nghệ thông tin: Xác định và giải quyết vấn đề công nghệ trên một phạm vi rộng các ứng dụng đòi hỏi tính sáng tạo thực tế và hiệu quả của ngành Công nghệ thông tin; đóng góp vào sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội của khu vực miền Trung - Tây Nguyên thông qua sự kết hợp của chuyên môn kỹ thuật, công nghệ với tính chuyên nghiệp, đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm với môi trường và xã hội; đạt thành công trong nghề nghiệp thông qua khả năng tự học, tự nghiên cứu, khả năng tiếp thu các kiến thức khoa học công nghệ tiên tiến trên thế giới để phát triển năng lực học tập suốt đời.

Chương trình đào tạo cử nhân có kiến thức chuyên sâu về quy trình xây dựng, phát triển, kiểm thử và bảo trì phần mềm; có khả năng phân tích và mô hình hóa bài toán thực tế, từ đó thiết kế và xây dựng được các sản phẩm phần mềm đáp ứng yêu cầu thực tế đặt ra, có khả năng có khả năng đưa ra được các giải pháp công nghệ trong lĩnh vực phát triển phần mềm nói chung.

Chương trình nhằm đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi và đáp ứng tốt với các yêu cầu và thay đổi của môi trường làm việc. Sinh viên tốt nghiệp ngành Cử nhân Công nghệ thông tin có thể tiếp tục học sau đại học hoặc làm việc ở các trung tâm phát triển phần mềm của các cơ quan, trường sở và doanh nghiệp cũng như học sau đại học và nghiên cứu.

Các hoạt động kiểm tra, đánh giá được Khoa và Trường tiến hành hàng năm nhằm phát huy những điểm mạnh và khắc phục những điểm tồn tại để đảm bảo, nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa và Trường.

Ý thức được việc kiểm định chất lượng CTĐT là việc làm hết sức quan trọng nên Trường và Khoa đã thực hiện việc tự đánh giá chất lượng và chuẩn bị cho quá trình kiểm định Chương trình trong nhiều năm qua. Việc tự đánh giá CTĐT Cử nhân Công nghệ thông tin là cơ sở để trường Đại học Sư phạm – ĐHQĐN và khoa Tin học cải tiến chất lượng của CTĐT. Tự đánh giá cũng đồng thời thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng; tạo cơ sở dữ

liệu cơ bản, đảm bảo tính khoa học cho việc điều chỉnh mục tiêu, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch trong giai đoạn tiếp theo.

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học hàm, học vị
<i>1. Lãnh đạo khoa</i>			
Trưởng Khoa	Nguyễn Trần Quốc Vinh	1978	TS
Phó Trưởng khoa	Phạm Dương Thu Hằng	1981	ThS
Phó Trưởng khoa	Phạm Anh Phương	1974	TS
<i>2. Lãnh đạo bộ môn</i>			
Hệ thống thông tin	Nguyễn Đình Lầu	1978	TS
Phương pháp giảng dạy bộ môn Tin học	Trần Văn Hưng	1980	TS
<i>3. Chi bộ Đảng</i>			
Bí thư Chi bộ	Nguyễn Trần Quốc Vinh	1978	TS
Phó Bí thư Chi bộ	Nguyễn Đình Lầu	1978	TS
<i>4. Tổ Công đoàn</i>			
Chủ tịch	Lê Viết Chung	1963	ThS
Phó chủ tịch	Đoàn Duy Bình	1975	ThS

Cơ cấu và trình độ giảng viên trong các bộ môn năm 2019:

TT	Bộ môn	Tổng số	Trình độ			
			PGS	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Kỹ sư
I	Hệ thống thông tin					
1.	Nguyễn Đình Lầu			x		
2.	Nguyễn Trần Quốc Vinh			x		
3.	Phạm Dương Thu Hằng				x	
4.	Trần Quốc Chiến		x	TSKH		
5.	Vũ Thị Trà			x		
6.	Lê Văn Mỹ				x	
7.	Lê Thị Thanh Bình				x	
8.	Mai Hà Thi				x	
II	Phương pháp giảng dạy bộ môn Tin học					
1.	Trần Văn Hưng			x		
2.	Phạm Anh Phương			x		
3.	Lê Viết Chung				x	

TT	Bộ môn	Tổng số	Trình độ			
			PGS	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Kỹ sư
4.	Hồ Ngọc Tú				x	
5.	Đoàn Duy Bình				x	
	Tổng	13	1	6	7	

Về thi đua khen thưởng: Trong 5 năm qua, khoa Tin học đạt danh hiệu Lao động tiên tiến xuất sắc và được Nhà trường khen thưởng.

Thực hiện nhiệm vụ đào tạo: Khoa Tin học đào tạo bậc đại học ngành Cử nhân Công nghệ thông tin và Cử nhân Sư phạm Tin học; bậc thạc sĩ và tiến sĩ Hệ thống thông tin.

Thực hiện nhiệm vụ NCKH: Khoa Tin học là một trong những khoa dẫn đầu về kết quả nghiên cứu khoa học trong toàn Trường. Kết quả nghiên cứu khoa học của Khoa giúp nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, khẳng định năng lực nghiên cứu của Khoa và Nhà trường, phát triển thương hiệu của Khoa và Nhà trường.

Thực hiện công tác đảm bảo chất lượng giáo dục: Trong quá trình xây dựng và phát triển khoa, Khoa Tin học luôn chú trọng đến đảm bảo chất lượng giáo dục, do đó khi mở mới CTĐT, Khoa Tin học đã thiết kế và xây dựng CTĐT theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Trong quá trình triển khai CTĐT, để nâng cao chất lượng giảng dạy của GV, sau mỗi học kỳ của năm học, Khoa đã phối hợp với Phòng KT&ĐBCLGD của Trường lấy ý kiến phản hồi về mức độ hài lòng của sinh viên đối với GV giảng dạy, kết quả khảo sát từ SV là cơ hội để mỗi giảng viên tự phấn đấu và rèn luyện nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy. Để không ngừng nâng cao chất lượng, Khoa Tin học đã triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng của Khoa như: Xây dựng kế hoạch sắp xếp, bố trí lại khu vực phòng thực hành; Rà soát các CTĐT, đảm bảo không bị trùng lặp mã học phần, nội dung học phần... giữa các hệ đào tạo; Xác định phù hợp tỷ lệ điểm thành phần, có tính đến điểm chuyên cần; số tín chỉ của CTĐT phù hợp với văn bằng (kỹ sư, cử nhân); Rà soát đề cương chi tiết các học phần, cập nhật tài liệu học tập; Tổ chức tập huấn về công tác chủ nhiệm lớp, CVHT; Phối hợp với Phòng CTSV, hàng quý tổ chức các buổi họp giao ban công tác SV với thành phần tham gia họp là chủ nhiệm lớp và CVHT; Tiếp tục triển khai các bản ghi nhớ hợp tác đã ký kết. Nhận thấy rõ tầm quan trọng của việc đảm bảo chất lượng giáo dục, với tư cách là đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng, tổ chức đào tạo và quản

lý chương trình, Khoa Tin học đã thực hiện TĐG CTĐT ngành CN ngành CNTT và đăng ký kiểm định chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn: 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu:

CTĐT đại học ngành CN CNTT được xây dựng và ban hành từ năm 2003 chuyển đổi sang hình thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ từ 2008 và bổ sung, cập nhật, chỉnh sửa qua các năm 2015, 2017, 2019. Năm 2019, Khoa Tin học tiến hành rà soát, điều chỉnh Chuẩn đầu ra và phát triển Chương trình đào tạo đại học ngành CNTT. CTĐT đại học ngành CNTT áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2015 trở đi, chính thức được ban hành theo Quyết định số 72/QĐ-ĐT ngày 29 tháng 01 năm 2016; Quyết định số 1230/QĐ-ĐT, ngày 05 tháng 10 năm 2017; Quyết định số 963/QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 07 năm 2019.

CTĐT đại học ngành CNTT năm 2019 được phát triển trên cơ sở khung trình độ quốc gia Việt Nam và các quy định, hướng dẫn thực hiện của Trường ĐHSP - ĐHĐN. CTĐT đã thể hiện rõ các mục tiêu đào tạo và khái quát được các CDR liên quan tới kiến thức và kỹ năng của chuyên ngành, khối ngành và nhóm ngành. Các mục tiêu và CDR của Chương trình được xây dựng đã phản ánh rõ ràng sứ mạng, tầm nhìn và hệ giá trị cốt lõi của Nhà trường. Ngoài ra, CTĐT sau khi ban hành đã được công bố công khai cho người học trên các phương tiện thông tin của Nhà trường.

Tiêu chí 1.1 Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả

Dựa vào các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1.01.01.01], [H1.01.01.02] và của Trường Đại học Sư phạm về quy trình xây dựng, thẩm định và công bố mục tiêu, CDR của CTĐT [H1.01.01.03]; mục tiêu CTĐT ngành CNTT đã được Khoa Tin học được xác định, xây dựng dựa trên các quy định đó.

Mục tiêu của CTĐT CNTT được xác định một cách rõ ràng và được chỉnh sửa, cập nhật vào các năm 2015, 2017, 2019 [H1.01.01.04]. Chương trình đào tạo CNTT được cụ thể hóa bằng các mục tiêu cần đạt được của người học tham gia chương trình. Mục tiêu này cũng phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của trường ĐHSP [H1.01.01.05], [H1.01.01.06].

Mục tiêu của chương trình đào tạo CNTT thể hiện rõ trong trong CTĐT ngành CNTT [H1.01.01.07]. Mục tiêu được xây dựng và căn cứ vào nhu cầu, lấy ý kiến các bên liên quan và báo cáo thông kê khảo sát [H1.01.01.08], [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11].

Mục tiêu của CTĐT CNTT phản ánh và phù hợp với Tầm nhìn, Sứ mạng của trường ĐHSP - ĐHĐN được thể trong Bảng 1.1 và trong cuốn CTĐT. Mục tiêu của CTĐT CNTT cũng hoàn toàn phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Điều 2 của Luật Giáo dục 2005 và phù hợp với mục tiêu GDĐH được quy định tại Điều 5 của Luật GDĐH 2012 “Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH và công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh và hợp tác quốc tế; đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng nghiên cứu khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp; thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân”. Khi xây dựng chương trình, các giảng viên của Khoa đã tìm hiểu và lồng ghép tinh thần về sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường vào tất cả các khâu của quá trình đào tạo, đặc biệt là xây dựng CTĐT ngành CNTT. Hội đồng Khoa đã phụ trách việc phản biện và thẩm định chương trình đào tạo và gửi hồ sơ đề ra quyết định ban hành CTĐT [H1.01.01.12]

Khoa đã thực hiện phân tích, báo cáo, đối sánh sự phù hợp của mục tiêu với TN, SM của trường ĐHSP (với mục tiêu giáo dục của CTĐT ngành CNTT được thể hiện trong cuốn CTĐT và cuốn đặc tả CTĐT ngành CNTT (bảng 1.1)

Bảng 1.1. Quan hệ giữa mục tiêu CTĐT cấp trường và Mục tiêu của CTĐT ngành CNTT

Sứ mạng – Tầm nhìn trường	Mục tiêu CTĐT cấp trường	Mục tiêu CTĐT CNTT
- <i>Sứ mạng</i> : Trường đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó đào tạo	1. Kiến thức chuyên môn toàn diện, hiểu biết sâu về nguyên lý và quy luật tự nhiên - xã hội	1. Kiến thức và lập luận ngành (UNESCO: Học để biết) - Có hiểu biết về toán học, kinh tế, chính trị, xã hội và pháp luật để đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội.

Sứ mạng – Tầm nhìn trường	Mục tiêu CTĐT cấp trường	Mục tiêu CTĐT CNTT
giáo viên là nòng cốt; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trên các lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn; phục vụ cho sự phát triển đất nước trọng tâm là khu vực Miền Trung-Tây Nguyên. - <i>Tầm nhìn:</i> Đến năm 2030 Trường đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng trở thành trường sư phạm trọng điểm quốc gia, đào tạo, nghiên cứu khoa học đạt chuẩn chất lượng khu vực Đông Nam Á trên một số lĩnh vực		- Có kiến thức cơ bản và chuyên sâu trong lĩnh vực công nghệ thông tin. - Được trang bị kiến thức sâu rộng liên quan đến việc phát triển các hệ thống công nghệ thông tin.
	2. Kỹ năng mềm, khả năng sáng tạo và thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc	2. Kỹ năng giao tiếp: làm việc nhóm, giao tiếp và sử dụng ngoại ngữ (UNESCO: Học để chung sống) - Có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm. - Có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc.
	3. Năng lực giáo dục và phát triển nghề nghiệp	3. Hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và vận hành hệ thống trong bối cảnh doanh nghiệp, xã hội và môi trường - quá trình sáng tạo (UNESCO: Học để làm) - Có khả năng mô hình hoá các bài toán thực tiễn. - Có năng lực sử dụng các kiến thức chuyên ngành trong việc tạo nên các hệ thống phần mềm. - Có năng lực chuyên sâu về các thành phần trong hệ thống công nghệ thông tin. - Có khả năng sáng tạo.
	4. Đạo đức, phẩm chất nghề nghiệp, sức khỏe tốt; ý	4. Kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp (UNESCO: Học để trưởng thành)

Sứ mạng – Tầm nhìn trường	Mục tiêu CTĐT cấp trường	Mục tiêu CTĐT CNTT
mũi nhọn; tham vấn hiệu quả các chủ trương, chính sách về giáo dục đào tạo	thức phục vụ cộng đồng	- Khả năng tự học liên tục để phát triển mở rộng và đào sâu chuyên môn - Rèn luyện phẩm chất đạo đức - Đương đầu và thích ứng với những thách thức đặt ra trong sự phát triển của khoa học và công nghệ trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.

Mục tiêu của CTĐT ngành CNTT phản ánh nhu cầu của thị trường lao động thông qua việc tiếp thu các ý kiến đóng góp của các bên có liên quan. Cụ thể, những kiến thức, kỹ năng và thái độ mà người học được kỳ vọng tiếp thu được và thể hiện thành công khi tốt nghiệp được xác định sau khi khảo sát thị trường lao động và lấy ý kiến chuyên gia. Việc khảo sát thị trường lao động được tiến hành thông qua khảo sát các nguồn thông tin phản hồi của các cơ quan tuyển dụng, của người học được thể hiện trong các hội thảo, cuộc họp, các cuộc tiếp xúc cá nhân, thông tin phản hồi của người học trong các đợt lấy ý kiến. Tuy nhiên, chất lượng của các hoạt động khảo sát chưa tốt như chưa khảo sát riêng về CDR mà chỉ tiến hành khảo sát chung về CTĐT; những ý kiến thu được có chất lượng không cao. Cùng với đó quỹ thời gian và kinh phí dành cho hoạt động này không nhiều.

Mục tiêu của CTĐT ngành CNTT được phổ biến rộng rãi dưới nhiều hình thức như Sổ tay SV/Niên giám [H1.01.01.13], tờ thông tin tuyển sinh, trang thông tin điện tử của Khoa Tin học và Nhà trường [H1.01.01.14].

2. Điểm mạnh

- Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng hướng đào tạo chuyên sâu, đáp ứng nhu cầu của xã hội và đúng theo quy trình xây dựng, phát triển CTĐT.

- Mục tiêu đào tạo ngành CNTT hoàn toàn phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường, phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định tại Luật Giáo dục.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát thị trường lao động về mục tiêu CTĐT thực hiện có thể chưa đại diện cho số đông khoảng 900 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực CNTT trên địa bàn là các

đơn vị chủ yếu sử dụng lao động trong khu vực Miền Trung – Tây Nguyên, trong nước cũng như ASEAN.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Khảo sát nhu cầu của thị trường lao động - Chọn lọc những nội dung từ báo cáo khảo sát đưa vào rà soát lại mục tiêu của CTĐT theo hướng phù hợp hơn với sứ mạng, tầm nhìn của Trường, và Luật GD	- Phòng Đào tạo - Khoa Tin học - Bộ môn hệ thống thông tin	Từ năm học 2020 - 2021	
2	Phát triển điểm mạnh	Thực hiện phát triển mục tiêu CTĐT CNTT	- Phòng Đào tạo - Khoa Tin học - Bộ môn Hệ thống thông tin	2 năm 1 lần	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 1.2 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các CĐR chung và CĐR chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả

CĐR của CTĐT ngành CNTT bao gồm 9 CĐR tuân thủ theo quy định của Bộ Giáo Dục [H1.01.02.01], [H1.01.02.02], quy trình xây dựng, thẩm định ban hành CĐR của Nhà trường [H1.01.02.03], phù hợp với Tầm nhìn, Sứ mạng của Nhà trường [H1.01.01.04].

Dựa vào quy định của Nhà trường về số tín chỉ đạt được, yêu cầu về năng lực của người học sau khi tốt nghiệp [H1.01.02.05], CTĐT ngành CNTT được phân chia thành 3

nhóm bao gồm: Khối kiến thức chung; khối kiến thức cơ sở ngành và ngành; khối kiến thức chuyên ngành. Bên cạnh đó, mỗi một nhóm cấu trúc đều được xây dựng từ những học phần khác nhau để đảm bảo mức độ đạt được mục tiêu, CĐR của CTĐT được thể hiện trong cuốn CTĐT. Vì vậy, các học phần đều thiết kế có CĐR của mỗi học phần và đáp ứng được CĐR của CTĐT, điều này được thể hiện qua đề cương chi tiết trong cuốn CTĐT [H1.01.02.06]. CĐR nêu cụ thể về kiến thức, năng lực, kỹ năng, mức độ tự chủ đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai. CĐR được lấy ý kiến qua phiếu khảo sát doanh nghiệp, cựu sinh viên, sinh viên, giảng viên và ở hội thảo lấy ý kiến của các bên liên quan. Hầu hết các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng đều hài lòng với trình độ đào tạo và chuẩn đầu ra mà CTĐT ngành CNTT đã được thiết kế [H1.01.02.07].

Các thông tin về CĐR CTĐT, CĐR các học phần đều có chi tiết trong cuốn đặc tả CTĐT và được triển khai đến người học và các bên liên quan thông qua trang Web khoa [H1.01.02.08]

Tính khả thi và đo lường của các CĐR được thể hiện rõ thông qua việc sử dụng các câu từ khi mô tả CĐR của CTĐT và các CĐR này được đánh giá qua các kỹ năng cần đạt được, cấu trúc CTĐT được thiết kế thành từng nhóm kiến thức, năng lực giúp SV đạt được CĐR theo mức độ từ dễ đến khó được thể hiện trong cuốn CTĐT và Bản mô tả CTĐT. Ứng với mỗi CĐR, chủ đề CĐR CTĐT và trình tự giảng dạy được phân bổ về các học phần, CĐR đạt được dần dần theo từng cấp độ thể hiện trong ma trận kỹ năng [H1.01.02.09]. CĐR của các học phần CTĐT có phản ánh phù hợp với CĐR của CTĐT được thể hiện trong đề cương học phần với ma trận kỹ năng.

CĐR ngành CNTT được đối chiếu, so sánh với CTĐT của các CSGD khác [H1.01.02.10]

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT CNTT được phát triển theo đúng quy trình phát triển CTĐT. CĐR của CTĐT CNTT thể hiện rõ 2 CĐR riêng biệt và được xây dựng có tính khả thi, đo lường được. CĐR CTĐT CNTT được triển khai thành trình tự giảng dạy được phân bổ vào các học phần.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng và các bên liên quan để góp ý cho CDR của CTĐT CNTT vẫn chưa được thực hiện định kỳ, số lượng lấy ý kiến chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Hoàn thiện quy trình khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CDR của CTĐT. - Chọn lọc những nội dung góp ý phù hợp của báo cáo khảo sát để đưa vào rà soát, trao đổi và xây dựng những nguyên tắc liên quan CDR của CTĐT, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV đạt kết quả mong đợi. - Tăng số lượng đối tượng được khảo sát để lấy ý kiến về CDR	- Phòng Đào tạo - Khoa Tin học - Bộ môn Hệ thống thông tin	Từ năm học 2020 - 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Lập kế hoạch rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT CNTT nhằm giúp người học đạt được những năng lực cần thiết đáp ứng nhu cầu xã hội, tăng số lượng các đơn vị tuyển dụng tham gia khảo sát lấy ý kiến.	- Khoa Tin học - Bộ môn Hệ thống thông tin	2 năm 1 lần	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả

Mục tiêu CTĐT ngành CNTT được xây dựng dựa trên Tầm nhìn, Sứ mạng của Trường [H1.01.03.01] cũng như quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và công bố mục tiêu, CDR của CTĐT của Trường [H1.01.03.02], tiếp cận theo yêu cầu các bên liên quan bao gồm nhà quản lý, nhà khoa học, giảng viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và người học [H1.01.03.03]. CDR CTĐT ngành CNTT đã được xây dựng, thẩm định và ban hành theo quy định của Bộ GD&ĐT [H1.01.03.04], [H1.01.03.05] và của trường ĐHSP thông qua hội thảo lấy ý kiến của các bên liên quan [H1.01.03.06], [H1.01.03.07]. Định kỳ 2 năm một lần CDR CTĐT CNTT được Khoa cập nhật, điều chỉnh, bổ sung theo góp ý của các bên liên quan [H1.01.03.08]. Hằng năm, Khoa tổ chức khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT CNTT và thông tin tuyển dụng để điều chỉnh CDR của CTĐT, cũng thông qua hội thảo lấy ý kiến của các bên liên quan, các doanh nghiệp sẽ đưa ra các góp ý về CDR cũng như các yêu cầu cụ thể đối với SV tốt nghiệp phù hợp với nhu cầu thị trường lao động hiện tại [H1.01.03.09], [H1.01.03.10]. Ngoài ra, Khoa cũng xin ý kiến của các cá nhân, doanh nghiệp khi tiếp xúc trực tiếp vào các dịp lễ lớn của Trường và Khoa.

CDR CTĐT CNTT thể hiện rõ những kiến thức, năng lực, kỹ năng mà người học có thể đạt được và những hoạt động nghề nghiệp mà người học có thể làm trong tương lai. Từ đó, triển vọng việc làm trong tương lai đối với sinh viên tốt nghiệp ngành CNTT đã được nêu rõ ở vị trí việc làm của cuốn CTĐT.

Theo định kỳ 2 năm, Hội đồng KH&ĐT của Khoa nhận xét, điều chỉnh, bổ sung CDR của CTĐT [H1.01.03.11]. Các CDR này được công bố rộng rãi và công khai thông qua website của khoa [H1.01.03.12] và bản mô tả CTĐT để tất cả các bên liên quan được biết.

2. Điểm mạnh

- CDR của CTĐT đã phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát và được công bố công khai tới toàn thể GV, SV và luôn được thể hiện cụ thể trong năm học.

- Khoa Tin học điều chỉnh mục tiêu và chuẩn đầu ra cho CTĐT với sự tiếp thu ý kiến của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Dữ liệu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về CĐR CTĐT chưa đa dạng về đối tượng khảo sát.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cập nhật thêm dữ liệu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về CĐR CTĐT CNTT	- Khoa Tin học - Bộ môn Hệ thống thông tin - Tổ CNTT&TT	Từ năm học 2020 – 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục định kỳ, rà soát, chỉnh sửa CĐR CTĐT CNTT theo hướng đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội từ năm 2020, xây dựng lại CĐR và CTĐT nói chung áp dụng từ khoá tuyển sinh 2021“	Khoa Tin học	2 năm 1 lần	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Mục tiêu và CĐR của CTĐT được xây dựng tốt theo quy trình. Cụ thể, trình tự các bước xây dựng được thực hiện nghiêm túc. Hồ sơ năng lực của giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng đầy đủ. Mục tiêu và CĐR có kế hoạch để điều chỉnh và cập nhật 2 năm 1 lần dựa trên các ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Mục tiêu và CĐR của chương trình đã được xác định rõ ràng, phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Trường ĐHSP; bao quát được cả các yêu cầu mà người học cần đạt được

sau khi tốt nghiệp; phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan và được công bố công khai. Tuy nhiên, dữ liệu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về CDR của CTĐT chưa đa dạng.

Tiêu chuẩn 1 có 3 tiêu chí: 5/7

Tiêu chuẩn: 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu:

Bản mô tả CTĐT cung cấp các thông tin về CTĐT của ngành CNTT, giúp người học và học sinh có nguyện vọng học tại Trường hiểu về CTĐT. Nó cũng là nguồn thông tin cho các tổ chức nghề nghiệp và cơ quan quản lý có thẩm quyền kiểm định chương trình. Bản mô tả cũng là cơ sở để đội ngũ GV, cán bộ thảo luận và nghiên cứu về chương trình hiện hành và chương trình mới nhằm đảm bảo có cùng một cách hiểu về CĐR của chương trình. Đồng thời, bản mô tả CTĐT giúp Khoa đảm bảo các CĐR của chương trình được thiết kế rõ ràng và người học tốt nghiệp có thể đáp ứng CĐR.

Tiêu chí: 2.1 Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả

Dựa vào các quy định hướng dẫn xây dựng, cập nhật bản mô tả CTĐT của Bộ GDĐT và của Trường [H2.02.01.01], [H2.02.01.02], [H2.02.01.03], khoa Tin học xây dựng bản mô tả CTĐT, tham khảo ý kiến phản hồi các bên liên quan về việc xây dựng, thẩm định, ban hành và công bố [H2.02.01.04], [H2.02.01.05]. Bản mô tả CTĐT CNTT có đầy đủ các thông tin chung giúp người học có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT, bao gồm: Tên CTĐT (tiếng Việt: Công nghệ thông tin; tiếng Anh: Information Technology); Tên cơ sở đào tạo và cấp bằng: Trường Đại học Sư phạm- Đại học Đà Nẵng; Tên gọi của văn bằng: Cử nhân Công nghệ thông tin; Thời gian đào tạo: 4 năm; Đối tượng tuyển sinh: Người đã tốt nghiệp THPT; Mục tiêu của CTĐT; CĐR của CTĐT; Chương trình tham khảo khi xây dựng; Cấu trúc CTDH và ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức, các học phần vào mức độ đạt được CĐR của CTĐT đã thể hiện rõ các mức độ đóng góp khác nhau (L-M-H). Trong nội dung mô tả tóm tắt các học phần có tên các học phần, mã học phần và số tín chỉ, nội dung chi tiết của học phần và được thể hiện rõ trong cuốn mô tả CTĐT [H2.02.01.06]. CTĐT ngành CNTT được xây dựng và điều chỉnh dựa trên Thông tư số 07/2015/TT- BGD&ĐT ban hành ngày 16/4/2015 về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. CTĐT ngành CNTT được tham khảo CTĐT ngành CNTT của Trường đại học Công nghệ - ĐHQG Hà Nội [H2.02.01.07]

Bản mô tả CTĐT ngành CNTT năm 2019 đã có đầy đủ các nội dung theo các quy

định của BGD&ĐT về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH [H2.02.01.08], [H2.02.01.09]. Bản mô tả CTĐT CNTT được xem xét đánh giá và cập nhật thường xuyên theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHSP - ĐHĐN và nhu cầu của thị trường lao động, xã hội cũng như mong muốn của người học, người dạy và phản hồi các bên liên quan [H2.02.01.10]. Bản mô tả chương trình đào tạo được Khoa rà soát cập nhật, cải tiến định kỳ 2 năm 1 lần theo quy định của trường. So với CTĐT năm 2015, đến nay, CTĐT đã được cập nhật vào các năm 2015, 2017, 2019. Nội dung cập nhật cơ bản nhất được thể hiện trong việc cập nhật chuẩn đầu ra và sung thêm các học phần cơ sở ngành chuyên ngành theo yêu cầu của các bên liên quan; điều chỉnh biểu mẫu đề cương chi tiết năm 2017 theo hướng cụ thể hóa các hoạt động giảng dạy và học tập; tiêu chí kiểm tra đánh giá học phần chi tiết cho cả năng lực chuyên môn CNTT và kỹ năng được thể hiện trong bản mô tả chương trình đào tạo.

Bản mô tả CTĐT ngành CNTT được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Khoa [H2.02.01.11].

2. Điểm mạnh

- Bản mô tả CTĐT ngành CNTT được xây dựng đúng mẫu trên cơ sở hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHSP-ĐHĐN, có đầy đủ thông tin quan trọng, cần thiết giúp người học có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT đặc biệt là đề cương chi tiết được xây dựng rất tốt.

- Bản mô tả CTĐT được rà soát, cập nhật định kỳ 2 năm/lần theo quy định của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

CTĐT CNTT chưa tham khảo CTĐT CNTT của một số trường đại học ở các nước tiên tiến mà chỉ tham khảo trường Đại học Công nghệ – ĐHQG Hà Nội và một trường trong khu vực ASEAN.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người	Thời gian thực hiện	Ghi chú
----	----------	----------	---------------	---------------------	---------

			thực hiện	hoàn thành	
1	Khắc phục tồn tại	Lập kế hoạch và triển khai nghiên cứu, so sánh bản mô tả CTĐT CNTT với CTĐT của một số trường đại học ở các nước tiên tiến trong cùng khu vực.	- Khoa Tin học - Bộ môn Hệ thống thông tin	Từ năm học 2020 - 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật các mục trong bản mô tả để đảm bảo tính logic cao Cập nhật CTĐT một cách quy mô, toàn diện từ MT, CDR cho đến đề cương chi tiết.	- Khoa Tin học - Bộ môn Hệ thống thông tin	2 năm 1 lần	

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 2.2. Đề cương các môn học đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả

Dựa vào các quy định xây dựng, cập nhật đề cương học phần của bộ GDĐT [H2.02.02.01], [H2.02.02.02], [H2.02.02.03], quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và mẫu đề cương chi tiết của Trường qua các năm [H2.02.02.04], GV ngành CNTT tham gia xây dựng đề cương học phần, phản biện chỉnh sửa, hoàn thiện, ban hành và công bố.

Các học phần trong CTĐT ngành CNTT được mô tả bằng các đề cương và trình bày trong bản mô tả CTĐT. Đề cương chi tiết học phần cung cấp đầy đủ các thông tin: Tên đơn vị/ tên giảng viên đảm nhận giảng dạy; Tên học phần; Số tín chỉ; Mục tiêu, CDR của học phần, ma trận liên kết CDR học phần với CDR chương trình dạy học; Các yêu cầu của học phần; Cấu trúc học phần; Cách đánh giá; Kế hoạch giảng dạy, phương pháp giảng dạy, tài liệu tham khảo. Những thông tin này đều có trong cuốn CTĐT. Cấu trúc của đề cương chi tiết học phần được chuẩn hóa và áp dụng triển khai chung cho tất cả các học phần được thể hiện rõ trong cuốn CTĐT [H2.02.02.05]. Đề cương phải bảo đảm thể hiện sự tương hợp

giữa 3 yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được CDR của môn học, phương pháp giảng dạy, học tập để có thể đạt được các CDR đã nêu và phương pháp đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy. Từng học phần có số tín chỉ xác định và được ký hiệu bằng một mã số riêng do Trường quy định. Tuy nhiên, việc giám sát GV thực hiện đúng tất cả các nội dung trong đề cương còn gặp những khó khăn.

Đề cương học phần được công khai trên trang website, tờ rơi [H2.02.02.06]. Trong mỗi học phần, GV dành tiết đầu tiên để trao đổi về đề cương học phần. Trong các buổi họp sơ kết và tổng kết Bộ môn cũng như Khoa, các nội dung trong các đề cương môn học được rà soát, bổ sung, điều chỉnh. SV cũng có quyền thể hiện ý kiến của mình về nội dung của học phần, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần thông qua các kênh đóng góp như các phiếu phản hồi ý kiến của SV; thông qua đối thoại dân chủ giữa lãnh đạo khoa với SV; thông qua đại diện của lớp ở các cuộc họp [H2.02.02.07]. Đặc biệt, hình thức tổ chức môn học, các phương tiện phục vụ dạy học và phương pháp dạy học của GV là những nội dung có được nhiều ý kiến đóng góp và thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật.

Đề cương các học phần trong CTĐT ngành CNTT được định kỳ rà soát, bổ sung, cập nhật nội dung [H2.02.02.08] và góp ý chi tiết tại các cuộc họp hội đồng Khoa Tin học [H2.02.02.09]. Sau đó, đề cương các học phần được điều chỉnh, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung học phần và danh mục tài liệu trước khi được ban hành và đưa vào sử dụng [H2.02.02.10].

Bảng 2.2. So sánh đề cương môn học giữa các năm

Phiên bản	Đề cương năm 2017	Đề cương năm 2019
1. Thông tin học phần	Tên học phần tiếng Việt và tiếng Anh, số tín chỉ, mã học phần...	Tên học phần tiếng Việt và tiếng Anh, số tín chỉ, mã học phần, GV phụ trách chính, phụ...
2. Mục tiêu học phần	Chưa rõ ràng, chưa có góp ý các bên liên quan	Sửa lại mục tiêu rõ ràng và yêu cầu góp ý của các bên liên quan

3. Xác định mức độ đóng góp của học phần cho CĐR	Chưa thể hiện rõ	Thể hiện mức độ đóng góp thông qua mối quan hệ giữa PLO và các CLO
4. Xác định ma trận tương quan giữa mục tiêu CĐR của học phần với CĐR CTĐT	Có ma trận tương quan giữa PLOs và CLOs	Trong đề cương có ma trận liên hệ giữa PLOs và CLOs
5. Phương pháp hình thức, tổ chức dạy học	Mới chỉ dừng lại ở mức chung chung, chưa cụ thể thành câu hỏi	Phương thức, tổ chức dạy học được chỉnh lại rõ ràng hơn, đặc biệt là tiêu chí đánh giá
6. Nhiệm vụ của sinh viên	Nhiệm vụ còn chung chung, chưa đi vào cụ thể như đọc tài liệu nào, trang mấy.	Nhiệm vụ sinh viên được cung cấp rõ trong từng chương
7. Tài liệu học tập, tài liệu tham khảo	Tài liệu còn ít, cũ	Các học phần được bổ sung thêm tài liệu mới
8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên và thang điểm	Mới nêu chung chung về tỷ lệ phần 40%, 60%	Tiêu chuẩn đánh giá được cập nhập lại theo quy định mới 20%, 30%, 50%. Tiêu chí đánh giá thành mục riêng
9. Nội dung chi tiết học phần	Xây dựng tương đối chi tiết	Cập nhật theo yêu cầu các bên liên quan

2. Điểm mạnh

- Đề cương môn học của CTĐT ngành CNTT học được xây dựng cập nhật, bổ sung và hoàn thiện để hướng đến việc SV có thể đạt được CLOs môn học và PLOs của CTĐT.

- Đề cương học phần được công khai tới tất cả SV và được nhiều GV đóng góp ý kiến sau khi kết thúc mỗi môn học.

3. Điểm tồn tại

Đề cương học phần chưa có nhiều đóng góp của các chuyên gia để cập nhật nhằm điều chỉnh đề cương học phần phù hợp hơn

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xin ý kiến rộng rãi của các chuyên gia về đề cương các môn học để rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp	- Khoa Tin học - Bộ môn Hệ thống thông tin	Từ năm học 2020 - 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện tốt nội dung đề cương môn học	- Khoa Tin học - Bộ môn Hệ thống thông tin	2 năm 1 lần	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí: 2.3 Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các môn học được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần CTĐT ngành CNTT đã giúp người học biết được các thông tin chung, yêu cầu, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá và kế hoạch đào tạo ... để xây dựng kế hoạch học tập phù hợp và được thể hiện rõ trong đề cương học phần [H2.02.03.01], [H2.02.03.02].

Khoa Tin học đã công bố bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần cho người học và giảng viên bằng nhiều hình thức khác nhau: công bố công khai trên website của Khoa [H2.02.03.03]; các buổi tư vấn tuyển sinh cho học sinh phổ thông [H2.02.03.04]; trong các

thông báo của Khoa về giới thiệu CTĐT cho sinh viên khóa mới trong buổi sinh hoạt công dân đầu khóa... Việc sử dụng/ công bố CTĐT và các đề cương học phần bằng nhiều hình thức trên đã giúp cho sinh viên nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học. Với cách làm này, các bên liên quan như: cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần dễ dàng và thuận tiện nhất.

Ngoài ra, các thông tin trong bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần giúp xã hội dễ dàng tiếp cận và nắm được CĐR về năng lực nghề nghiệp, về kiến thức chuyên môn, về kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức và giải quyết vấn đề, thái độ và đạo đức nghề nghiệp, vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp.

Sinh viên thường sử dụng bản mô tả CTĐT để đăng ký quá trình học tập tại Trường và phản hồi về CTĐT trong các dịp gặp gỡ đầu năm học với BCN Khoa [H2.02.03.05], [H2.02.03.06]. Các doanh nghiệp, cựu sinh viên thường sử dụng bản mô tả CTĐT CNTT để góp ý trong các buổi hội thảo với các bên liên quan để đánh giá CTĐT [H2.02.03.07]. Ngoài ra, SV còn sử dụng đề cương môn học để theo dõi tiến độ học tập của môn học và phản hồi ý kiến về môn học trong tiết học đầu tiên.

Một số nội dung quan trọng trong bản mô tả CTĐT ngành CNTT được thông tin đến học sinh phổ thông, phụ huynh qua tờ rơi tuyển sinh, tư vấn tuyển sinh trực tuyến, website tuyển sinh của Khoa, Nhà trường [H2.02.03.08], [H2.02.03.09], [H2.02.03.10]. Các tân sinh viên được khoa giới thiệu về CTĐT ngành CNTT ngay trong tuần sinh hoạt công dân đầu tiên [H2.02.03.11], [H2.02.03.12]. Sau khi nhập học, mỗi sinh viên sẽ được cung cấp thông tin sinh viên trên website đào tạo, trong đó thông tin về quy định học thuật cũng như nội dung của bản mô tả CTĐT ngành CNTT được mô tả rõ ràng nhằm giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về CTĐT cũng như tự lên kế hoạch học tập cho cá nhân. Ngoài ra, khi đi vào các học phần cụ thể, giảng viên luôn giới thiệu đến sinh viên bản mô tả học phần trong tiết học đầu tiên theo quy định của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần của CTĐT CNTT được công bố công khai bằng nhiều hình thức, tạo điều kiện để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Trường với CSGD trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT CNTT chưa được quảng bá rộng rãi đến đối tượng học sinh phổ thông.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện việc giới thiệu các điểm mạnh, hấp dẫn của CTĐT CNTT đến đối tượng học sinh phổ thông thông qua các phương thức truyền thông và phi truyền thống	- Khoa Tin học - Tổ CNTT & TT - Bộ môn Hệ thống thông tin	Từ năm học 2020- 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy vai trò của đội ngũ cố vấn học tập để giới thiệu rộng rãi bản mô tả CTĐT và đề cương học phần đến SV và cựu SV	- Khoa Tin học - Bộ môn Hệ thống thông tin	2 năm 1 lần	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Nhìn chung, bản mô tả CTĐT đã cung cấp đầy đủ thông tin cho các bên liên quan. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật. Đặc biệt đề cương chi tiết có tiêu chí đánh giá cụ thể, điểm từng phần được chia nhỏ. Đề cương các học phần được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Tuy nhiên, một số nội dung của bản mô tả thiếu những ý kiến đóng góp có chất lượng trong cập nhật và điều chỉnh.

Tiêu chuẩn 2 có 3 tiêu chí: 5/7

Tiêu chuẩn: 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu:

Cấu trúc và nội dung CTDH ngành CN ngành CNTT được xây dựng hợp lý và hệ thống, theo đúng quy trình. Cấu trúc và nội dung CTDH được tham khảo ý kiến các bên có liên quan. Các phương pháp dạy và học, các phương pháp kiểm tra đánh giá người học được xác định nhằm đảm bảo đạt CĐR của từng học phần và CĐR chung của CTĐT. Chương trình đào tạo thể hiện rõ sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR của CTĐT. Nội dung các học phần (bắt buộc và tự chọn) được cấu trúc một cách hợp lý, theo trình tự và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. Ngoài ra, CTĐT ngành CN CNTT cũng được rà soát định kỳ sau 2 năm một lần, trong đó ở năm trung gian có thể đưa vào một số điều chỉnh để thử nghiệm, chẳng hạn CTĐT năm 2018 có một số điểm mới so với năm 2017 và được áp dụng cho năm 2019 nhằm đảm bảo tính cập nhật và ngày càng phù hợp đối với từng học phần cụ thể trong CTĐT và cho cả CTĐT.

Tiêu chí: 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

CTDH ngành CNTT được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực tự chủ và trách nhiệm [H3.03.01.01] được xây dựng theo các quy định hiện hành của BGD&ĐT [H3.03.01.02] và yêu cầu mục tiêu đào tạo quy định tại Luật GDDH [H3.03.01.03]. CTDH ngành CNTT xác định rõ ràng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, được lượng hóa thành các chỉ số có thể định lượng được, đánh giá được (bao gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực SV tốt nghiệp), cơ hội nghề nghiệp, khả năng nâng cao trình độ. Ngoài việc đáp ứng yêu cầu kiến thức tối thiểu, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực tự chủ, trách nhiệm theo quy định, SV còn được trang bị các kỹ năng về thực hành CNTT, có khả năng tự nghiên cứu, sử dụng tốt ngoại ngữ, tin học, tự tin trong môi trường làm việc có cạnh tranh.

CTDH ngành CNTT bao gồm các nội dung sau: Mục tiêu đào tạo; CDR; Ma trận kỹ năng; Đối tượng tuyển sinh; Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp; Cách thức đánh giá; Nội dung đào tạo.

Cấu trúc toàn bộ CTĐT được chia thành 06 khối kiến thức (kiến thức toán - khoa học tự nhiên, kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, thực tập – khóa luận, kiến thức bổ trợ). Mỗi khối kiến thức tham gia vào việc đóng góp đạt được CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ thể hiện rất rõ tại bảng ma trận kỹ năng [H3.03.01.04].

Bên cạnh đó, để đánh giá mức độ đạt được PLOs, nhiều phương pháp dạy và học được hướng dẫn qua các văn bản và thảo luận, các giảng viên lựa chọn áp dụng một cách hợp lý tùy theo tính chất và CLOs của từng học phần, đảm bảo sao cho mỗi PLOs đều có ít nhất một chiến lược dạy và học đáp ứng yêu cầu. Mô tả chi tiết các chiến lược dạy và học và ma trận đáp ứng của các chiến lược dạy và học này với PLOs được thể hiện đầy đủ trong bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết [H3.03.01.05]

Nội dung, cấu trúc của CTDH được xây dựng nhằm đảm bảo cho người học được trang bị các năng lực về phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực giáo dục, năng lực chuyên ngành công nghệ thông tin, giao tiếp. Việc thiết kế các học phần trong CTDH CNTT chặt chẽ và khoa học, có sự cân nhắc lựa chọn các học phần đáp ứng được những yêu cầu CDR tương ứng. Điều này thể hiện ở ma trận kỹ năng Cũng như ma trận tương quan giữa CDR học phần và CDR CTĐT trong từng đề cương học phần cụ thể. CTDH CNTT được cụ thể hóa qua kế hoạch đào tạo, nguồn lực, tiến độ, thực hiện trong từng năm học [H3.03.01.06], [H3.03.01.07], [H3.03.01.08].

Để góp phần đạt được CDR của CTĐT, các tổ hợp phương pháp giảng dạy (thuyết trình; vấn đáp, seminar, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành/thí nghiệm) và phương pháp học tập chủ yếu là tự học, làm việc nhóm, seminar đã được thể hiện trong đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT. Trong đó, thuyết trình của GV giúp việc cung cấp các kiến thức cơ bản, mới và khó; vấn đáp hỗ trợ SV thu nhận được kiến thức, biết vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề GV nêu ra. Thực hành theo nhóm, bài tập, thảo luận, tự học, thực tế chuyên môn giúp SV đạt được các kỹ năng nghề nghiệp, năng lực tự chủ, trách nhiệm. Mỗi giáo viên giảng dạy đều có hồ sơ giảng dạy, bao gồm đề cương chi tiết, bài giảng giáo trình... [H3.03.01.09].

100% các học phần trong chương trình dạy học cũng đã xác định được phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp: Với các học phần cơ bản hình thức tự luận chiếm tỉ lệ lớn, còn với các môn phương pháp dạy học hình thức đánh giá có sự đa dạng: vấn đáp, bài tiểu luận; phương pháp kiểm tra đánh giá của mỗi học phần được nêu trong Bản mô tả CTĐT CNTT cũng như được thông tin một lần nữa tới người học vào đầu mỗi buổi học của học phần. Các học phần trong CTDH CNTT có các hoạt động kiểm tra, đánh giá người học tương thích với nhau và đảm bảo việc đạt được CĐR.

Sau khi kết thúc học phần, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động giảng dạy cũng như nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập để điều chỉnh CTDH cho phù hợp. [H3.03.01.10].

2. Điểm mạnh

- CTDH của ngành CNTT được thiết kế phù hợp với CĐR của CTĐT. Mỗi học phần trong CTDH đều xác định rõ mức độ đạt CĐR.

- Tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được quy định rõ nhằm hỗ trợ cho việc đạt được CĐR của người học

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá mức độ đạt được CĐR về năng lực học tập suốt đời đối với cựu sinh viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các sermina, hội nghị về việc đánh giá mức độ đạt được CĐR của cựu SV	- Khoa Tin học - Bộ môn Hệ thống thông tin	Từ năm học 2020 - 2021	
2	Phát huy	Duy trì và phát huy các bước	- Khoa Tin học	2 năm 1 lần	

	điểm mạnh	xây dựng, thiết kế CTDH CNTT dựa trên các chuẩn đầu ra.	- Bộ môn Hệ thống thông tin		
--	--------------	---	--------------------------------	--	--

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí: 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Mô tả

Mỗi học phần có vai trò nhất định trong khối kiến thức/kỹ năng mà SV mong muốn đạt được và được thể hiện rõ trong CDR ngành CNTT cập nhật mới nhất năm 2019 [H3.03.02.01]. Tất cả các học phần trong CTĐT CNTT đều có đề cương chi tiết do các giảng viên biên soạn và rà soát, thống nhất trong nhóm chuyên môn giảng dạy theo yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, phù hợp với CDR của CTĐT và được thực hiện theo phương thức đào tạo theo tín chỉ [H3.03.02.02].

Theo các hướng dẫn từ Bộ GD&ĐT, Trường ĐHSP ban hành quy trình thiết kế, phát triển để phân bổ PLOs của CTĐT chuyển tải vào các học phần, vào CLOs của học phần, vào nội dung, dạy học, đánh giá của môn học [H3.03.02.03], [H3.03.02.04], [H3.03.02.05], [H3.03.02.06]. Mỗi học phần trong CTĐT đều có CLOs tương ứng với chiến lược dạy-học và phương pháp đánh giá như mô tả trong đề cương chi tiết.

Quy trình thiết kế, phát triển để phân bổ PLOs của CTĐT được xây dựng dựa trên góp ý các bên liên quan và Khoa tiến hành họp hội đồng Khoa học để xây dựng CTDH [H3.03.02.07], [H3.03.02.08]. Toàn bộ CTĐT gồm 130 tín chỉ sẽ bao phủ hết 9 PLOs, việc đạt được 1 PLO sẽ do nhiều học phần đảm nhận và được thể hiện ở ma trận quan hệ giữa CLOs và PLOs trong cuốn mô tả CTĐT. Khi xây dựng CTĐT CNTT, GV đã mô tả, xác định rõ học phần đó đóng góp gì về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân người học để đạt CDR vì vậy 100% các môn học/học phần trong CTĐT có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/học phần nhằm đạt được CDR. CTĐT được thiết kế theo thứ tự từ kiến thức và kỹ năng chung đến chuyên ngành trong bốn năm học gồm 08 học kỳ [H3.03.02.09], H3.03.01.10], H3.03.01.11]. Bốn

học kỳ đầu tiên cung cấp nền tảng cơ sở của kiến thức chung và kiến thức thuộc cơ sở ngành nên mức độ đóng góp cho các ELOs như trong ma trận kỹ năng. Kế hoạch đào tạo được công bố trên web Trường và Khoa đến các bên liên quan [H3.03.02.12].

Trong cuốn CTĐT và đề cương chi tiết, mối tương giữa PLO với các học phần được mô tả rõ ràng và cụ thể thông qua ma trận liên kết CLO với PLO, các phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá có liên quan trong đề cương chi tiết và được giáo viên cung cấp và giải thích cho sinh viên tại buổi học đầu tiên.

Các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá và các tiêu chí đánh giá cụ thể được xác định rõ ràng, phù hợp ở tất cả các học phần trong CTDH để đảm bảo việc đạt được CĐR và được thể hiện rõ ràng trong ĐCCT của CTĐT. Việc thực hiện giảng dạy, tổ chức lớp học, kiểm tra đánh giá đều được thực hiện theo các quy định và hướng dẫn của Nhà trường, được quy định rõ trong quy chế đào tạo đại học của trường ĐHSP, quy định đánh giá kết quả học tập của sinh viên [H3.03.02.13]. ĐCCT các học phần đều xác định rõ hình thức tổ chức dạy học giúp người học hiểu rõ GV sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nào, ở nội dung gì, những yêu cầu cụ thể đối với SV, những nội dung tự học cụ thể... nhằm giúp SV đạt được CĐR của học phần về kiến thức, rèn luyện các kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Trong đề cương chi tiết các học phần đều thể hiện rõ phương pháp kiểm tra, đánh giá KQHT của SV, bao gồm: thang điểm đánh giá, hình thức, tiêu chí đánh giá, trọng số điểm và sự đóng góp cụ thể đối với CĐR của học phần. Theo quy định, điểm học phần gồm có điểm đánh giá quá trình gồm điểm bộ phận có trọng số 20% và điểm giữa kỳ có trọng số 30% (điểm chuyên cần, điểm thường xuyên, điểm định kì), điểm thi kết thúc học phần (có trọng 50%). Các hình thức đánh giá được GV sử dụng linh hoạt nhằm phát huy năng lực của người học (bài tập cá nhân, bài tập nhóm, seminar, tiểu luận, thực hành...). Hình thức thi kết thúc học phần cũng phong phú, đa dạng: tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, tiểu luận... Hình thức kiểm tra, đánh giá, trọng số điểm các lần kiểm tra của từng học phần được tuân theo quy định về thi, kiểm tra đánh giá người học và được công bố công khai trong đề cương chi tiết các học phần cũng như hồ sơ giảng dạy của GV [H3.03.02.14].

Các học phần trong CT được thiết kế nhằm đạt được kết quả học tập mong đợi của CTĐT. Từng ELO sẽ có các học phần tương ứng để đạt được kết quả đã đề ra. Đề cương các học phần được thiết kế một cách khoa học để SV hiểu rõ hơn về chủ đề của học phần và có điều kiện tiếp cận và rèn luyện các kỹ năng chuyên môn góp phần đạt được CĐR của CTĐT. Thông qua ma trận các kỹ năng người học có thể thấy rõ mức độ ảnh hưởng của

từng học phần lên các tiêu chí trong CDR của CTĐT. Các kỹ năng chung (làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo, tự học... được lồng ghép vào các môn học khác nhau và các hoạt động ngoại khóa. Khi đạt CDR của mỗi học phần sẽ đóng góp vào việc đạt CDR của CTĐT, điều này được minh họa rõ ràng trong sơ đồ logic các học phần trong CTĐT cũng như đảm bảo công bằng trong đánh giá giữa các sinh viên, giữa các lớp, các khoá, giữa các giảng viên cùng giảng dạy một học phần. Đặc biệt, hệ thống tiêu chí đánh giá rất chi tiết, rõ ràng giúp người học tự chủ trong việc học từng học phần cũng như định hướng phát triển năng lực chuyên môn hẹp trong tương lai.

Sự gắn kết mang tính xây dựng của CTĐT còn thể hiện ở việc chọn các phương pháp dạy và học phù hợp, nhấn mạnh vào sự chủ động của người học. Để đánh giá sinh viên đã được CDR của từng học phần thông qua bảng điểm các học phần bao gồm điểm quá trình và điểm kiểm tra kết thúc học phần. Ngoài ra đánh giá SV còn được đánh giá thông qua sự thể hiện các kỹ năng, thái độ trong các học phần hoặc tham gia các hoạt động đoàn hội, các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Việc định kỳ triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về đề cương môn học về sự đóng góp vào việc đạt được PLOs như: kết quả đánh giá lớp học phần của sinh viên sau khi kết thúc học phần, kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp về CTĐT thể hiện đóng góp từ mỗi học phần trong việc đạt được PLOs Theo đánh giá của sinh viên thì 100% các học phần trong CT xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CDR được thể hiện rõ qua sơ đồ mối quan hệ giữa cách đánh giá của học phần và CDR, cũng như thông qua các bản khảo sát, góp ý, phản hồi về CTĐT [H3.03.02.15]

2. Điểm mạnh

- Nội dung các học phần, phương pháp dạy và học được thiết kế trong từng học phần phù hợp để giúp sinh viên đạt được các CDR của CTĐT CNTT cũng như đảm bảo công bằng trong đánh giá giữa các sinh viên, giữa các lớp, các khoá, giữa các giảng viên cùng giảng dạy một học phần.

- Hệ thống tiêu chí đánh giá chi tiết, rõ ràng giúp người học tự chủ trong việc học từng học phần cũng như định hướng phát triển năng lực chuyên môn hẹp trong tương lai, Đề cương cho thực tập và khoá luận

3. Điểm tồn tại

- Số lượng các học phần nhằm đạt được các CĐR CTĐT CNTT liên quan về kỹ năng, thái độ, nhận thức còn hạn chế. Tiêu chí đánh giá còn chưa rõ ràng cụ thể cho phần thái độ và nhận thức.

- Công tác khảo sát các bên liên quan về mức độ đáp ứng CĐR của mỗi học phần và biện pháp cải tiến còn chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Tăng cường công tác khảo sát các bên liên quan về mức độ đáp ứng CĐR của mỗi học phần và biện pháp cải tiến - Bổ sung thêm các HP nhằm nâng cao các kỹ năng mềm cho sinh viên.	- Bộ môn Hệ thống thông tin - Khoa Tin học	Từ năm học 2020 - 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì cách thức xây dựng nội dung HP, các phương pháp dạy và học theo hướng đáp ứng PLOs. Rà soát đề cương các học phần bằng cách sử dụng các công cụ khảo sát khác nhau nhằm đảm bảo loại bỏ sự chồng chéo, dư thừa và những nội dung không góp phần tạo nên CĐR cũng như bổ sung những nội dung, hoạt động nhằm đảm bảo tạo dựng CĐR cho người học tốt hơn	- Bộ môn Hệ thống thông tin - Khoa Tin học	2 năm 1 lần	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí: 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả

Chương trình dạy học ngành CNTT được xây dựng dựa trên khung quy định của Bộ GD&ĐT và quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình phẩm định, ban hành CTĐT của Trường ĐHSP đảm bảo sự cân bằng giữa khối kiến thức chung, cơ sở ngành và chuyên ngành được thực hiện trong 8 học kỳ (4 năm). CTĐT đã chỉ rõ vai trò của các học phần cơ bản thuộc khối kiến thức chung (17 TC) bao gồm các học phần tự chọn (4 TC) [H3.03.03.01], [H3.03.03.02], [H3.03.03.03], [H3.03.03.04], học phần bắt buộc (13TC); các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và ngành (56 TC) bao gồm các học phần tự chọn (9 TC), học phần bắt buộc (47 TC); các học phần chuyên ngành (91 TC) trong đó tự chọn là (4TC), học phần bắt buộc là (50 TC) và được thể hiện trong bảng CTĐT CNTT. Sự thiết kế nêu trên của bản mô tả sẽ đảm bảo logic các học phần và khả năng tiếp nhận kiến thức cao nhất đối với SV.

CTDH CNTT được chỉnh sửa và cập nhật theo định kỳ căn cứ vào sự phát triển của ngành nghề, nhu cầu của thị trường lao động, phản hồi của các bên liên quan... tuân theo quy định của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHSP. Theo đó, CTDH hiện có sự thay đổi như: Cập nhật lại mục tiêu, CĐR, thay đổi số tín chỉ của một số học phần, viết lại đề cương chi tiết của học theo mẫu mới, yêu cầu sản phẩm của học phần đồ án chuyên ngành, đồ án thực tập, đồ án tốt nghiệp rõ ràng và cụ thể hơn [H3.03.03.05, [H3.03.03.06]. Như vậy, dựa trên góp ý của các bên liên quan và qua các lần điều chỉnh, CTDH CNTT có tỷ lệ hợp lý, cân đối giữa các khối kiến thức [H3.03.03.07]. Trong đó, khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành đảm bảo hướng tới đạt được CĐR và đáp ứng được yêu cầu của đổi mới chương trình giáo dục phổ thông

Các học phần có sự liên mạch và thống nhất được thể hiện qua mạch kiến thức từ cơ bản, cơ sở, chuyên ngành giảng dạy vì được phân bổ từ CĐR CTĐT điều này được thể qua ma trận quan hệ giữa CIOs và PLOs và trong cây chương trình đào tạo. Các học phần cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành được xây dựng và bố trí số tín chỉ hợp lý theo quy định và

hướng dẫn của nhà trường, mỗi học phần chủ yếu được xây dựng 2 tín chỉ, 3 tín chỉ hoặc 4 tín chỉ tùy theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần đó. Các học phần bắt buộc cần phải đảm bảo có liên quan đến CĐR của CTĐT ngành CNTT. Bên cạnh đó các học phần tự chọn bổ sung cho khối kiến chuyên ngành và kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành đó. Điều này cũng được thể hiện trong cuốn đặc tả CTĐT. Trình tự của các học phần được sắp xếp logic, đảm bảo cho SV có thể tiếp thu kiến thức và hình thành năng lực nghề nghiệp một cách hiệu quả trong suốt quá trình học. Cụ thể là: các học phần được thiết kế trong CT dạy học theo trình tự hợp lý, logic và khoa học, liên kết chặt chẽ với nhau, đi từ đơn giản đến phức tạp, từ lý thuyết đến thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu. SV có thời gian hợp lý để học tập trên giảng đường và thời gian thực tập thực tế, thực tập tổng hợp, nghiên cứu... Việc xác định môn học tiên quyết đóng vai trò hết sức quan trọng đối với các CTĐT, trong đó có ngành CNTT. Bên cạnh đó, nội dung các học phần tích hợp cả lý thuyết và thực hành nhằm giúp người học có điều kiện củng cố lý thuyết và hành thành kỹ năng thực hành, rèn luyện các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề thực tiễn. Vì vậy 100% các môn học trong CTDH được bố trí hợp lý thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm/học kỳ thực hiện, trình tự triển khai

Chương trình dạy học có thúc đẩy sự đa dạng, sự linh động của SV bởi song song các khóa học, sinh viên còn được yêu cầu lấy các chứng chỉ giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và tham gia các hoạt động khác như NCKH và hoạt động xã hội [H3.03.03.08]. Những hoạt động này giúp sinh viên nâng cao sức sáng tạo, trau dồi kỹ năng mềm, sức khỏe thể chất, các kỹ năng xã hội, hình thành và phát triển trách nhiệm với xã hội và môi trường [H3.03.03.09], [H3.03.03.10]. Bên cạnh đó, CTDH được liên kết đào tạo theo hình thức 2+2 với trường đại học UIS là trường đại học công hàng đầu của Mỹ [H3.03.03.11]

Chương trình dạy học được chỉnh sửa và cập nhật theo định kỳ căn cứ vào sự phát triển của ngành nghề, nhu cầu của thị trường lao động, phản hồi của các bên liên quan... tuân theo quy định của Bộ GD&ĐT, và trường ĐHSP [H3.03.03.12], [H3.03.03.13].

Từ năm 2015 đến nay, so với khung chương trình đào tạo năm 2015 của ngành CNTT đã có thêm 2 lần chỉnh sửa vào năm 2017 và 2019 cập nhật như sau: Năm 2017: căn cứ vào phản hồi của các bên liên quan, nhu cầu của thị trường, cập nhật lại mục tiêu, CĐR, thay đổi số tín chỉ của một số học phần, viết lại đề cương chi tiết của học theo mẫu mới

[H3.03.03.14]. Năm 2019: căn cứ trên phản hồi của các bên liên quan, CLOs được chỉnh sửa và được cập nhật lại, tham chiếu CDR, đồng thời bổ sung thêm mapping từng CLO với PLOs.

CTDH CNTT khi được rà soát, điều chỉnh có tham khảo, đối sánh với CTĐT Ngành CNTT trong nước là trường Đại học Công nghệ, ĐH QGHN. Từ đó, Khoa phân tích và lựa chọn để cập nhật điều chỉnh CTĐT nhằm đảm bảo tính cập nhật, linh hoạt và tích hợp [H3.03.03.15].

Nhà trường/khoa liên tục tiến hành khảo sát việc làm sinh viên sau tốt nghiệp để phân tích tính hiệu quả sau khi thay đổi, mức độ hài lòng của sinh viên đối với các học phần cũng tăng lên [H3.03.03.16]

Nhà trường và khoa cũng tiếp tục rà soát, họp tổng kết sau các kỳ học để rút kinh nghiệm, tìm ra điểm chưa hợp lý để điều chỉnh và đảm bảo chương trình đào tạo có cấu trúc, trình tự logic được thể hiện trong cuốn chương trình đào tạo.

2. Điểm mạnh

- Các học phần trong CTDH CNTT được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. 100% các học phần trong CTDH CNTT được bố trí hợp lý.

- CTDH CNTT khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

3. Điểm tồn tại

Chương trình dạy học chưa được lấy ý kiến thường xuyên từ các chuyên gia ngoài Trường, nhà sử dụng lao động, cựu sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc	Tăng cường triển khai hoạt động lấy ý	- Bộ môn		

	phục tồn tại	kiến từ các chuyên gia ngoài trường, nhà sử dụng lao động, cựu sinh viên về CTDH CNTT.	Hệ thống thông tin - Khoa Tin học	Từ năm học 2020 -2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát và thiết kế tỷ lệ hợp lý hơn giữa các học phần (đặc biệt là học phần bắt buộc và học phần tự chọn), học phần kiến thức chung trên cơ sở ý kiến đóng góp của người học, GV và các nhà tuyển dụng về CTDH CNTT.	- Bộ môn Hệ thống thông tin - Khoa Tin học	2 năm 1 lần	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 3:

CTDH của ngành CN CNTT được thiết kế với các học phần có nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đáp ứng CDR của CTĐT. Trong quá trình xây dựng và cập nhật CTĐT luôn luôn quan tâm đến tính logic và tính tích hợp của các học phần trong CTDH nhằm đảm bảo cho người học được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ khối kiến thức trong lĩnh vực rộng đến kiến thức ngành hẹp. Nội dung của các học phần cơ sở và học phần chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau. CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp và đáp ứng xu hướng phát triển toán học trên thế giới, trong khu vực và trong nước. CTDH thể hiện được năng lực của người học sau khi tốt nghiệp. Các GV giảng dạy chương trình luôn có ý thức trong việc cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng ở mỗi học phần, nhằm ngày càng đảm bảo tốt hơn cho người học trong việc đạt được kết quả CDR. Đặc biệt, hệ thống tiêu chí đánh giá rất chi tiết, rõ ràng giúp người học tự chủ trong việc học từng học phần cũng như định hướng phát triển năng lực chuyên môn hẹp trong tương lai.

. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến phản hồi về CTĐT đối với các bên có liên quan thực hiện chưa đa dạng.

Tiêu chuẩn 3 có 3 tiêu chí: 5/7

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Trong đào tạo đại học, phương pháp dạy và học đóng vai trò quan trọng. Khoa Tin học, cũng như nhiều Khoa khác trong Trường ĐHSP-ĐHĐN chọn quan điểm “lấy người học làm trung tâm” thay cho “giáo viên làm trung tâm”; tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động nhằm đạt được CĐR đã tuyên bố trong CTĐT, sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động, sáng tạo trong học tập cho người học. Để làm được điều này, CTĐT xác định rõ mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế chương trình với các môn học kế tiếp nhau một cách logic, môn cơ sở là môn tiên quyết cho những môn học chuyên sâu, các hoạt động dạy và học đều phải cùng hướng đến CĐR. Thông điệp về cách tiếp cận, các hoạt động dạy học và CĐR của chương trình cần được mỗi GV và người học hiểu rõ để thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Triết lý giáo dục của Trường ĐHSP-ĐHĐN đã ban hành và được tuyên bố rõ ràng trong Chiến lược phát triển của trường với nội dung: “*Toàn diện – Khai phóng – Sáng tạo – Thực nghiệp*” [H4.04.01.01]. Triết lý giáo dục của Trường được công bố công khai trên website của Trường, Poster đặt ở giảng đường để GV, người học và các bên liên quan có thể tiếp cận một cách thuận lợi, dễ dàng, hiểu và thực hiện [H4.04.01.02]. Triết lý giáo dục cũng được phổ biến cho cán bộ, giảng viên biết và thực hiện thông qua việc xây dựng CTĐT, ĐCCT học phần/môn học, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác. Đối với người học việc tiếp nhận nội dung triết lý giáo dục được Nhà trường và khoa chuyên môn phổ biến, quán triệt qua các buổi sinh hoạt công dân-HSSV đầu khóa [H4.04.01.03]. Triết lý giáo dục của trường được sử dụng làm mục tiêu cho hệ thống giáo dục toàn trường. Từ triết lý đó, Nhà trường đã xây dựng mục tiêu giáo dục là: “*Sau khi tốt nghiệp, người học có: Kiến thức chuyên môn toàn diện, hiểu biết sâu về nguyên lý và quy luật tự nhiên – xã hội; Kỹ năng mềm, khả năng sáng tạo và thích ứng với sự thay đổi môi trường làm việc; Năng*

lực giáo dục và phát triển nghề nghiệp; Đạo đức, phẩm chất nghề nghiệp, sức khỏe tốt, ý thức phục vụ cộng đồng”[H4.04.01.04].

Mục tiêu này hoàn toàn phù hợp với mục tiêu giáo dục quy định tại Điều 2 Luật Giáo dục [H4.04.01.05]. Đồng thời, mục tiêu của Nhà trường phù hợp với mục tiêu cụ thể đào tạo trình độ đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ quy định tại Điều 5 Luật GDĐH [H4.04.01.06]. Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được công bố rộng rãi trên trang thông tin điện tử của Trường. Hằng năm, Nhà trường đều tuyên truyền và phổ biến mục tiêu giáo dục đến SV thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu năm học. Nhà trường đã cụ thể hoá mục tiêu chung thành các kế hoạch của từng năm học [H4.04.01.07]. [H4.04.01.08].

Mục tiêu giáo dục của CTĐT ngành CNTT đã thể hiện đó là: “Mục tiêu chung của CTĐT ngành Cử nhân Công nghệ thông tin trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng là đào tạo sinh viên có thể:

- Xác định và giải quyết vấn đề công nghệ trên một phạm vi rộng các ứng dụng đòi hỏi tính sáng tạo thực tế và hiệu quả của ngành Công nghệ thông tin.

- Đóng góp vào sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội của khu vực miền Trung - Tây Nguyên thông qua sự kết hợp của chuyên môn kỹ thuật, công nghệ với tính chuyên nghiệp, đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm với môi trường và xã hội.

- Đạt thành công trong nghề nghiệp thông qua khả năng tự học, tự nghiên cứu, khả năng tiếp thu các kiến thức khoa học công nghệ tiên tiến trên thế giới để phát triển kỹ năng học tập suốt đời” [H4.04.01.09] Để thực hiện mục tiêu giáo dục của CTĐT, các ĐCHP trong CTĐT ngành CNTT đều nêu rõ mục tiêu, nội dung, PPDH, phương pháp đánh giá để đạt được CĐR và đáp ứng yêu cầu xã hội [H4.04.01.10].

Mục tiêu giáo dục ngành CNTT được xây dựng dựa trên ý kiến đóng góp của các GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng [H4.04.01.11]. Bên cạnh đó, mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học được tuyên bố trong CTĐT, và được cụ thể hóa trong từng đề cương môn học và được phổ biến và công bố trên website của Khoa để GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng dễ dàng tiếp cận [H4.04.01.12].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục của CTĐT ngành CNTT phù hợp với triết lý và mục tiêu giáo dục của Trường, được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi tới người học, GV, cộng đồng và xã hội.

3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp, nhà tuyển dụng phục vụ cho xây dựng mục tiêu giáo dục của CTĐT ngành CNTT chưa được tiến hành thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Lập kế hoạch lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp, nhà tuyển dụng để điều chỉnh mục tiêu của CTĐT ngành CNTT theo định kỳ.	Khoa Tin học Bộ môn HTTT	Từ năm học 2020 – 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch đẩy mạnh hơn nữa việc quảng bá mục tiêu giáo dục của CTĐT ngành CNTT.	Khoa Tin học; Bộ môn HTTT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Các hoạt động dạy và học của CTĐT được thiết kế và xây dựng nhằm đạt được CDR, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Chương trình đào tạo ngành CNTT của Khoa được thiết kế linh hoạt bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn giúp người học lựa chọn các môn học phù hợp với mong muốn và nguyện vọng nghề nghiệp sau này của mình. Ngoài những môn học bắt buộc, sinh viên có thể chọn thêm các môn học/học phần tự chọn theo 4 hướng Khoa học máy tính, khoa học dữ liệu, Công nghệ thông tin, Công

nghe phần mềm, [H4.04.02.01]. SV có thể chủ động lựa chọn lộ trình học tập nhanh hay chậm tùy theo nhu cầu và khả năng của từng SV. Bên cạnh tính linh hoạt trong lựa chọn chương trình và lộ trình học tập, SV còn tham gia các hình thức học tập đa dạng, giúp đạt chuẩn đầu ra về kỹ năng và thái độ như NCKH, thực hành/thí nghiệm, thực tập thực tế tại các doanh nghiệp/Công ty [H4.04.02.02] [H4.04.02.03].

Các hoạt động dạy và học của mỗi học phần được thiết kế đa dạng và phù hợp, giúp người học đạt được CDR CTĐT ngành CNTT. Cụ thể, thuyết trình, dạy học theo nhóm được đa số các học phần lựa chọn hình thức dạy và học này giúp SV nhanh chóng lĩnh hội các kiến thức cơ bản, chuyên sâu và các kiến thức ứng dụng để đạt được các CDR về kiến thức. Các hoạt động thực tập nhận thức, thực tập tại doanh nghiệp, công ty giúp SV có cơ hội được trải nghiệm thực tế và thể hiện phương châm dạy học “lý thuyết gắn liền với thực tiễn”. Từ các hoạt động này giúp cho SV vận dụng được kiến thức chuyên môn để có thể đảm nhận công việc trong các tổ chức doanh nghiệp/công ty liên quan đến CNTT và hiểu được vai trò và trách nhiệm của ngành SV đang học với xã hội chung và với doanh nghiệp nói riêng [H4.04.02.04].

Đặc biệt, trong CTĐT ngành CNTT, các môn học lý thuyết kết hợp thực hành, thực tập và đồ án chiếm tỉ lệ lớn vì thế các PPDH tích cực (dạy học phát hiện và giải thuyết vấn đề, dạy học theo lý thuyết kiến tạo, dạy học dự án, tổ chức hoạt động trải nghiệm, dạy học thực hành) được sử dụng nhiều [H4.04.02.05]. Các phương pháp giảng dạy tích cực thể hiện trong đề cương chi tiết môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức và hình thành, phát triển kỹ năng như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, kỹ năng thực hành... cần thiết để khi ra trường có thể đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động.

Với sự đổi mới trong công tác giảng dạy, hoạt động học của SV trở nên chủ động và tích cực hơn. Thời lượng giờ tự học của mỗi học phần được xác định theo qui định chung và được ghi rõ ràng trong ĐCHP [H4.04.02.06]. SV có thể thực hiện giờ tự học, bài tập cá nhân hay bài tập nhóm ở thư viện hoặc ở nhà hoặc trực tiếp trên hệ thống hỗ trợ học tập trực tuyến [H4.04.02.07]. Hoạt động seminar hoặc thảo luận nhóm được thực hiện trên lớp truyền thống hoặc lớp trực tuyến dưới sự tổ chức, hướng dẫn của GV hoặc theo nhóm ở giảng đường dưới sự tổ chức của nhóm trưởng được phân công với các nội dung do GV

định hướng. Các hoạt động này ngoài việc góp phần giúp SV đạt được các CĐR về kiến thức còn có tác dụng phát triển cho SV kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết.

SV của ngành CNTT sau khi đạt được những điều kiện theo quy định được đi thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp/Công ty, viện nghiên cứu [H4.04.02.08].

Hoạt động này giúp cho SV bước đầu vận dụng kiến thức đã được học vào thực tế nghề nghiệp, từ đó hình thành và phát triển kỹ năng nghề nghiệp, năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Mặt khác, hàng năm Khoa/Bộ môn định kỳ thực hiện việc đánh giá hiệu quả đổi mới PPDH của giảng viên bằng việc lấy ý kiến khảo sát của sinh viên [H4.04.02.09]; tổ chức các seminar khoa học về PPDH với mục đích cập nhật, nghiên cứu và đưa vào sử dụng các PPDH mới để ngày càng phù hợp hơn với CĐR [H4.04.02.10].

Hệ thống hỗ trợ học tập trực tuyến được sử dụng trong hoạt động dạy học luôn được Nhà trường/Khoa quan tâm. Giảng viên của Khoa đã sử dụng hệ thống quản lý học tập trực tuyến (<http://bln.ued.udn.vn/>) để có thể cung cấp thông tin về môn học, kế hoạch giảng dạy và học liệu, hỗ trợ SV tự học, thực hiện KTĐG sinh viên được hiệu quả.

Mô hình dạy học E-learning đã được bắt đầu từ học kì II năm học 2019-2020 tại trường ĐHSP-ĐHĐN và hình thức này đã trở thành một phương pháp dạy học cần được chú trọng trong quá trình triển khai đào tạo của mỗi học phần/môn học của Khoa [H4.04.02.11]. Với phương pháp dạy học này cùng với việc sử dụng CNTT, mạng Internet người học có thể học ở mọi lúc, mọi nơi với số lần nghe giảng không hạn chế, do đó dễ dàng đạt được CĐR của học phần, của CTĐT. Tuy nhiên, một số SV tham gia vào quá trình học chưa thật sự thích nghi với phương pháp dạy và học như tự học và tự nghiên cứu, đặc biệt là những SV năm thứ nhất.

Trường ĐHSP – ĐHĐN thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của người học về công tác giảng dạy sau mỗi học kỳ. Kết quả lấy phiếu phản hồi được tổng hợp và gửi đến từng GV. Qua đó, GV có cơ sở để điều chỉnh hoạt động giảng dạy nhằm phát huy những ưu điểm và khắc phục điểm tồn tại. Kết quả lấy ý kiến phản hồi của SV cho thấy, trên 90% người học hài lòng với PPDH được sử dụng trong các học phần.

Song song với việc đổi mới PPDH, Khoa Tin học tổ chức các hội thảo khoa học cấp Quốc gia (năm 2017) và Quốc tế (năm 2019) nhằm trao đổi học thuật, chuyên môn của các giảng viên. Từ đó giúp giảng viên đổi mới PPDH và phát triển chuyên môn nhằm giảng dạy cho SV đáp ứng CĐR [H4.04.02.12].

2. Điểm mạnh

- Các hoạt động dạy và học của các học phần trong CTĐT ngành CNTT đã đáp ứng tốt CĐR.

- Đội ngũ GV trong Khoa thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, đạo đức nhà giáo, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của người học.

3. Tồn tại

Một số SV tham gia vào quá trình học chưa thật sự thích nghi với phương pháp dạy và học như tự học và tự nghiên cứu, đặc biệt là những SV năm thứ nhất. Đây cũng chính là điểm cần hoàn thiện và cải tiến hơn nữa về phương pháp tiếp cận dạy và học

4. Kế hoạch thực hiện

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các seminar về PPDH cho SV để người học nắm bắt và thay đổi tư duy theo cách học tập trong môi trường đại học.	Khoa Tin học; Bộ môn HTTT	Từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Lập kế hoạch và tổ chức các buổi seminar về các PPDH mới tích cực, Lập kế hoạch tổ chức hội thảo khoa học cấp Quốc gia về	Khoa Tin học, Bộ môn HTTT; Bộ môn HTTT	Hàng năm	

		<i>”PPDH đáp ứng chương trình đào tạo trong thời đại số”</i>		Trong năm 2021	
--	--	--	--	-------------------	--

5. *Tự đánh giá:* Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Nhận thức được vai trò quan trọng của việc rèn luyện các kỹ năng và học tập suốt đời, hoạt động dạy học đều hướng đến trang bị cho SV hệ thống các kỹ năng cần thiết trong quá trình học tập. Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các giờ thực hành, các hoạt động NCKH SV, các bài tập nhóm, các bài thảo luận, thực tế, thực tập đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tự học, kỹ năng nghiên cứu và đặc biệt có khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.01; H4.04.03.02]. Hoạt động học tập đa dạng giúp SV hình thành và phát triển kỹ năng tự học, tư duy phản biện, phân tích, tổng hợp và giải quyết vấn đề cũng như tăng cường kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm [H4.04.03.03]. Hoạt động NCKH và thực tập thực tế giúp SV rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể [H4.04.02.04] [H4.04.02.05].

Đề cương chi tiết của các học phần CTĐT ngành CNTT đã nêu rõ các hình thức đánh giá, các phương pháp giảng dạy, học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Tất cả đề cương tiết nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học của sinh viên, thể hiện rõ ràng qua các nội dung học tập cũng như tiêu chí đánh giá.

Các học phần trong CTĐT đều được thiết kế dành thời lượng cho SV tự tìm hiểu, tự học để nâng cao năng lực học tập suốt đời cho người học. 100% đề cương chi tiết các học phần ngành CNTT đều thể hiện rõ thời lượng giờ tự học theo qui định.

Ngoài ra, hàng năm trường ĐHSP - ĐHĐN đều tổ chức hội nghị NCKH SV để tạo điều kiện cho sinh viên áp dụng kiến thức khoa học vào các tình huống thực tế [H4.04.02.06] [H4.04.02.05]. Bên cạnh đó, các bạn SV còn được tham gia các seminar khoa học do các GV hoặc chuyên gia trong khoa trình bày là cơ hội để cập nhật kiến thức

và lựa chọn định hướng nghiên cứu [H4.04.03.08]. Trường ĐHSP - ĐHĐN có không gian tự học, thiết bị thí nghiệm, phòng máy tính chuyên ngành với các loại máy tính hiện đại, các nguồn lực cụ thể để đảm bảo rằng các hoạt động này được thực hiện hiệu quả [H4.04.03.09]. Những năm gần đây, trường ĐHSP - ĐHĐN có các chính sách hỗ trợ để thúc đẩy NCKH của sinh viên [H4.04.03.10]. Các nghiên cứu có chất lượng được chọn để báo cáo trong hội nghị SVNCKH cấp trường và cấp Bộ [H4.04.03.11]. Bên cạnh đó, sinh viên có thể phối hợp với giảng viên làm các dự án khoa học và công bố kết quả trên các tạp chí khoa học [H4.04.03.12]. Đối với những SV có nhu cầu học tiếp tại Khoa Tin học, Khoa còn có các chương trình đào tạo Thạc sĩ “Hệ thống thông tin” hoặc tiến sĩ “Hệ thống thông tin” đáp ứng nhu cầu phát triển bản thân sau khi hoàn thành chương trình đại học [H4.04.03.13]; [H4.04.03.14].

Ngoài ra, Khoa Tin học còn tổ chức các tọa đàm khoa học, phối hợp tổ chức hội thảo Khoa học Quốc gia và Quốc tế (5 năm/1 lần) Nghiên cứu và giảng dạy (2 năm/1 lần) [H4.04.03.15]. Đây là diễn đàn trao đổi kinh nghiệm giữa các nhà khoa học, giáo viên, giảng viên và sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu, thực hành trong lĩnh vực CNTT. Ngoài ra, nhằm giúp cho người học có thể tiếp cận được các kiến thức thực tế, hàng năm Khoa tiến hành mời, thỉnh giảng các đơn vị bên ngoài giảng dạy những chuyên đề thực tiễn [H4.04.03.16].

Sau khi kết thúc mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV với những tiêu chí cụ thể về: hoạt động giảng dạy có tác dụng rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho SV; khuyến khích sáng tạo, tư duy độc lập; tư vấn và tổ chức, hướng dẫn hoạt động học; về chất lượng giảng dạy. Kết quả nhận được cho thấy, trên 90% số SV được lấy ý kiến hài lòng và rất hài lòng với các tiêu chí trên về hoạt động giảng dạy của GV.

2. Điểm mạnh

- Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho người học rèn luyện được các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học;

- Đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT CNTT thể hiện đa dạng các PPDH và có tác dụng đẩy việc rèn luyện các kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, nâng cao kỹ năng thực hành cơ bản và nâng cao.

3. Điểm tồn tại

- Ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hiệu quả/chất lượng công việc của sinh viên chưa được lấy một cách kịp thời.

- Công thông tin học tập trực tuyến của trường nhiều cựu SV chưa tương tác nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường thu thập ý kiến phản hồi của các bên như SV, GV và nhà tuyển dụng. Thông tin cho SV nhiều lần để SV biết tổng thông tin học tập trực tuyến đồng thời khuyến khích SV vào học tập truyền nhằm giúp SV nâng cao năng lực tự học.	Khoa Tin học Bộ môn HTTT	Từ năm học 2020 – 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho người học rèn luyện được các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Đổi mới PPDH bằng việc đa dạng các PPDH khác nhau đáp	Khoa Tin học Bộ môn HTTT	Hàng năm	

		ứng thời đại số. (E-learning, B-learning, M-Learning)			
--	--	---	--	--	--

5. *Tự đánh giá:* Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Kết luận tiêu chuẩn 4:

Từ triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan nhằm giúp các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR, các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV.

Các phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành CNTT là phù hợp. Các hoạt động giảng dạy của GV và học tập của SV là đa dạng, linh hoạt, giúp người học thuận lợi trong việc đạt CĐR của CTĐT. Các hoạt động học tập đa dạng như NCKH, tự học, thảo luận, thuyết trình, kiến tập, thực tập nghề nghiệp, các khóa học nâng cao kỹ năng mềm giúp SV có năng lực học tập suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy và người học, môi trường học tập cởi mở và thân thiện, tôn trọng và hỗ trợ người học một cách tích cực. Bên cạnh đó có những điểm tồn tại cần khắc phục, đó là cần tăng cường thu thập ý kiến phản hồi của các bên như SV, GV và nhà tuyển dụng khi đổi mới phương pháp giảng dạy. Ngoài ra, nhiều người học còn hạn chế về ý thức tự học trên website thông qua các lớp học trực tuyến nhằm đáp ứng thời kì Covid-19. Trong thời gian đến Khoa sẽ thực hiện chính sách khuyến khích SV vào học tập truyền nhằm giúp SV nâng cao năng lực tự học.

Tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí: 5/7

Tiêu chuẩn: 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá KQHT của người học là một trong những khâu quan trọng của CTĐT. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc học tập và nghề nghiệp sau này của người học đồng thời cung cấp cho Trường, Khoa các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ người học. Việc đánh giá KQHT của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR của CTĐT ngành Cử nhân CNTT, được bắt đầu ngay từ khâu tuyển sinh đầu vào và xuyên suốt quá trình học tập của SV cho tới khi tốt nghiệp. Mục đích của việc kiểm tra đánh giá là nhằm xác định mức độ kiến thức cũng như kỹ năng mà SV cần đạt được so với mục tiêu của CTĐT cũng như mục tiêu của từng học phần trong CTĐT ngành CNTT. Việc đánh giá kết quả của SV căn cứ vào CDR và nội dung của chương trình. Các quy định về đánh giá KQHT của người học theo CTĐT cử nhân Cử nhân CNTT được công bố công khai cho GV, người học và các bên liên quan trước khi bắt đầu CTĐT. Trước khi bắt đầu các học phần, người học được thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí kiểm tra đánh giá sử dụng trong học phần đó. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng và có tính liên tục, đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng, phù hợp với đặc thù của từng học phần. Thông tin về kết quả học tập được phản hồi kịp thời giúp người học cải thiện quá trình học tập của bản thân, đáp ứng với mục tiêu đào tạo. Ngoài ra, người học cũng dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về KQHT của mình.

Các quy định về đánh giá kết quả học tập đã được trình bày cụ thể, rõ ràng trong các quy định về đào tạo và kiểm tra đánh giá của Nhà trường và được thông báo công khai tới từng sinh viên.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện thường xuyên trong suốt quá trình học tập nhằm xác định năng lực của người học đạt được so với mục tiêu của từng học phần và CDR của CTĐT, giúp SV cập nhật kịp thời tình hình học tập, từ đó cải thiện để nâng cao kết quả học tập của mình. Đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế

phù hợp với mức độ đạt CĐR ngành CNTT. Các quy trình đánh giá kết quả người học được qui định cụ thể trong *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHSP-ĐHĐN năm 2016* và được sửa đổi vào năm 2019 **[H5.05.01.01]; [H5.05.01.02]; [H5.05.01.03]**.

Từ năm 2015, trên cơ sở quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh, trong đó quy định rõ ràng phương thức tuyển sinh, các tiêu chí đối với người học để được tuyển thẳng hay xét tuyển vào học ngành CNTT **[H5.05.01.04]; [H5.05.01.05]**. Để có căn cứ đánh giá kết quả học tập của người học, từ quy định đánh giá quá trình học tập theo hệ thống tín chỉ của BGD&ĐT, Trường đã xây dựng và ban hành *Quy định về quy trình thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học* **[H5.05.01.06]; [H5.05.01.07]**. Quy định này thống nhất trong toàn Trường và được cụ thể hóa một phần trong bản mô tả CTĐT, cũng như đề cương học phần của mỗi học học phần, phù hợp với CĐR của CTĐT **[H5.05.01.08]; [05.05.01.09]**. Đồng thời, Trường cũng thường xuyên chỉ đạo các Khoa rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT **[H5.05.01.10]**. SV được biết các quy định về kiểm tra đánh giá để điều chỉnh phương pháp học tập của mình trong quá trình học, các quy định đó được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết từng môn học và được thay đổi cho phù hợp với thực tế. Các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả người học được phổ biến rộng rãi và công khai trong sổ tay sinh viên, đề cương chi tiết các học phần và được giảng viên viết cụ thể trên slide bài giảng, phổ biến vào tiết học đầu tiên của các học phần **[H5.05.01.11]**.

Trong suốt quá trình học tập, người học phải trải qua các khâu đánh giá, bao gồm: đánh giá trong từng kỳ học, từng năm học, thi tốt nghiệp/đề án tốt nghiệp đều được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR. Để đảm bảo đạt CĐR như đã công bố, tại mỗi đề cương chi tiết của học phần đã quy định rõ về quy trình kiểm tra, đánh giá với các hình thức, phương pháp và nội dung đa dạng, đảm bảo sát với nội dung kiến thức trong học phần mà SV đã được học. Mỗi học phần gồm có bảng điểm kiểm tra giữa kỳ và và bảng điểm kết thúc học phần. Bảng điểm kiểm tra giữa kỳ bao gồm: điểm giữa kỳ, điểm bộ phận 1 và điểm độ phận 2. Điểm bộ phận trường giao cho GV phụ trách học phần đề xuất hình thức kiểm tra và trọng số điểm. Điểm kết thúc học phần GV thường áp dụng các hình thức đa dạng

nếu thi tự luận, thi trắc nghiệm hoặc tiểu luận, báo cáo... tùy theo mục tiêu của môn học [H5.05.01.13]; [H5.05.01.14].

Khi thiết kế ra đề thi các học phần, giảng viên dựa trên cơ sở 6 cấp độ của thang cấp độ tư duy Bloom, các bộ môn chủ động thiết kế câu hỏi từ dễ đến phức tạp tương ứng với 3 cấp độ tư duy (Bậc 1: *Nhớ, biết*; Bậc 2: *Hiểu, áp dụng*; Bậc 3: *Phân tích, tổng hợp, đánh giá*) đã được trình bày trong mục tiêu của đề cương học phần [H5.05.01.15]; [H5.05.01.16]. Với cách thức này, công tác thi, kiểm tra đánh giá được mức độ tích lũy về kiến thức chuyên môn, cũng như kỹ năng thực hành/ thí nghiệm, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề của người học theo yêu cầu đã được trình bày trong đề cương học phần phát cho sinh viên vào buổi đầu tiên của mỗi học phần. Tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của SV như tự luận, vấn đáp, tiểu luận, báo cáo ... được thiết kế phù hợp để có khả năng đo lường mức độ đạt được CDR.

Một phần rất quan trọng trong việc đánh giá kết quả học tập của SV là phải luôn đảm bảo tính công bằng, minh bạch: các khâu xây dựng rubric đánh giá chi tiết, ra đề, chấm thi, rọc phách, vào điểm luôn được đảm bảo đúng nguyên tắc đã quy định trong Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường, hệ thống rubrics trong mỗi đề cương tất cả các học phần, kể cả học phần thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp, chi tiết đến 0.25 điểm cho từng nội dung, năng lực chuyên môn và kỹ năng hướng đến tạo chuẩn đầu ra của học phần và theo đó là CTĐT. Hệ thống tiêu chí đánh giá được xây dựng cho từng định hướng lĩnh vực chuyên môn cho sản phẩm thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp được lấy ý kiến của các chuyên gia từ các đơn vị tuyển dụng... Đề thi phải bám sát nội dung, chương trình giảng dạy, đồng thời đạt yêu cầu phân loại được năng lực của người học, phải phát huy khả năng tư duy, sáng tạo của người học và đủ thời gian quy định cho mỗi học phần [H5.05.03.17]. Tổ trưởng bộ môn là người chịu trách nhiệm trước Khoa và Nhà trường về chất lượng đề thi.

Khi SV học đến năm thứ tư, nếu tích lũy từ 100 tín chỉ trở lên, người học đạt điều kiện được tham gia học phần thực tập tốt nghiệp. Khi SV hoàn thành tất cả các học phần có liên quan đến chuyên môn cần thiết cho nội dung khóa luận tốt nghiệp của CTĐN, tích lũy đủ các học phần tiên quyết của KLTN và khối kiến thức tích lũy tối thiểu đạt trình độ SV năm thứ tư và điểm trung bình chung tích lũy tính từ đầu khóa học không dưới 2,5, SV có thể

chọn học phần đồ án hoặc KLTN. Khi thực hiện đồ án hoặc KLTN, SV được các giảng viên phụ trách hướng dẫn viết đề cương, thực hiện các nội dung nghiên cứu. SV được bảo vệ đề cương nghiên cứu trước Hội đồng khoa và bộ môn bố trí. Việc đánh giá kết quả nghiên cứu của đồ án và KLTN được thực hiện đúng theo quy chế của Nhà trường, có phiếu đánh giá cho từng thành viên trong hội đồng, cũng như giảng viên hướng dẫn và phản biện [H5.05.01.18].

2. Điểm mạnh

- Việc đánh giá KQHT của người học được thiết kế phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CDR của chương trình đào tạo, cũng như CDR của từng học phần;

- Các học phần nhiều GV dạy chung được tổ chức thi chung đề thi;

- Các quy định về công tác đánh giá KQHT đối với mỗi học phần được thể hiện rõ trong các đề cương học phần và phù hợp với các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của người học, trong đó tổ hợp các phương pháp đánh giá KQHT của người học được thiết kế phù hợp để có khả năng đo lường mức độ đạt được CDR.

3. Điểm tồn tại

Đánh giá các chuẩn đầu ra liên quan đến thái độ, hành vi còn gặp khó khăn hơn so với các chuẩn đầu ra thuộc miền nhận thức theo bảng các mức phân loại Bloom, hầu như chỉ được đánh giá thông qua 20% điểm thường xuyên, hoặc ở một số học phần trực tiếp đề cập đến thái độ thực hành nghề.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Lồng ghép các yêu cầu kiểm tra đánh giá thái độ, thành vi vào các hình thức	Khoa Tin học, bộ môn HTTT	Từ năm học 2020 - 2021	

		kiểm tra đánh giá đa dạng.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện công tác đánh giá KQHT của người học theo đúng quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần phù hợp với mức độ CDR. Tiếp tục thực hiện thi chung các môn học/học phần có nhiều GV giảng dạy nhằm phát huy tính công bằng cho người học.	Khoa Tin học, bộ môn HTTT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả

Hiện nay việc đánh giá KQHT của người học của Trường được thực hiện theo đúng quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ. Vì vậy, các giảng viên giảng dạy các học phần đều nắm rõ *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường ĐHSP-ĐHĐN [H5.05.02.01]; [H5.05.02.02]*. Tất cả đề cương các học phần đều nêu rõ hình thức, thời gian, tiêu chí, trọng số điểm kiểm tra đánh giá (thi viết, thi vấn đáp, thực hành...), đặc biệt chú trọng việc xây dựng thang đánh giá rubrics liên kết giữa đánh giá – dạy – học gồm: tiêu chí đánh giá về nhận thức, kỹ năng, thái độ; mức độ thành tích đạt được theo yêu

cầu của chuẩn môn học và được GV giảng dạy học phần đó cung cấp cho sinh viên lớp học phần, đảm bảo 100% SV hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra đánh giá KQHT của người học. Quy chế đào tạo này được công bố công khai, đầy đủ trên trang website của Trường, cũng như trong Sổ tay sinh viên [H5.05.02.03]; [H5.05.02.04].

Trước mỗi năm học, Nhà trường đều gửi văn bản về Kế hoạch đào tạo đến Khoa. Trong văn bản này nêu rõ thời gian thi của từng môn học phần, chấm khóa luận, thi tốt nghiệp [H5.05.02.05].

Phương pháp đánh giá được các giảng viên thay đổi cho phù hợp với nội dung của môn học và được thể hiện trong đề cương chi tiết của các học phần và *Quy định tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính qui đào tạo theo học chế tín chỉ tại Trường ĐHSP-ĐHĐN*, quy định tổ chức thi học phần, các tiêu chí đánh giá được GV xây dựng thông qua các Rubric trong đề cương chi tiết các học phần. SV được nhà trường thông báo trên trang thông tin điện tử (website) về đánh giá [H5.05.02.06]; [H05.05.02.07]; [H5.05.02.08]... Việc đánh giá kết quả học tập của người học thường xuyên suốt trong quá trình học tập thông qua các hình thức như: thi viết tự luận, thi trắc nghiệm khách quan, thi trắc nghiệm khách quan bằng máy tính, thi kết hợp viết và trắc nghiệm khách quan, thi kết hợp viết và trắc nghiệm khách quan bằng máy tính, thi vấn đáp, thi thực hành, viết tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, bảo vệ chuyên đề... tùy theo tính chất từng môn học. Đánh giá định kỳ (bài kiểm tra) là đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau khi hoàn thành một phần chương trình của học phần. Điểm học phần là trung bình cộng theo trọng số của điểm đánh quá trình và điểm thi kết thúc học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân (đối với những học phần có thi kết thúc học phần).

Theo *Quy định tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính qui đào tạo theo học chế tín chỉ tại Trường ĐHSP-ĐHĐN* nêu rõ: các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành, điểm học phần được tổng hợp từ các điểm bộ phận (điểm thi học phần với trọng số bắt buộc là 0,5; các điểm bộ phận còn lại với trọng số 0,5 bao gồm các nội dung: điểm đánh giá thái độ học tập của người học; điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thảo luận, seminar, thuyết trình; điểm trung bình của các bài thực hành). Đối với các học phần thực hành, thí nghiệm, thì điểm học phần là trung bình cộng của các điểm đánh giá từng bài thực hành. Sinh viên vắng mặt bài thực hành nào, sẽ bị 0 điểm bài đó. Những học phần thí nghiệm,

thực hành không tổ chức thi kết thúc học phần, điểm của học phần là điểm trung bình cộng của các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân. Với mỗi bài thực hành đều có các tiêu chí và trọng số cụ thể. Ngoài ra, đánh giá KQHT của học phần thực hành có thể theo hình thức báo cáo. Kết quả của các bài thực hành được người học soạn chi tiết trong bản word và báo cáo bằng các slide. Tất cả những quy định này được cụ thể hóa và thể hiện rõ ràng trong ĐCHP. Trong quy định này cũng nêu rõ cách tính điểm đối với các học phần Thực tế chuyên môn, bao gồm: thực tập nhận thức tại cơ sở sản xuất và nghiên cứu, thực tập kỹ năng, thực tập tốt nghiệp: Báo cáo tổng kết thu hoạch cuối đợt với trọng số bắt buộc là 0,5; Các điểm bộ phận còn lại với tổng trọng số là 0,5 (ít nhất 2 cột điểm bộ phận), có thể bao gồm 02 nội dung: Tinh thần, thái độ nhận thức trong đợt thực tập và các bài tập nhỏ trong quá trình thực tập. Giảng viên luôn phổ biến mọi quy định về thời gian, phương pháp, tiêu chí đánh giá cho sinh viên ngay từ khi bắt đầu học phần.

Khi chuẩn bị kết thúc lịch học mỗi học kỳ, Phòng KT&ĐBCLGD lên lịch thi quy định cụ thể thời gian, hình thức thi của mỗi học phần trong CTĐT **[H5.05.02.09]**. Các giảng viên giảng dạy ở Bộ môn HTTT thuộc khoa Tin học đều đăng ký hình thức thi cuối kỳ của các môn học của mình phụ trách, và được 01 lần điều chỉnh hình thức thi này trước khi thi cuối kỳ, nhằm đảm bảo tính khách quan, phù hợp với từng đối tượng sinh viên của các năm, cũng như phù hợp với tình hình giảng dạy thực tế **[H5.05.02.10]**. Tất cả các hình thức thi này đều được thông báo cho sinh viên biết khi bắt đầu nhập môn.

Công tác ra đề thi luôn đảm bảo bám sát nội dung kiến thức đã học, có khả năng đánh giá được trình độ của người học. Việc tổ chức kiểm tra đánh giá, chấm điểm đều được thực hiện thống nhất với tất cả các học phần và tuân thủ văn bản quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá, các biểu mẫu đánh giá khoá học/môn học, đề tài, khoá luận **[H5.05.02.11]**.

Trong *Quy định tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính qui đào tạo theo học chế tín chỉ tại Trường ĐHSP-ĐHĐN* cũng nêu rõ các bước của quy trình tổ chức thi theo các hình thức khác nhau. Bên cạnh đó, thời gian làm bài thi kết thúc học phần cũng được quy định cụ thể với các hình thức thi tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, tiểu luận. Với bài thi kết thúc học phần, nếu người học chưa thỏa mãn với kết quả thi, người học có quyền nộp đơn phúc khảo điểm thi. Đơn phúc khảo nộp trực tiếp cho Phòng KT&ĐBCLGD, Phòng

có nhiệm vụ chuyển bài phúc khảo đến GV các Khoa và cập nhật điểm thi nếu có thay đổi điểm chấm phúc khảo [H5.05.02.12].

2. Điểm mạnh

- Các quy định về đánh giá KQHT của người học theo CTĐT CNTT thể hiện rõ ràng và được thông báo công khai tới người học qua nhiều kênh thông tin, cương tất cả các học phần, kể cả học phần thực tập tốt nghiệp và khoá luận tốt nghiệp, chi tiết đến 0.25 điểm cho từng nội dung, năng lực chuyên môn và kỹ năng được công khai giúp tính công khai, minh bạch đánh giá cũng như tăng sự chủ động cho người học.

- Đội ngũ giảng viên của tổ bộ môn HTTT trực thuộc Khoa Tin học không những có phương pháp kiểm tra/đánh giá KQHT của SV đa dạng, phong phú, mà còn luôn cập nhật, thay đổi để phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo tính khách quan, minh bạch, đảm bảo đánh giá được mức độ đạt được CDR của học phần đối với người học.

3. Điểm tồn tại

Việc phản hồi kết quả thi kết thúc học phần giúp cải tiến chất lượng dạy học đôi khi còn chưa kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thay đổi quy trình nhập điểm với việc ứng dụng công nghệ thông tin để sử dụng kết quả thi kết thúc học phần giúp cải tiến chất lượng giảng dạy và học tập một cách nhanh chóng và kịp thời.	Phòng KT&ĐBCLGD Khoa Tin học	Từ năm học 2020 - 2021	

2	Phát huy điểm mạnh	Luôn cập nhật, đổi mới quy trình, quy định về đánh giá KQHT của người học và thông báo rộng rãi, công khai cho người học.	Khoa Tin học Bộ môn HTTT	Hàng năm	
---	--------------------	---	-----------------------------	----------	--

5. *Tự đánh giá:* Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Phương pháp đánh giá kết quả học tập là một trong những phần quan trọng trong quy trình đánh giá KQHT của người học. Vì vậy, đội ngũ giảng viên của ngành CNTT, Khoa Tin học, Trường DHSP-ĐHĐN luôn chú ý đến phương pháp đánh giá, nhằm đảm bảo sự đa dạng, có độ tin cậy, giá trị công bằng cao. Dựa vào các quy định trong *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường DHSP-ĐHĐN năm 2016*, sửa đổi năm 2019 [H5.05.03.01]; [H5.05.03.02] và *Quy định tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo học chế tín chỉ tại Trường DHSP-ĐHĐN* [H5.05.03.03], các hình thức kiểm tra đánh giá KQHT của người học của ngành cử nhân CNTT được thể hiện rất đa dạng trong đề cương học phần, bao gồm: thi viết tự luận, thi trắc nghiệm khách quan, thi trắc nghiệm khách quan bằng máy tính, thi kết hợp viết và trắc nghiệm khách quan, thi kết hợp viết và trắc nghiệm khách quan bằng máy tính, thi vấn đáp, thi thực hành, viết tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, bảo vệ chuyên đề...

Phương pháp đánh giá kết quả học tập đảm bảo độ giá trị, tin cậy và công bằng. Về độ giá trị, mỗi môn học đều có bộ câu hỏi ôn tập được bộ môn thông qua sau khi họp điều chỉnh, đảm bảo từng câu hỏi đo lường được đúng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ được phản ánh trong đề cương môn học/học phần [H5.05.03.04]; [H5.05.03.05]. Về tính tin cậy, mỗi đề thi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết, hướng dẫn chấm thi cụ thể [H5.05.03.06]. Đề thi và đáp án thi cuối kì được bộ môn phê duyệt để đảm bảo hiệu lực

đánh giá trước khi nộp về Phòng KT&ĐBCLGD [quy trình ra đề thi, quản lý và in sao đề thi]. Bài kiểm tra của SV được chấm chi tiết theo đáp án này dưới quy trình chấm được chuẩn hóa (rọc phách, hai giảng viên cùng chấm, vào điểm...) để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với người học [H5.05.03.07]. Về tính tin cậy, mỗi đề thi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết, hướng dẫn chấm thi cụ thể. Đề thi và đáp án thi cuối kì được bộ môn phê duyệt để đảm bảo hiệu lực đánh giá trước khi nộp về Phòng KT&ĐBCLGD. Sự tin cậy và công bằng còn được đảm bảo trong khâu chấm điểm cuối kì. Mỗi bài thi đều yêu cầu có hai giảng viên cùng chấm để hạn chế tính chủ quan khi đánh giá. Bắt đầu từ năm học 2019-2020, Nhà trường có sử dụng phần mềm nhập điểm thành phần để giảng viên chủ động nhập điểm. Điểm thành phần các học phần sẽ được đăng tải công khai và người học sẽ được công khai biết trên portal SV [H5.05.03.08].

Các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với mỗi học phần đều có hướng dẫn chấm điểm, thang điểm hoặc tiêu chí đánh giá phù hợp, rõ ràng. Phương pháp đánh giá thi kết thúc của từng học phần được xây dựng dựa trên sự đóng góp ý kiến của các GV giảng dạy, giảng viên trong bộ môn, được thống nhất ghi trong đề cương chi tiết các học phần. Hình thức thi phải được Tổ bộ môn HTTT và Khoa Tin học phê duyệt trong đề cương chi tiết của các học phần và phải công bố cho sinh viên biết trong buổi học đầu tiên của mỗi học phần, đảm bảo để người học có thể giám sát được cách đánh giá của GV. Khi giảng viên muốn thay đổi hình thức thi, thì phải báo cáo Tổ bộ môn và Khoa phê duyệt trước khi thực hiện và chuyển cho Phòng Đào tạo, Phòng KT&ĐBCLGD để cập nhật vào phần mềm cho quản lý đào tạo.

Quy trình và tiêu chí kiểm tra, đánh giá được thể hiện trong quy định của Trường, trong đề cương học phần của GV trên thực tế đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng của các phương pháp kiểm tra, đánh giá KQHT của người học. Các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở, khối kiến thức chuyên ngành chủ yếu kiểm tra bằng hình thức vấn đáp, tự luận, trắc nghiệm, thí nghiệm thực hành, tiểu luận, bài tập lớn ... nhằm hướng tới mục tiêu trang bị kiến thức cho người học và sự vận dụng kiến thức của người học. Đối với nhóm học phần lý thuyết, tập trung cho SV đạt những chuẩn kiến thức chung, kiến thức chuyên môn được thực hiện một trong những hình thức thi: tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn. Đối với nhóm những môn học: thực tập kỹ năng tại các doanh nghiệp và nghiên cứu,

thực tập tốt nghiệp thì thường đánh giá qua kết quả thu được trong thực tế thông qua sản phẩm học tập được báo cáo bằng hình thức thuyết trình, seminar **[H5.05.03.09]**. Tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của SV như tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, tiểu luận, bài tập dự án, thực hành thí nghiệm, báo cáo... được thiết kế phù hợp để có khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR **[H5.05.03.10]**.

Đánh giá thực tập tốt nghiệp, đồ án, cũng như khóa luận tốt nghiệp được thiết kế theo các rubrics, bao gồm: các rubrics đánh giá dành cho GV phản biện, rubrics đánh giá dành cho các thành viên trong hội đồng. Điều này, đảm bảo cho quá trình đánh giá có giá trị, đảm bảo độ tin cậy và tính khách quan **[H5.05.03.11]**. Với khóa luận tốt nghiệp, Khoa có yêu cầu cụ thể về quy cách làm khóa luận **[H5.05.03.12]**. Việc chấm khóa luận có tiêu chí rõ ràng về thái độ làm việc, khung lý thuyết, công cụ sử dụng, kết quả thực tiễn,... Các tiêu chí này đảm bảo độ giá trị trong đánh giá khóa luận tốt nghiệp. Điểm của khóa luận được rút ra từ điểm của giảng viên hướng dẫn, giảng viên phản biện, hội đồng đánh giá (gồm tối thiểu ba thành viên hội đồng). Nếu số điểm chấm giữa giảng viên hướng dẫn và giảng viên phản biện có sự chênh lệch lên đến 1,0/10 điểm, hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp của Khoa sẽ họp, xem xét lại cách chấm điểm để đảm bảo sự tin cậy của phương pháp đánh giá và tính công bằng đối với SV **[H5.05.03.13]** **[H5.05.03.14]**.

Hệ thống rubrics trong mỗi đề cương tất cả các học phần, kể cả học phần thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp, chi tiết đến 0.25 điểm cho từng nội dung, năng lực chuyên môn và kỹ năng trong đảm bảo tính công khai, minh bạch trong đánh giá; giúp giảm sự phụ thuộc của việc đánh giá vào tâm trạng và chủ quan của giảng viên, hội đồng chấm. Điều này cũng tăng tính chủ động của người học trong việc lựa chọn định hướng chuyên sâu về chuyên môn của mỗi cá nhân sinh viên. Việc kiểm tra đánh giá được tách khỏi giảng dạy và học tập. Đối với bài thi tự luận: thi chung, đề chung, rọc phách và chấm chéo. Đối với bài thi thực hành và báo cáo: Chấm chung, chấm chéo giữa các giảng viên cùng tham gia giảng dạy một học phần.

Không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của người học, cựu người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập của Khoa và Bộ môn HTTT **[H5.05.03.15]**.

2. Điểm mạnh

- Hoạt động đánh giá kết quả học tập người học được thực hiện theo đúng quy trình, quy chế;

- Hệ thống rubrics có trong mỗi đề cương tất cả các học phần, kể cả học phần thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp, chi tiết đến 0.25 điểm cho từng nội dung, năng lực chuyên môn và kỹ năng được công khai đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng trong đánh giá. Việc kiểm tra đánh giá được tách ra độc lập với giảng dạy và học tập.

- Phương pháp đánh giá kết quả học tập được đa dạng hóa, đảm bảo độ tin cậy, khách quan, công bằng và đáp ứng được mục tiêu đánh giá kết quả học tập của người học theo CDR ngành CNTT

3. Điểm tồn tại

Số lượng học phần sử dụng hình thức thi trắc nghiệm khách quan, thi thực hành còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường hình thức thi trắc nghiệm đối với các môn lý thuyết, và thi thực hành trên máy tính đối với môn phát triển kỹ năng lập trình. Tuy nhiên cần phù hợp với tính chất của mỗi môn học.	Khoa Tin học Bộ môn HTTT	Từ năm học 2020 - 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Đa dạng các phương pháp đánh giá KQHT của người học, nhằm đảm bảo tính	Khoa Tin học Bộ môn HTTT	Hàng năm	

		khách quan, độ tin cậy, công bằng cao và luôn thực hiện đúng theo các quyết định, quy định của Nhà trường.			
--	--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Quy định về phản hồi kết quả đánh giá đến người học được Nhà trường thể hiện rõ trong *Quy định tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính qui đào tạo theo học chế tín chỉ*. Quy định nêu rõ các cách phản hồi kết quả học tập cho người học đối với từng hình thức thi cụ thể. Đối với thi vấn đáp, thi theo bảo vệ chuyên đề, đồ án, khóa luận và các học phần thực hành, thực tập, thực tế, thi ngay sau khi chấm xong, giảng viên công bố điểm cho SV ngay sau khi thi xong. Các hình thức thi trắc nghiệm khách quan, tự luận, tiểu luận, sau khi nhận bài thi từ phòng KT & ĐBCLGD, giảng viên tiến hành chấm bài, trả bài thi trong vòng 07 ngày. Phòng KT & ĐBCLGD lên điểm theo phách trong phần mềm quản lý đào tạo.

Phần mềm quản lý hệ thống giúp Trường quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao và hỗ trợ người học tra cứu kết quả học tập của mình dễ dàng, nhanh chóng [H5.05.04.01]; [H5.05.04.02]. Các quy định phản hồi về kết quả đánh giá được công bố công khai đúng thời gian quy định đến từng GV và SV để thực hiện và kiểm tra giám sát thông qua sổ tay SV [H5.05.04.03], trang website của trường [H5.05.04.04]. Trên cơ sở đó, người học tự tin, rút kinh nghiệm, cải thiện việc học tập của mình.

Việc đánh giá quá trình được thực hiện theo quy định đánh giá KQHT của người học, được thể hiện trong đề cương chi tiết của học phần đã được phê duyệt và thông báo công khai cho sinh viên. GV giảng dạy học phần có trách nhiệm đánh giá quá trình bao gồm điểm chuyên cần, điểm thường xuyên và điểm kiểm tra định kỳ. Các bài kiểm tra sau khi chấm phải thông báo điểm và trả lại cho sinh viên, sinh viên có thể thắc mắc về điểm nếu

thấy không thỏa đáng **[H5.05.04.05]**. SV được phản hồi và GV giải đáp ngay tại buổi trả bài kiểm tra, nếu có điều chỉnh hay không điều chỉnh GV cần thông báo công khai và nói rõ lý do. Sau đó, GV sẽ nhập điểm theo danh sách SV của học phần được cung cấp từ phòng KT & ĐBCLGD **[H5.05.04.06]; [H5.05.04.07]**.

Hệ thống phần mềm quản lý các hệ đào tạo đã giúp Trường quản lý KQHT của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu. Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai đến GV, SV để thực hiện và kiểm tra giám sát. SV được thông báo các đầu điểm: điểm đánh giá quá trình (chuyên cần, thường xuyên, định kỳ) trước khi kết thúc học phần để có ý kiến phản hồi **[H5.05.04.08]**.

Trước khi bắt đầu thi kết thúc học phần 01 tuần, giảng viên nhập điểm thi giữa kỳ trên hệ thống quản lý và hoàn thiện hồ sơ (bản chính) gửi cho Phòng Đào tạo, bản photocopy cho Khoa quản lý chuyên môn và Khoa quản lý sinh viên **[H5.05.04.09]**. SV có thể xem điểm của mình trên trang web quản lý học tập của từng cá nhân. Sau 7 ngày thi kết thúc học phần, người học được biết KQHT. Khi nghỉ ngơi về KQHT, SV có quyền nộp đơn phúc khảo bài thi về Phòng KT&ĐBCLGD. Phòng KT&ĐBCLGD tổng hợp danh sách sinh viên phúc khảo bài thi và gửi biên bản cùng bài thi chấm phúc khảo đến Khoa chuyên môn **[H5.05.04.10]**. Tổ trưởng bộ môn lập danh sách phân công cán bộ chấm phúc khảo bài thi theo quy định của Nhà trường. Nếu có sự sai lệch điểm thi thì Phòng KT&ĐBCLGD dựa vào biên bản và bài thi đã chấm phúc khảo để điều chỉnh điểm trên phần mềm quản lý hệ thống. Điểm bài phúc khảo sau cùng sẽ được thông báo tới người học để lập kế hoạch học tập phù hợp hơn. Sau mỗi học kì, Nhà trường tổ chức thi kết thúc học phần, đánh giá KQHT của SV, xét học vụ và công bố KQHT của người học trên trang thông tin của Nhà trường **[H5.05.04.11]**. KQHT của SV được nhập chính xác, lưu trữ đầy đủ đúng quy trình, Phòng Đào tạo và các Khoa chuyên môn bằng bản giấy và trên phần mềm tại Phòng KT&ĐBCLGD quản lý hệ thống **[H5.05.04.12]**. Bảng điểm lưu giữ KQHT của SV theo từng học kì được Phòng Đào tạo, Khoa Tin học quản lý và được bảo đảm an toàn theo quy trình xác định, thuận lợi cho việc tra cứu điểm khi cần thiết **[H5.05.04.13]**. Những quy định về thi cuối kỳ, đánh giá KQHT của người học được Nhà trường công bố công khai đến GV và người học, đến email của từng Khoa chuyên môn và công khai rộng rãi trên trang thông

tin điện tử của Nhà trường.

Nhà Trường đã nhận thức rõ tầm quan trọng của việc phản hồi kịp thời kết quả đánh giá kết quả học tập của SV, do đó đã xây dựng hệ thống quản lý đo lường đánh giá chặt chẽ, khoa học, khách quan, chính xác công bằng và phản hồi kịp thời tới người học để nâng cao chất lượng đào tạo giúp sinh viên chủ động trong cả quá trình học tập của mình. Thông tin phản hồi về đánh giá KQHT được SV sử dụng để cải thiện việc học tập. Dựa vào KQHT và điểm rèn luyện của từng kì, căn cứ vào quyết định cảnh báo học vụ hằng kỳ để SV lập phương án học tập thích hợp, tránh được tình trạng bị buộc thôi học khi bị cảnh báo 3 kỳ liên tiếp [quy trình quản lý kết quả học tập] [H5.05.04.14]; [H5.05.04.15];[H5.05.04.16]. Với cách thức thông báo điểm thi trên phần mềm hệ thống và sinh viên tự kiểm tra theo tài khoản cá nhân nên luôn được sinh viên phản hồi hài lòng về hình thức thực hiện. Riêng yếu tố thời gian đôi khi do lỗi mạng, phần mềm một số học phần chưa đáp ứng về tiến độ. Từ kết quả khảo sát, đánh giá môn học và đánh giá chất lượng khóa học của Nhà trường cho thấy đa số SV và cựu SV hài lòng với việc thông báo điểm thi kịp thời và cách thức GV cung cấp thông tin phản hồi về bài làm của SV giúp họ điều chỉnh kịp thời các hoạt động học tập để cải thiện chất lượng [H5.05.04.17].

2. Điểm mạnh

- Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn.

- Khoa có đầy đủ hệ thống các văn bản liên quan đến hoạt động kiểm tra đánh giá; tuân thủ theo các quy định một cách chặt chẽ, hạn chế được sai sót trong quá trình cung cấp kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Phần mềm quản lý hệ thống đôi khi còn bị tắc nghẽn, gây khó khăn cho công tác quản lý và người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện- hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nâng cấp phần mềm quản lý hệ thống	Phòng CSVC Tổ CNTT&TT	Từ năm học 2020- 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Kết quả học tập của người học được phản hồi kịp thời để người học cải thiện tình hình học tập của bản thân theo hướng tích cực.	Phòng ĐT Phòng KT&ĐBCLGD Khoa Tin học Bộ môn HTTT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Quy trình khiếu nại về kết quả học tập của sinh viên được Nhà trường quy định cụ thể trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần và được công bố công khai **[H5.05.05.01]**.

KQHT của người học được GV phụ trách học phần thông báo và điểm được đưa lên phần mềm quản lý hệ thống của Nhà trường. SV có thể tiếp cận, để xem điểm của từng học phần của mình một cách dễ dàng. Từ điểm trên hệ thống này, nếu phát hiện ra bất kỳ sai sót nào, SV có thể khiếu nại về KQHT.

Trong quá trình học tập, người học được quyền phúc tra khiếu nại KQHT, cụ thể;

- Đối với điểm quá trình, SV khiếu nại trực tiếp với GV giảng dạy học phần đó khi GV công bố công khai kết quả học tập, GV giảng dạy học phần trực tiếp giải quyết các ý kiến của người học

- Đối với kết quả điểm thi kết thúc học phần, sau khi người học thấy điểm thi công bố trên cổng thông tin điện tử không chính xác thì gửi đơn phúc khảo lên Phòng KT&ĐBCLGD đề nghị xem xét lại chậm nhất 1 tuần sau khi công bố điểm. Phòng KT&ĐBCLGD có nhiệm vụ tiếp nhận các khiếu nại về kết quả thi của người học. Đơn phúc khảo được lấy theo mẫu tại Phòng hoặc tại website của Phòng KT&ĐBCLGD **[H5.05.05.02]; [H5.05.05.03]** (<https://khaothi.ued.udn.vn/>). Phòng KT&ĐBCLGD tổng hợp danh sách sinh viên phúc khảo bài thi và gửi biên bản cùng bài thi chấm phúc khảo đến Khoa chuyên môn **[H5.05.05.04]**. Tổ trưởng bộ môn lập danh sách phân công cán bộ chấm phúc khảo bài thi theo quy định của Nhà trường. Việc chấm phúc khảo sẽ do Trưởng bộ môn phân công hai giảng viên khác với GV chấm lần 1 để quy trình đánh giá lại được hoàn toàn khách quan. Kết quả cuối cùng phải do Trưởng bộ môn ký xác nhận mới được công bố. Điểm sau phúc khảo là kết quả cuối cùng của học phần. Nếu có sự sai lệch điểm thi thì Phòng KT&ĐBCLGD dựa vào biên bản và bài thi đã chấm phúc khảo để điều chỉnh điểm trên phần mềm quản lý hệ thống. Phòng KT và ĐBCLGD luôn có sổ theo dõi khiếu nại, trả lời kết quả khiếu nại hàng năm **[H5.05.05.05]**.

Đối với KQHT khiếu nại của người học cũng được Nhà trường quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác trên phần mềm quản lý hệ thống của Nhà trường. Từ đầu năm nhất, SV được phòng công tác SV thông báo và cấp phát cuốn sổ tay SV qua đó SV linh hoạt trong việc học tập và kiểm tra đánh giá trong các học kì cùng với những yêu cầu phúc khảo bài thi khi cần thiết **[H5.05.05.06]**.

Theo dõi thống kê số phúc khảo năm học 2019-2020 (tại Biểu mẫu, hồ sơ liên quan đến phúc khảo KQHT của sinh viên) về sự phản hồi đánh giá KQHT thấy, ngoài số bài phúc khảo được giữ nguyên điểm (chiếm 73%) còn có khoảng 27% số bài được tăng điểm **[H5.05.05.07]**. Như vậy, có thể nói quá trình phúc khảo của SV và chấm phúc khảo của GV diễn ra công khai, minh bạch, đảm bảo tính khách quan, trung thực. Từ đó tạo động lực để SV không ngừng phấn đấu, không ngừng rèn luyện trong học tập. Bên cạnh đó, khẳng định quá trình chấm thi, quá trình nhập điểm lên phần mềm quản lý hệ thống vẫn chưa chính xác, tuy nhiên không nghiêm trọng.

Thực tế cho thấy, trong 5 năm (2016-2020) Khoa Tin học đã tổ chức rất nhiều kỳ thi với số lượng bài thi thi tự luận, vấn đáp, thực hành của rất nhiều học phần, nhưng số lượng

bài thi có đơn đề nghị phúc khảo tương đối ít (84 đơn) đã thể hiện sự khách quan, công bằng, độ tin cậy, chính xác của hoạt động chấm thi.

Cán bộ, giảng viên, sinh viên có hành vi vi phạm các quy định về thi, nếu có đủ chứng cứ sẽ bị Nhà trường xử lý theo quy định tại *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ* [H5.05.05.08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa đảm bảo được quyền lợi cho người học khi có thắc mắc về kết quả học tập. Tình trạng khiếu nại về kết quả học tập của người học hàng năm không nhiều và được giải quyết kịp thời, thỏa đáng.

3. Điểm tồn tại

Việc công bố điểm cuối kỳ một số học phần cho sinh viên còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện- hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thay đổi quy trình nhập điểm với việc ứng dụng công nghệ thông tin để sử dụng kết quả thi kết thúc học phần giúp cải tiến chất lượng giảng dạy và học tập một cách nhanh chóng và kịp thời.	Phòng KT&ĐBCLGD Khoa Tin học Bộ môn HTTT	Từ năm học 2020 -2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát điểm của người học, hạn chế sai sót trong quá trình lên điểm.	Phòng KT&ĐBCLGD Khoa Tin học Bộ môn HTTT	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 5:

Mặc dù còn một số tồn tại như đã nêu, nhìn chung, việc đánh giá kết quả học tập của người học ở Khoa Tin học được thực hiện một cách chuyên nghiệp, bám sát các hướng dẫn của CTĐT để đảm bảo tính rõ ràng, công khai của quy trình. Việc đánh giá kết quả học tập của người học rất quan trọng nhằm giúp người học cải tiến việc học tập của mình nhằm nâng cao năng lực bản thân. Với bộ môn HTTT của Khoa Tin học đã đánh giá kết quả học tập của SV thông qua việc thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của SV (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới SV một cách công khai trên các trang website trường, khoa. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời đến SV nhằm giúp SV cải thiện việc học tập của mình. Đặc biệt khi SV không thỏa mãn với kết quả của mình sau khi có kết quả điểm thi thì SV được tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của mình và có thể phúc khảo bài thi thông qua một quy trình phúc khảo bài thi được quy định chặt chẽ và khoa học.

Tiêu chuẩn 5 có 5 tiêu chí: 5/7

Tiêu chuẩn: 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.

Phát triển đội ngũ GV là nhiệm vụ quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của CTĐT CN CNTT cũng như đáp ứng chiến lược phát triển Trường ĐHSP – ĐHĐN, hoàn thành Sứ mạng và mục tiêu phát triển của Nhà trường. Khoa Tin học luôn chú trọng đến công tác quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo và nâng cao chất lượng đội ngũ GV.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Đội ngũ GV, nghiên cứu viên có vai trò quan trọng hàng đầu trong sự phát triển của nhà trường cũng như quyết định chất lượng đào tạo và NCKH. Trên cơ sở Sứ mạng Tầm nhìn, Trường xây dựng Chiến lược phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2017 – 2022 [H6.06.01.01] và kế hoạch xây dựng phát triển đội ngũ hằng năm [H6.06.01.02].

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ, Ban chủ nhiệm Khoa và CTĐT ngành CNTT đã họp bàn, thảo luận, phân tích về sự thiếu hụt giảng viên của CTĐT. Từ đó, xây dựng lộ trình phát triển cán bộ trong 5 năm nhằm đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên khối lượng công việc đang thực hiện của GV và lực lượng cán bộ sắp nghỉ hoặc đã nghỉ hưu. [H6.06.01.03]. Khoa xác định số lượng giảng viên cần tuyển dụng mới và số lượng GV cần thực hiện bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn tương ứng với các vị trí thiếu hụt trong bản mô tả công việc. Tuỳ từng đối tượng giảng viên, Khoa đã mô tả các nhiệm vụ cơ bản của từng GV xoay quanh các vấn đề về giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.01.04].

Hiện nay, khoa Tin học gồm có 12 giảng viên cơ hữu, độ tuổi trung bình là 39 tuổi. Số giảng viên đạt trình độ tiến sĩ là 5 GV (chiếm 42%), số GV đang làm NCS trong và ngoài nước là 4 (chiếm 34%) [H6.06.01.05]. Theo lộ trình phát triển đội ngũ của Khoa, phấn đấu đến năm 2025, cán bộ GV cơ hữu có học vị tiến sĩ là trên 75%.

Để thực hiện chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực gắn với Tầm nhìn và Mục tiêu chiến lược, Nhà trường đã ban hành quy trình tuyển dụng giảng viên với các quy định và yêu cầu nghiêm ngặt, dựa trên Luật Giáo dục Đại học, Luật Viên Chức và quy định của

DHĐN [H6.06.01.06], [H6.06.01.07]. Từ đó, Nhà trường xây dựng các quy trình, quy định, kế hoạch nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH [H6.06.01.08], [H6.06.01.09], [H6.06.01.10], [H6.06.01.11], [H6.06.01.12]. Trên cơ sở đó, Trường xây dựng Đề án vị trí việc làm của toàn Trường để xác định được nhu cầu đáp ứng về số lượng CBGV và nhân viên so với yêu cầu công việc [H6.06.01.13]. Kế hoạch tuyển dụng GV hàng năm của Khoa được thực hiện theo hướng dẫn, kế hoạch và thông báo của Nhà trường [H6.06.01.14]. Trên cơ sở kế hoạch của Trường, Khoa đã xây dựng chỉ tiêu, tiêu chí tuyển dụng một cách dân chủ từ nhu cầu của các bộ môn, sau đó họp liên tịch lãnh đạo đơn vị để bàn bạc và quyết định và báo cáo Trường. Chỉ tiêu tuyển dụng được xác định dựa vào nhu cầu, vị trí việc làm của đơn vị và chủ trương được duyệt. Công tác quy hoạch đội ngũ GV của CTĐT ngành CNTT được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, khoa học, phù hợp theo quy định chung của Nhà trường, đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Định hướng phát triển công tác cán bộ của Khoa luôn phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường.

Đối với GV tuyển mới, Khoa tuyển chọn các GV trẻ và có năng lực đã được đào tạo sau đại học tại các cơ sở giáo dục uy tín trong và ngoài nước. Đội ngũ GV từng bước được trẻ hóa nhưng vẫn đảm bảo sự kế thừa giữa các thế hệ; GV mới được tuyển dụng thể hiện định hướng và cam kết với Nhà trường bồi dưỡng và nâng cao năng lực chuyên môn [H6.06.01.15]. Chính sách hỗ trợ phát triển cho đội ngũ GV, nhân viên học tập được xác định rõ ràng trong các chiến lược phát triển và quy định chi tiêu nội bộ của Trường. Giảng viên học tập tại Việt Nam được hỗ trợ học phí, chi phí đi lại và được thanh toán đầy đủ lương và phúc lợi. Giảng viên tu nghiệp ở nước ngoài được hỗ trợ bảo hiểm xã hội và 40% tiền lương cơ bản [H6.06.01.16]. Việc tuyển dụng và bổ nhiệm GV được thông báo công khai và minh bạch bằng văn bản và trên trang thông tin điện tử của Nhà trường [H6.06.01.17].

Trong 5 năm, Khoa tuyển mới được 05 giảng viên, trong đó, có 01 giảng viên có học vị Tiến sĩ, hai giảng viên đã đăng ký học NCS sau khi ký hợp đồng trong vòng 4-6 tháng.

Đối với các giảng viên chưa đạt học vị Tiến sĩ, Khoa và Nhà trường yêu cầu đăng ký kế hoạch cá nhân trong việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ [H6.06.01.18]. Trong 5 năm qua, Khoa có 7 giảng viên đăng ký học NCS [H6.06.01.19]. Các GV này sẽ gửi kế hoạch

học tập hằng năm để Nhà trường có căn cứ thực hiện các chính sách hỗ trợ về kinh phí được quy định ở Quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.01.20], [H6.06.01.16].

Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của GV được thực hiện nghiêm túc đúng các quy định hiện hành của Luật lao động và Luật Viên chức [H6.06.01.21]. Hàng năm, Nhà trường và Ban Chủ nhiệm Khoa có kế hoạch cụ thể về gia hạn hoặc chấm dứt hợp đồng với GV nghỉ hưu. Việc chấm dứt, gia hạn hợp đồng hoặc nghỉ hưu đều được thông báo trước cho Ban Chủ nhiệm khoa và đương sự [H6.06.01.22]. Các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng các chính sách hiện hành. Trong 5 năm qua, Khoa có 3 GV được nghỉ hưu theo quy định [H6.06.01.23].

Theo kế hoạch của Nhà trường, hàng năm Ban Chủ nhiệm Khoa luôn chú ý tiến hành rà soát, quy hoạch công tác cán bộ.

2. Điểm mạnh

Khoa có nhiều giảng viên có trình độ tiến sĩ. Số lượng GV học học NCS nhiều.

3. Điểm tồn tại

Số lượng giảng viên tuyển dụng mới còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần ban hành chính sách hỗ trợ phù hợp để có thể thu hút, tuyển dụng, GV có đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của CTĐT.	Trường ĐHSP	Từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy thực hiện bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn cho giảng viên.	Trường ĐHSP	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí:5/7

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Căn cứ vào Sứ mạng và Tầm nhìn, Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ CBVC giai đoạn 2017-2022 [H6.06.02.01]. Cụ thể: đến năm 2020, Trường có 280 GV, trong đó: Tỷ lệ Giáo sư, PGS: đạt trên 7% trong tổng số GV (25); Tỷ lệ Tiến sĩ đạt trên 49% trong tổng số GV (120); Tỷ lệ Thạc sĩ 100 %; GV dưới 40 tuổi phải có trình độ ngoại ngữ đủ điều kiện để gửi đi đào tạo ở nước ngoài. GV tuyển dụng mới phải đảm bảo chuẩn ngoại ngữ B2 hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương; 80% GV có trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ sử dụng thành thạo 1 ngoại ngữ trong giao tiếp và làm việc với khách quốc tế, sử dụng thành thạo máy vi tính trong công tác giảng dạy, quản lý.

Việc thực hiện các hoạt động đào tạo của Chương trình cử nhân Công nghệ thông tin, ngoài số giảng viên của Khoa và Trường, CTĐT cũng sử dụng đến nguồn giảng viên chung của ĐHĐN [H6.06.02.02] và mời thỉnh giảng bên ngoài ĐHĐN [H6.06.02.03], [H6.06.02.04]. Các giảng viên được mời thỉnh giảng là các giảng viên đáp ứng đủ yêu cầu và có uy tín trong cộng đồng công nghệ thông tin nhằm làm đa dạng hóa và mở rộng quan hệ trong việc trao đổi học thuật. Hơn nữa, CTĐT cũng mời nhiều doanh nghiệp cùng hợp tác giảng dạy nhằm tạo nhiều cơ hội nhất có thể để sinh viên tiếp cận sớm nhất với các công nghệ hiện hành từ các doanh nghiệp cũng như tiếp cận, định hướng nghề nghiệp khi tốt nghiệp ra trường [H6.06.02.05].

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được thực hiện theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT quy định số giờ chuẩn giảng dạy của GV là 270 giờ/năm. ĐHĐN đã ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo trong ĐHĐN, theo đó khối lượng công việc của đội ngũ GV được quy đổi theo giờ chuẩn được cụ thể hóa cho từng đối tượng GV (GV và GV giữ chức vụ quản lý) [H6.06.02.06]. Hàng kỳ, Khoa thực hiện phân công chuyên môn cho GV dựa trên bản mô tả công việc của từng GV [H6.06.02.07], [H6.06.02.08]. Sau khi thực hiện theo bảng phân công chuyên môn, Nhà trường thống kê khối lượng công việc của giảng viên theo giờ chuẩn và thực hiện qui đổi [H6.06.02.09]. Nhà trường thường xuyên rà soát

thống kê giờ NCKH và giảng dạy để có căn cứ thực hiện theo quy định về NCKH đối với GV [H6.06.02.10], [H6.06.02.11].

Nhà trường cũng có quy định cụ thể về chất lượng công việc đối với đội ngũ GV để làm cơ sở đánh giá và phân loại công chức, viên chức; Ban hành Quy định, đánh giá phân loại viên chức và người lao động để xác định mức độ đáp ứng công việc của giảng viên [H6.06.02.12]. Căn cứ vào Biên bản giao nhận nhiệm vụ hằng năm ở bảng phân công chuyên môn, các nhiệm vụ khác, cuối năm học GV tự đánh giá, sau đó Bộ môn và Khoa đánh giá. Cuối cùng, Nhà trường đánh giá căn cứ vào kết quả đánh giá của Khoa để có kết quả đánh giá, xếp loại cuối cùng của toàn Trường [H6.06.02.13]. Ngoài nhiệm vụ giảng dạy và NCKH, GV của CTĐT còn tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng như hỗ trợ các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, hỗ trợ bồi dưỡng các lớp tin học cộng đồng,... [H6.06.02.14]. Bên cạnh đó, CB và GV của Khoa đã đóng góp ủng hộ tiền, vật dụng cá nhân, sách vở, mì, gạo... cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn (sinh viên, học sinh mầm non, phổ thông và người già neo đơn trên địa bàn) đáp ứng được mục tiêu của Nhà trường và Khoa đề ra [H6.06.02.15]. Khoa cũng phân công GV theo dõi, hỗ trợ công tác đoàn tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng như thứ bảy tình nguyện, ngày chủ nhật xanh, hiến máu nhân đạo,... [H6.06.02.16].

Các giảng viên của CTĐT được phân công giảng dạy đúng theo năng lực chuyên môn và chuyên ngành nghiên cứu, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy. Ngoài công tác giảng dạy, GV trong Khoa tham gia tích cực hoạt động nghiên cứu khoa học và thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên khác được phân công bởi Nhà trường và Khoa hiện đề tài các cấp [H6.06.02.17]. Khoa đã tổ chức thành công nhiều hội nghị khoa học lớn trong nước và quốc tế có uy tín trong lĩnh vực công nghệ thông tin, tạo cơ hội giao lưu, học hỏi cho giảng viên và sinh viên của Khoa [H6.06.02.18]. Kết quả đánh giá, xếp loại hằng năm cho thấy đội ngũ giảng viên của CTĐT đáp ứng được các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H6.06.02.19].

Qua các buổi họp khoa thì GV của CTĐT không có phản nản gì với khối lượng, chất lượng công việc được giao cũng như kết quả đánh giá của Khoa và Nhà trường về các công việc GV đã thực hiện.

2. Điểm mạnh

Khoa Tin học có đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, luôn tâm huyết với nghề, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và NCKH. Hàng năm, 100% đội ngũ GV của Khoa đều hoàn thành nhiệm vụ, có trên 30% GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV chưa định lượng được.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng bộ tiêu chí định lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV	Trường ĐHSP	Từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Giám sát, khuyến khích GV thực hiện tốt công việc để đảm bảo chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng	Trường ĐHSP Khoa Tin học	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Trường có các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển rõ ràng, cụ thể, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, thành tích giảng dạy, nghiên cứu, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng

ngoại ngữ [H6.06.03.01], [H6.06.03.02]. Để nâng cao chất lượng đội ngũ và phát triển các nhà giáo dục xuất sắc, Nhà trường ưu tiên tuyển dụng Tiến sĩ và cho phép các khoa đề xuất tuyển dụng đột xuất các cá nhân có trình độ cao. Kế hoạch và Thông báo tuyển dụng được công khai bằng văn bản và trên website của Khoa, Trường, ĐHĐN và qua nhiều kênh truyền thông khác [H6.06.03.03]. Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên thể hiện ở Thông báo tuyển dụng [H6.06.03.04]. Sau khi có kết quả trúng tuyển, các GV được bố trí sinh hoạt chuyên môn tại một tổ bộ môn của Khoa và sẽ được 1 GV hướng dẫn trực tiếp, hỗ trợ cho GV mới được tuyển dụng [H6.06.03.05], [H6.06.03.06], [H6.06.03.07], [H6.06.03.08].

Để thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ, đặc biệt là tuyển dụng và bổ nhiệm các giảng viên, Khoa đã họp liên tịch để thống nhất các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, NCV để có đội ngũ chất lượng phục vụ mục tiêu phát triển của Trường, Khoa [H6.06.03.09]. Từ đó, Trường tạo mọi điều kiện thuận lợi để Khoa thực hiện chủ động trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyển dụng viên chức, đáp ứng được vị trí việc làm của Khoa, Trường. Người được tuyển dụng phải đạt các tiêu chí cơ bản: Có trình độ chuyên môn giỏi, có năng lực sáng tạo, tư duy đổi mới; Có đạo đức tốt, sức khỏe tốt; Có ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước công việc; Yêu nghề, gắn bó với Nhà trường. Bên cạnh đó, Trường và Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các qui định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (GV chính, phó giáo sư, giáo sư) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng/Phó Khoa, Trưởng bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy, NCKH [H6.06.03.10].

Giảng viên thực hiện các hoạt động chuyên môn dưới sự quản lý và giám sát của trưởng bộ môn. Ban chủ nhiệm khoa điều hành tất cả các hoạt động với sự giúp đỡ của trợ lý giáo dục, giáo viên chủ nhiệm, các nhóm khoa học và hội đồng Khoa. Trách nhiệm của giảng viên, cán bộ quản lý được quy định rõ ràng trong các văn bản của Bộ GD&ĐT [H6.06.03.11] và một số văn bản chi tiết của ĐHĐN, Trường ĐHSP [H6.06.03.12].

Trường ĐHSP - ĐHĐN có văn bản quy định về các tiêu chí đánh giá phân loại công chức, viên chức và người lao động trong đó quy định rõ các tiêu chí phân loại các mức hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt, hoàn thành nhiệm vụ... với các tiêu chí về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần thái độ, trách

nhiệm trong công việc, khả năng hoàn thành nhiệm vụ, kết quả NCKH... [H6.06.03.13]. Nhà trường ban hành quy định đánh giá, phân loại VC và NLĐ để hưởng lương tăng thêm [H6.06.03.14]. Các văn bản này được Nhà trường tổ chức cho GV thảo luận, thống nhất và được thông báo công khai bằng văn bản và trên trang thông tin điện tử của Nhà trường [H6.06.03.15].

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý trong Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Việc bổ nhiệm Lãnh đạo khoa, Trưởng bộ môn ngoài việc dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của cán bộ mà còn dựa trên công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý giữa Khoa và Nhà trường. Việc bổ nhiệm và quy hoạch cán bộ đều được thực hiện có quy trình: lấy phiếu tín nhiệm cấp Bộ môn, cấp Khoa, Ban Giám hiệu, Đảng ủy Nhà trường thông qua cuộc họp [H6.06.03.16].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa Tin học có kế hoạch, quy trình, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm được xác định rõ ràng và được phổ biến công khai.

3. Điểm tồn tại

Việc thu hút được GV đáp ứng tiêu chí tuyển dụng về công tác tại Khoa còn gặp khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng những chính sách mạnh để thu hút và giữ chân các GV.	Trường ĐHSP Khoa Tin học	Từ năm học 2020 - 2021	
2	Phát	Tiếp tục phổ biến rộng rãi các	Trường ĐHSP	Hàng năm	

	huy điểm mạnh	văn bản về tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển, trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và Khoa Tin học.	Khoa Tin học		
--	---------------------	--	--------------	--	--

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, NCV được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả

Năng lực của đội ngũ GV là yếu tố quyết định đến chất lượng đào tạo của Nhà trường. Đội ngũ GV được tuyển chọn theo các tiêu chuẩn quy định đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Nhà trường cũng ban hành Quy định đánh giá, xếp loại giảng viên cũng như hướng dẫn qui định, cách thức để đánh giá xếp loại năng lực CBVC hàng năm [H6.06.04.01]. Trong định hướng phát triển của Khoa, CTĐT CNTT đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Năng lực của đội ngũ GV được xác định bao gồm cả 3 yêu cầu: năng lực giảng, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.04.02]. Những ứng viên được tuyển làm GV của Trường ĐHSP-ĐHĐN nói chung đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, và nghiệp vụ SP [H6.06.04.03], [H6.06.04.04]. Đội ngũ GV cũng tích cực tham gia NCKH và có nhiều công trình chất lượng [H6.06.04.05]. Các công trình nghiên cứu của các giảng viên được các giảng viên cập nhật lên trang Lý lịch khoa học của Trường <http://scv.ued.udn.vn/> và ĐHĐN <http://scv.udn.vn/>. Các kết quả này cũng được cập nhật lên trang <https://scholar.google.com/>. Bên cạnh đó, GV còn tích cực tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng như đóng góp các hoạt động từ thiện, xây dựng tủ sách, hiến máu nhân đạo... [H6.06.04.06].

Khoa tổ chức các hoạt động sinh hoạt chuyên môn, trao đổi học thuật, phân công các giảng viên thiết kế và triển khai chương trình dạy và học, xây dựng đề cương học phần, triển khai các phương pháp dạy, học, đánh giá theo CDR, năng lực ứng dụng và sử dụng

công nghệ thông tin trong dạy học các nhóm học phần mà mình phụ trách, sau đó, một GV khác của nhóm HP sẽ phản biện, đóng góp ý kiến trước khi cùng tất cả các GV của Tổ bộ môn thảo luận, trao đổi nhằm củng cố, nâng cao chất lượng đội ngũ [H6.06.04.07], [H6.06.04.08] . Khoa tổ chức thành công nhiều hội nghị khoa học lớn trong nước và quốc tế, có uy tín trong lĩnh vực công nghệ thông tin và nhận được nhiều sự ghi nhận tích cực. Điều này khẳng định uy tín và năng lực của giảng viên của Khoa [H6.06.04.09].

Việc đánh giá giảng dạy các học phần của giảng viên được thông qua việc triển khai của Phòng KT&ĐBCLGD. Kết thúc mỗi học phần, Phòng KT&ĐBCLGD của Nhà trường đều lấy ý kiến phản hồi của người học về môn học thông qua phiếu đánh giá và trên hệ thống Website. Trong những năm vừa qua, kết quả đánh giá của SV đều cho thấy đa phần các hoạt động giảng dạy đã đáp ứng được nhu cầu học tập của người học. SV đánh giá cao hoạt động giảng dạy của GV CTĐT CNTT [H6.06.04.10].

Khoa Tin học thực hiện đánh giá năng lực của GV theo quy định của Nhà trường, kết quả đánh giá khẳng định GV tham gia giảng dạy trong CTĐT đáp ứng được yêu cầu công việc được giao. Như vậy, về cơ bản, trình độ chuyên môn của GV luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu của công việc. Cụ thể, vào cuối mỗi năm học, các GV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xây dựng kế hoạch trong năm học tới [H6.06.04.11]. Việc tự đánh giá căn cứ theo chức năng nhiệm vụ theo chức danh, nhiệm vụ được giao. Sau đó, Lãnh đạo khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Phần lớn các giảng viên của Khoa có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức tương đối cao điểm đạt từ 90 đến 96%, xếp loại A. 100% các GV ngành CNTT được Khoa, Nhà trường đánh giá hoàn thành nhiệm vụ [H6.06.04.12], [H6.06.04.13]. Bên cạnh đó, tỷ lệ GV nghiên cứu khoa học và thực hiện các đề tài, viết bài đăng tạp chí chuyên ngành, bài viết hội thảo,.. tăng dần theo từng năm và điểm NCKH của Khoa cao hơn mức chung của toàn Trường [H6.06.04.05]. Các kết quả đánh giá cũng phục vụ công tác thi đua, khen thưởng, xét nâng bậc lương [H6.06.04.14], [H6.06.04.15].

2. Điểm mạnh

Giảng viên của Khoa đều hoàn thành nhiệm vụ được phân công. Một số giảng viên có thành tích xuất sắc trong NCKH, trung bình hằng năm có từ 2-3 giảng viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua.

3. Điểm tồn tại

Năng lực ngoại ngữ của giảng viên chưa được đánh giá thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức đánh giá năng lực ngoại ngữ định kì 2 năm/lần đối với giảng viên	Trường ĐHSP Khoa Tin học	Từ năm học 2020 - 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát, cập nhật các văn bản đánh giá năng lực của đội ngũ GV để công tác đánh giá phân loại GV được công bằng, khách quan.	Trường ĐHSP Khoa Tin học	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Công tác phát triển đội ngũ được lãnh đạo Trường chú trọng trong suốt những năm qua. Năm 2017, Trường đã xây dựng và ban hành Chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên giai đoạn 2017 - 2022 làm nền tảng công tác phát triển đội ngũ [H6.06.05.01]. Căn cứ vào nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ, Nhà trường đã xây dựng quy trình đào tạo bồi dưỡng

cán bộ để đáp ứng sự phát triển của Nhà trường [H6.06.05.02]. Để xác định cầu đào tạo/ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đội ngũ giảng viên, NCV, Nhà trường triển khai cho các đơn vị xây dựng kế hoạch bồi dưỡng CBVC [H6.06.05.03]. Để đạt chuẩn GV, Trường yêu cầu tất cả GV đăng ký có chứng chỉ nghiệp vụ SP qua các thông báo tổ chức các khóa đào tạo NVSP và đến thời điểm hiện tại 100% GV của Khoa có chứng chỉ này [H6.06.05.04]. Hiện Khoa có 04 NCS đang theo học các CSGD trong và ngoài nước, dự kiến các NCS sẽ bảo vệ từ năm 2021-2023. Theo đó, đến năm 2025, Khoa dự kiến có trên 75% GV đạt trình độ tiến sĩ. Khoa cũng rà soát việc học tập, nâng cao trình độ của các giảng viên và yêu cầu các giảng viên báo cáo kết quả học tập của mình [H6.06.05.05].

Dựa trên các kế hoạch của Khoa, Nhà Trường xem xét và xác định kế hoạch cũng như ngân sách cho các hoạt động liên quan đào tạo, sinh hoạt học thuật và nghiên cứu khoa học của Khoa dựa trên kế hoạch phân bổ ngân sách của Nhà trường [H6.06.05.06], [H6.06.05.07], [H6.06.05.08]. Hoạt động bồi dưỡng, đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên của Khoa Tin học luôn bám sát quy định về phát triển đội ngũ giảng viên đạt chuẩn của Nhà trường.

Hàng năm, Nhà trường đều cử cán bộ giảng viên của Khoa đi đào tạo trong nước và nước ngoài nhằm nâng trình độ, kỹ năng cho đội ngũ giảng dạy [H6.06.05.09]. Nhà trường phân bổ kinh phí cho giảng viên đi đào tạo bồi dưỡng thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.05.10].

Mỗi giảng viên sau khi được tuyển dụng sẽ có quá trình tập sự một năm, được phân công một giảng viên có trình độ và kinh nghiệm hướng dẫn, giúp đỡ phát triển năng lực [H6.06.05.11]. Các giảng viên mới được tuyển dụng phải cam kết đăng ký đi học để đạt trình độ tiến sĩ trong vòng 2 năm kể từ khi được tuyển dụng [H6.06.05.12].

Nhà trường và Khoa đã tổ chức và cử CBGV tham gia nhiều khóa bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm. Cụ thể, Tập huấn về tăng cường năng lực quản lý tài chính, cơ sở vật chất và phát triển đội ngũ (theo dự án FCB); Hội thảo tập huấn phát triển năng lực cho giảng viên sư phạm và giảng viên quản lý giáo dục; Tập huấn elearning cho giảng viên mới nhằm tạo tiền đề cho hoạt động dạy học trực tuyến [H6.06.05.13]. Với số lượng lớn các khóa bồi dưỡng như hiện nay, có hơn 80% số giảng viên được tham gia với

nhiều loại hình khác nhau.

Bên cạnh đó, GV còn tham gia NCKH qua việc viết bài tham luận cho các buổi hội thảo, viết bài đăng tạp chí chuyên ngành, viết tài liệu dạy học, giáo trình, thực hiện các đề tài NCKH, hướng dẫn SV tham gia NCKH,... [H6.06.05.14]. Đối với những công trình nghiên cứu có thành tích cao, được công nhận trên các tạp chí uy tín, Nhà trường có chính sách khen thưởng để động viên, khuyến khích và ghi nhận sự đóng góp đối với Nhà trường [H6.06.05.15].

Khoa tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học, trong đó có các hội thảo uy tín trong lĩnh vực CNTT. Nhiều giảng viên của Khoa tham gia viết bài và trao đổi học thuật cùng với các giáo sư hàng đầu trong lĩnh vực CNTT trong và ngoài nước. Điều này góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ của Khoa [H6.06.05.16].

Ngoài ra, để phát triển năng lực nguồn nhân lực, Nhà trường và Khoa đã tích cực hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để xây dựng và triển khai một số chương trình hợp tác đào tạo [H6.06.05.17], [H6.06.05.18].

2. Điểm mạnh

Ngoài kế hoạch phát triển chuyên môn của các giảng viên, Nhà trường tổ chức và cử nhiều GV đi tham dự nhiều khóa bồi dưỡng, hội thảo nhằm tăng cường năng lực chuyên môn, NCKH.

3. Điểm tồn tại

Kinh phí hoạt động tham gia hội nghị quốc tế có uy tín dành cho GV còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn	Khuyến khích các GV chủ động tìm kiếm cơ hội học bổng ngắn hạn, tham gia các hội thảo, các lớp bồi	Trường ĐHSP Khoa Tin	Từ năm học 2020-2021	

	tại	đường chuyên môn nghiệp vụ, tập huấn tại nước ngoài. Tăng cường tìm kiếm các nguồn tài trợ từ các tổ chức, doanh nghiệp hoặc dự án.	học		
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách hỗ trợ các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của GV. Nhà trường đặc biệt quan tâm tới các GV mới, GV tập sự, đã thành lập quỹ hỗ trợ GV trẻ, có chính sách hỗ trợ GV mới NCKH qua các đề tài khởi nghiệp. - Đẩy mạnh hơn nữa việc tổ chức và cử GV tham gia khoá bồi dưỡng, hội thảo nhằm tăng cường năng lực chuyên môn, NCKH.	Trường ĐHSP Khoa Tin học	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Hoạt động đánh giá GV được Nhà trường xác định là nhiệm vụ then chốt trong phát triển đội ngũ giai đoạn hiện nay. Nhà trường thường xuyên tiến hành đánh giá GV nhằm giúp GV có thông tin phản hồi về hoạt động dạy học và các công tác khác; qua đó có những điều chỉnh hoạt động dạy học, cải tiến nâng cao chất lượng dạy học và chất lượng đào tạo tại Trường. Đồng thời, là căn cứ để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo, GV hoặc thực hiện luân chuyển, quy hoạch, bổ nhiệm, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ và dự nguồn cán bộ quản lý, lãnh đạo. Để tạo động lực và hỗ trợ cho việc đào tạo cũng như nghiên

cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng của tất cả các giảng viên, Nhà trường có chính sách công nhận và khen thưởng bao gồm các danh hiệu thi đua (lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cấp các cấp) và các hình thức khen thưởng (giấy khen, bằng khen...), khen thưởng về hoạt động khoa học công nghệ và quy định về việc tham dự hội nghị, hội thảo khoa học [H6.06.06.01], [H6.06.06.02], [H6.06.06.03].

Hàng năm, Khoa và Nhà trường tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV theo hướng dẫn của Nhà trường với những quy định cụ thể về khối lượng công việc cũng như các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau. Nhà trường đánh giá GV thông qua kết quả giảng dạy và NCKH hoặc qua khảo sát ý kiến phản hồi của SV về hiệu quả tổ chức hoạt động dạy học của GV và đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức hằng năm. Kết quả đánh giá được phản hồi trực tiếp đến GV, là căn cứ giúp GV có những điều chỉnh để nâng cao chất lượng dạy học nói riêng và chất lượng đào tạo tại Trường nói chung. Kết quả khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV được thông báo đến từng GV và cán bộ quản lý các cấp cũng đảm bảo tính công khai và minh bạch của hoạt động đánh giá. Việc ghi nhận đúng thành tích cho cán bộ đã tạo động lực cho cán bộ phát huy hết khả năng trong giảng dạy và nghiên cứu, 100% cán bộ, GV hài lòng về kết quả thi đua, khen thưởng, không có đơn phản ánh hoặc khiếu nại về công tác thi đua, khen thưởng.

Các quy định, nội dung, hình thức đánh giá GV được Nhà trường lấy ý kiến và công khai rộng rãi trong toàn bộ CBVC; các hoạt động đánh giá được thực hiện công khai, đảm bảo tính minh bạch và công bằng. Theo đó, mỗi đối tượng khác nhau sẽ sử dụng bảng tiêu chí đánh giá khác nhau, phù hợp với tính chất công việc của mỗi đối tượng. CBGV giữ nhiệm vụ quản lý được đánh giá với các tiêu chí mang tính chất đặc thù công việc đảm bảo tính chính xác của các kết quả đánh giá; GV được đánh giá trên các tiêu chí chính là khối lượng giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác được Khoa và Nhà trường phân công. Dự thảo đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của CBVC được gửi đến từng đơn vị, cá nhân để có phản hồi trước khi ban hành quyết định công nhận đánh giá, xếp loại. Kết quả đánh giá, xếp loại chính thức được công khai cho tất cả CBVC Trường thông qua văn thư điện tử.

Nhà trường có quy định rất cụ thể về trách nhiệm giảng dạy và NCKH của các GV

theo chức danh. Trong 1 năm học, ngoài việc GV phải giảng dạy đủ giờ chuẩn theo định mức, GV còn phải đạt điểm NCKH theo quy định [H6.06.06.04]. Từ hệ thống văn bản quy định như vừa nêu, Nhà trường/ CTĐT đánh giá kết quả NCKH theo quy trình: GV tự đánh giá điểm NCKH và kê khai giờ có kèm minh chứng thực hiện được, sau đó Khoa đối chiếu, kiểm tra so với quy định và gửi bảng điểm tổng hợp NCKH lên phòng Khoa học & HTQT, phòng Khoa học & HTQT kiểm dò và ra công bố tổng điểm NCKH cho từng khoa [H6.06.06.05]. Trong những năm qua, tỷ lệ GV hoàn thành NCKH ngày càng tăng, đáp ứng yêu cầu của Nhà trường, nâng cao uy tín của Nhà trường.

Căn cứ trên kết quả bình xét thi đua – khen thưởng hàng năm, Lãnh đạo Khoa và Nhà trường sẽ tổ chức họp bình xét đánh giá kết quả xếp loại lao động hàng năm đối với cán bộ viên chức. Kết quả xếp loại lao động của cán bộ sẽ làm căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ hoặc xét tăng lương trước thời hạn [H6.06.06.06], [H6.06.06.07]. Thu nhập tăng thêm hàng năm hoặc sớm này sẽ động viên, khuyến khích cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm.

Ngoài ra, công tác phục vụ cộng đồng của giảng viên và nghiên cứu viên cũng được Nhà trường và Khoa quan tâm và được coi là một trong những tiêu chí đánh giá xếp loại lao động của cán bộ viên chức. Cán bộ giảng viên Khoa Tin học thường xuyên tham gia các hoạt động tình nghĩa, ủng hộ người nghèo, đồng bào lũ lụt, và nhiều hoạt động tuyên truyền, vận động cộng đồng về bảo vệ môi trường...

Ngay từ đầu năm học, Nhà trường đã tiến hành cho các GV đăng kí các danh hiệu thi đua, công khai tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá và hướng dẫn công tác đánh giá [H6.06.06.08]. Vào cuối năm học, GV sẽ tự đánh giá thành tích cá nhân, sau đó đồng nghiệp tham gia góp ý. Riêng đối với các danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp, khoa tiến hành bỏ phiếu GV. Sau khi có kết quả, hồ sơ được tổng hợp và gửi phòng TCHC để Lãnh đạo trường họp xét thi đua và công nhận các danh hiệu [H6.06.06.09], [H6.06.06.10]. Quy trình này được công khai đến toàn thể GV được biết và góp ý nên quá trình xét thi đua khen thưởng luôn đảm bảo sự công bằng, GV đều hài lòng với kết quả thi đua, khen thưởng [H6.06.06.11], [H6.06.06.12].

Bảng 6.6. Thành tích thi đua và khen thưởng của giảng viên Khoa Tin học trường

Năm học	Giấy khen của ĐHSP	Giấy khen của ĐHĐN	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Chiến sĩ thi đua cấp bộ
2015-2016	1	1	2	0
2016-2017	1	1	2	0
2017-2018	1	1	3	0
2018-2019	1	1	3	0
2019-2020	1	1	2	1

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho GV, không chỉ giúp tạo ra động lực cho GV trong giảng dạy và NCKH mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của GV được tốt.

- Các giảng viên Khoa Tin học đều vượt định mức qui định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy). Nhiều giảng viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, cấp cơ sở, khen thưởng của Nhà trường, của Khoa.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa có hệ thống đồng bộ để theo dõi sự cải tiến của GV sau khi đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng hệ thống đồng bộ để theo dõi sự cải tiến của GV sau khi đánh giá.	P. TC-HC Khoa Tin học	Từ năm học 2020 - 2021	
2	Phát huy	- Tiếp tục thực hiện các quy định về thi đua khen thưởng, khuyến khích,	P. TC-HC	Hàng năm	

	điểm mạnh	tạo điều kiện để GV hoàn thành nhiệm vụ - Tiếp tục rà soát quy định về đánh giá khen thưởng để đảm bảo tính công bằng.	Khoa Tin học		
--	--------------	--	-----------------	--	--

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Để nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường luôn xác định nghiên cứu KHCN, phát triển và đổi mới là những nhiệm vụ cốt lõi. Các chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới được Nhà trường ban hành và tiến hành rà soát, điều chỉnh định kỳ cho phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển KH&CN, Sứ mạng và Tầm nhìn của Trường trong từng giai đoạn cụ thể và phù hợp với điều kiện về CSVC, đội ngũ nhân lực hiện tại và tương lai của Nhà trường. Tất cả các chính sách này được Nhà trường áp dụng cho tất cả các hoạt động cụ thể cũng như kế hoạch hằng năm. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành quy định về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ cấp khoa bao gồm seminar khoa học cấp Khoa/Bộ môn; seminar khoa học mời chuyên gia báo cáo; tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế, quốc gia; tổ chức hội thảo, hội nghị cấp Khoa/Ngành [H6.06.07.01], [H6.06.07.02].

Các chính sách về hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo được cụ thể hoá trong các quy định về KHCN phù hợp với thể mạnh của Trường, phù hợp với từng lĩnh vực nghiên cứu cũng như phù hợp với nhu cầu của cán bộ GV: Quy định về tham dự hội nghị hội thảo trong và ngoài nước: hướng dẫn quy trình và chế độ cho GV về việc tham dự hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước [H6.06.07.03]; Quy định về biên soạn giáo trình và công nhận tài liệu học tập: hướng dẫn quy trình, các bước thực hiện việc nghiệm thu giáo trình, tài liệu học tập một cách cụ thể, rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi cho CBGV trong công tác biên soạn giáo trình và tài liệu học tập [H6.06.07.04]; Quy định về quản lý đề tài KHCN cấp Trường: quy định các bước thực hiện đề tài cấp Trường chặt chẽ, rõ ràng, công bằng

và minh bạch (từ khâu đầu tiên là thông báo đăng kí đề xuất, xét chọn danh mục đề tài đến khâu nghiệm thu đều được thực hiện theo đúng quy định. Phụ lục các biểu mẫu đính kèm quy định giúp cho GV và cán bộ quản lí đề tài thực hiện thuận lợi hơn) [H6.06.07.05]; Quy định khen thưởng hoạt động khoa học công nghệ của Trường ĐHSP- ĐHĐN: quy định các hình thức khen thưởng và quy trình gửi hồ sơ khen thưởng. Quy định đã phân nào tạo động lực và khuyến khích cán bộ tham gia NCKH [H6.06.07.06]; Quy định hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN cấp Khoa tại Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN: dựa trên quy định này, các Khoa có định hướng ngay từ đầu năm học về việc xây dựng kế hoạch hoạt động của Khoa trong năm học và việc tổ chức thực hiện các hoạt động KH&CN đã đăng kí cũng trở nên dễ dàng và thuận tiện hơn nhờ các điều khoản hướng dẫn cụ thể của quy định, các biểu mẫu đăng kí có sẵn [H6.06.07.02]. Trong những năm gần đây, Nhà trường chú trọng đến việc tăng số lượng các nhóm Nghiên cứu - Giảng dạy (TRT), việc thành lập các nhóm nghiên cứu giảng dạy cũng được Nhà trường quan tâm và đang nghiên cứu để triển khai thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh. Quy trình thực hiện dựa vào Quy chế hoạt động các nhóm Nghiên cứu - Giảng dạy thuộc Đại học Đà Nẵng và các Trường thành viên [H6.06.07.07]. Bên cạnh áp dụng các quy định cụ thể do Hiệu trưởng ban hành, trong quá trình thực hiện công tác NCKH, Trường cũng đã áp dụng các quy định, chính sách của các Bộ và ĐHĐN.

Trong quá trình áp dụng thực hiện các chính sách về nghiên cứu, Nhà trường đã có những điều chỉnh, bổ sung và đổi mới các quy định để phù hợp với xu hướng mới, phù hợp với điều kiện của cán bộ GV và phù hợp với chiến lược của Nhà trường trong từng giai đoạn. Cụ thể: Quy định Khen thưởng hoạt động KHCN thường niên Trường ĐHSP năm 2017 được thay thế bằng quy định Khen thưởng hoạt động KHCN Trường ĐHSP ban hành vào năm 2019. Quy định mới vẫn giữ nguyên các bước thực hiện nhưng đã điều chỉnh về hình thức khen thưởng, ngoài việc hỗ trợ các công bố quốc tế thuộc danh mục ISI/ SCOPUS, còn có hỗ trợ các tác giả có bằng phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, chủ nhiệm các đề tài dự án lớn..., hình thức xét thưởng cũng có nhiều điểm mới như tăng mức kinh phí hỗ trợ đối với các công bố quốc tế thuộc danh mục ISI/SCOPUS, tạo sự công bằng khi tính điểm và xếp loại các công bố quốc tế ISI và SCOPUS [H6.06.07.08]; Quy định biên soạn giáo trình và công nhận tài liệu học tập ban hành năm 2017 cũng đã được thay đổi bằng

quy định mới năm 2019. Quy định mới rút ngắn một số giai đoạn nhưng vẫn đảm bảo tính cụ thể, rõ ràng và minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi về mặt thủ tục và thời gian cho CBGV [H6.06.07.09]; Nhà trường cũng đang lấy ý kiến và dự kiến sẽ ban hành quy định tham dự hội nghị, hội thảo mới thay thế cho quy định tham dự hội nghị hội thảo ban hành năm 2017 [H6.06.07.10]. Quy định NCKH SV cũng được điều chỉnh sửa đổi phù hợp với mục tiêu phát triển KHCN của Nhà trường, bảo đảm chế độ hỗ trợ GV hướng dẫn và SV thực hiện nghiên cứu [H6.06.07.11]. Trường cũng có Tài liệu hướng dẫn thực hiện hoạt động Khoa học công nghệ tại trường ĐHSP giúp GV, SV dễ dàng tra cứu các quy định, quy trình liên quan [H6.06.07.12].

Việc ban hành và áp dụng thực hiện các chính sách về NCKH một cách nhất quán đã đem lại những kết quả tốt trong lĩnh vực NCKH của Nhà trường, tiêu biểu là đề tài KHCN các cấp, công bố khoa học trong nước và quốc tế, giáo trình và tài liệu học tập hầu hết tăng lên cả về số lượng lẫn chất lượng [H6.06.07.13].

Việc thành lập các nhóm nghiên cứu giảng dạy (TRT) cũng góp phần đẩy mạnh hoạt động NCKH của Nhà trường. Khoa Tin học có một nhóm TRT đã được thành lập và hoạt động thường xuyên theo đúng quy chế; sẵn sàng đăng kí các đề tài, dự án theo khả năng của nhóm [H6.06.07.14].

Các hoạt động trên đã đáp ứng được Chiến lược phát triển của Trường và được xác định trong Hợp đồng thỏa thuận thuộc lĩnh vực KHCN: xây dựng và thực hiện cơ chế khuyến khích CBGV tham gia NCKH; tăng cường thành lập các nhóm nghiên cứu giảng dạy; đẩy mạnh NCKH giáo dục, nâng cao chất lượng NCKH thông qua việc gia tăng các công trình được đăng trong các tạp chí có tên trong danh mục ISI/ SCOPUS. Hầu hết các đề tài NCKH đều có sản phẩm là đào tạo thạc sĩ, đào tạo cử nhân, hướng dẫn SV NCKH, bên cạnh các sản phẩm khoa học, sản phẩm ứng dụng khác [H6.06.07.15].

Phòng KH&HTQT lập bảng thống kê số lượng đề tài NCKH các cấp (cấp cơ sở, cấp bộ, cấp nhà nước...) của khoa Tin học đã được phê duyệt và đã được nghiệm thu theo năm học trong vòng 5 năm [H6.06.07.16], các sách, giáo trình [H6.06.07.17] hay các bài báo thuộc danh mục ISI/ Scopus [H6.06.07.18] và bảng thống kê ngân sách Nhà trường chi cho các hoạt động NCKH theo năm học trong vòng 5 năm [H6.06.07.19]. Từ đó, Nhà trường có chỉ đạo, định hướng cho xây dựng kế hoạch KHCN cho Khoa trong năm tiếp theo.

Bảng 6.7.1 Bảng thống kê số lượng các đề tài nghiên cứu các cấp 2015 – 2020

Năm hoàn thành	Cấp cơ sở	Cấp bộ	Cấp nhà nước	Tổng số
2015-2016	2	0	0	2
2016-2017	1	1	0	2
2017-2018	1	0	0	1
2018-2019	4	1	0	5
2019-2020	1	1	0	2
Tổng số	9	3	0	12

Bảng 6.7.2 Bảng thống kê số lượng các bài báo được công bố 2015 - 2020

ST T	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng
			2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	Tổng (Đã quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế uy tín (SCIE/Scopus)	1,5	2	1	3	4	5	22,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	6	4	8	6	2	26
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	1	1	1	1	2	3
	Tổng		9	6	12	11	9	51,5

***Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước*

2. Điểm mạnh

Trường có văn bản quy định cụ thể loại hình và số lượng các hoạt động NCKH cho GV phải thực hiện. GV Khoa Tin học có thể mạnh trong hoạt động NCKH. Các loại hình và số lượng nghiên cứu của GV phong phú, có chất lượng, được giám sát kiểm tra; số lượng, chất lượng được nâng cao.

3. Điểm tồn tại

Các đề tài NCKH có sự hợp tác với các nhà khoa học nước ngoài còn ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường hợp tác quốc tế để thực hiện các đề tài NCKH có sự hợp tác với các nhà khoa học nước ngoài còn ít.	Trường ĐHSP Khoa Tin học	Từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường tiếp tục hỗ trợ tích cực cho GV trong hoạt động KHCN trên nhiều mặt: công tác tổ chức, kinh phí, CSVC, chính sách ưu tiên; góp phần khuyến khích CBGV thực hiện tốt các đề tài KHCN	Trường ĐHSP Khoa Tin học	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 6:

Khoa Tin học luôn chú trọng đến việc quy hoạch đội ngũ GV đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Khối lượng công việc của giảng viên được quy đổi theo quy định và có thể đo lường được.

Khoa thực hiện công khai minh bạch các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn để bổ nhiệm, điều chuyển GV theo quy định. Việc đánh giá năng lực GV của Trường và Khoa dựa trên các văn bản quy định của các cấp quản lý. Năng lực của GV được xác định và được đánh giá bởi chính cá nhân GV, bộ môn, từ phía Khoa, Trường và người học theo đúng quy định.

Trường và Khoa đã xây dựng được chiến lược phát triển đội ngũ GV và các chế độ

chính sách khuyến khích GV đi học để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Khoa đã triển khai các hoạt động cụ thể để đào tạo và phát triển chuyên môn cho GV. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được Khoa triển khai thực hiện theo quy trình, tiêu chí rõ ràng và công khai, minh bạch, tạo ra động lực cho GV phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ, giúp Trường quản trị hiệu quả.

Trường có văn bản quy định cụ thể loại hình và số lượng các hoạt động NCKH cho GV phải thực hiện. GV của Khoa có thể mạnh trong hoạt động NCKH. Các loại hình và số lượng nghiên cứu của GV phong phú, đa dạng.

Tiêu chuẩn 6 có 7 tiêu chí: 5/7

Tiêu chuẩn: 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ nhân viên Trường ĐHSP - ĐHĐN bao gồm nhân viên làm việc tại phòng thư viện, phòng thí nghiệm, phòng máy tính và các bộ phận hỗ trợ sinh viên khác như phòng Tổ chức hành chính (TCHC), phòng Đào tạo (ĐT), phòng Kế hoạch tài chính (KHTC), phòng Cơ sở vật chất (CSV), phòng Công tác sinh viên (CTSV), Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (KT&ĐBCL), phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế (KH&HTQT). Khoa Tin học có một nhân viên là Thư ký kiêm Giáo vụ khoa.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Việc quy hoạch đội ngũ cán bộ thư viện, cán bộ phòng thực nghiệm, cán bộ công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ được thực hiện bài bản, khoa học, dựa trên các chiến lược phát triển của Nhà trường, đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng [H7.07.01.01], [H7.07.01.02], [H7.07.01.03]. Trên cơ sở các văn bản của ĐHĐN, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển, mô tả vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên của Trường [H7.07.01.04], [H7.07.01.05]. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên được thực hiện một cách có hệ thống, từ cấp Khoa đến cấp Trường, tại mỗi phòng ban, bộ phận và Khoa phải đảm bảo số lượng và chất lượng của nhân viên đáp ứng được nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Theo định kỳ, các khoa và phòng rà soát thực trạng về đội ngũ nhân viên và gửi kế hoạch nhân sự cho Trường về đội ngũ nhân viên dựa trên phân tích nhu cầu về quy mô đào tạo và định hướng phát triển của Trường [H7.07.01.06], [H7.07.01.07]. Việc phân tích và dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên làm việc tại Khoa được thực hiện thông qua họp khoa [H7.07.01.08]. Khoa thống nhất bản mô tả các vị trí công việc đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của khoa Tin học [H7.07.01.09]. Khoa cũng đề xuất các tiêu chí tuyển chọn và xây dựng Đề án vị trí việc làm của Khoa để quy hoạch và tuyển dụng các vị trí nhân viên cho Khoa [H7.07.01.10]. Tương tự, đối với các phòng chức năng, số

lượng nhân viên cũng được quy hoạch và tuyển chọn để đáp ứng được các nhu cầu trên [H7.07.01.11] [H7.07.01.12]. Nhà trường trình ĐHĐN để phê duyệt vị trí việc làm tuyển dụng viên chức và nhân viên [H7.07.01.13].

Nhà trường có chính sách thu hút, tuyển dụng phát triển đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, tổ CNTT & Truyền thông và các dịch vụ hỗ trợ khác, được thể hiện trong các văn bản: Quy định/quy trình tuyển dụng của Nhà trường, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường [H7.07.01.14], [H7.07.01.15], [H7.07.01.16], [H7.07.01.17], [H7.07.01.18]. Cùng với đội ngũ cán bộ hỗ trợ, các giảng viên giảng dạy tại Khoa, người học còn được hỗ trợ tài liệu, thông tin thông qua đội ngũ nhân viên kỹ thuật của Phòng TCHC, phòng ĐT, phòng KHTC, phòng CSVN, phòng CTSV, Phòng KT&ĐBCLGD, phòng KH&HTQT, Tổ Thư viện và Tổ CNTT và Truyền thông [H7.07.01.19].

Khoa Tin học có 01 nhân viên văn phòng kiêm trợ lý đào tạo làm việc thường xuyên tại Khoa [H7.07.01.20]. Bên cạnh đó, Khoa cũng có các giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập, phụ trách sau đại học, phụ trách nghiên cứu khoa học, phụ trách công tác sinh viên, Bí thư Liên chi đoàn,... [H7.07.01.21].

Để nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến đánh giá, phản hồi của các bên có liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên của Khoa. Việc lấy ý kiến đánh giá được thực hiện định kỳ và lồng ghép trong các buổi sinh hoạt của Khoa, các buổi họp khoa [H7.07.01.22]. Nhìn chung trong 05 năm qua, đội ngũ nhân viên hỗ trợ của CTĐT, Khoa luôn đảm bảo yêu cầu công việc, đáp ứng được nhu cầu cho các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. 100% nhân viên hỗ trợ của Khoa đều được đánh giá là hoàn thành tốt công việc được phân công.

2. Điểm mạnh

- Trường có quy hoạch đội ngũ nhân viên tương đối tốt đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện phát triển của Nhà trường;

- Trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBVC, NV theo từng năm, từng giai đoạn rõ ràng, cụ thể.

3. Điểm tồn tại

Năng lực ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ phục vụ còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức thêm các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ nhân viên phục vụ	Trường ĐHSP Khoa Tin học	Từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, tuyển dụng, bổ sung nhân sự.	Trường ĐHSP Khoa Tin học	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Để thu hút được đông đảo các cán bộ, nhân viên có năng lực, hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, Nhà trường đã có kế hoạch tuyển dụng, định kỳ [H7.07.02.01]. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và nâng bậc đối với cán bộ hỗ trợ của Trường được quy định bởi Bộ Nội vụ, Bộ GD&ĐT và ĐHĐN [H7.07.02.02], [H7.07.02.03], [H7.07.02.04]. Tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ nhân viên được Nhà trường xây dựng và xác định rõ ràng trong đó có các tiêu chí về đạo đức, về năng lực chuyên môn, về độ tuổi, về chuyên ngành phù hợp với từng vị trí việc làm [H7.07.02.05]. Các thông tin này hàng năm đều có chỉnh sửa, được phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV, được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường và được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng trước khi tuyển dụng [H7.07.02.06]. Các tiêu chí tuyển dụng và các

tiêu chí khuyến khích được xây dựng để đánh giá không chỉ bằng cấp của ứng cử viên, mà còn cả năng lực tiếng Anh, năng lực công nghệ thông tin, đạo đức nghề nghiệp cũng như kinh nghiệm được thể hiện rõ trong Thông báo tuyển dụng [H7.07.02.07].

Trường ĐHSP cụ thể hóa các tiêu chí này cho từng vị trí việc làm đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu và phục vụ riêng của Trường theo quy định chức năng, nhiệm vụ của các vị trí nhân viên ở các đơn vị khác nhau [H7.07.02.08]. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và được công khai. Hồ sơ tuyển dụng của các ứng viên được gửi đến bộ phận TCCB của phòng TCHC và Trường thành lập các Hội đồng tuyển dụng để xem xét hồ sơ và tổ chức thi tuyển dụng [H7.07.02.09]

Sau khi được tuyển chọn, các ứng viên trải qua thời gian tập sự tại vị trí tuyển dụng dưới sự giám sát của người hướng dẫn để đánh giá khả năng và sự phù hợp với công việc được giao [H7.07.02.10]. Kết quả tập sự sẽ là căn cứ để bổ nhiệm họ vào vị trí chính thức [H7.07.02.11].

2. Điểm mạnh

Các nhân viên được tuyển dụng có đều trình độ phù hợp, nhiệt tình, trách nhiệm và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

3. Điểm tồn tại

Các quy định của Nhà nước, của Nhà trường về chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ chưa nhiều, còn nhiều bất cập so với đội ngũ giảng viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ thu nhập cho đội ngũ viên chức phục vụ để	Trường ĐHSP Khoa Tin học	Từ năm học 2020-2021	

		đội ngũ này yên tâm công tác tại vị trí việc làm.			
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn cho các nhân viên được tuyển dụng.	Trường ĐHSP Khoa Tin học	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả

Chất lượng đào tạo của Nhà trường liên quan đến nhiều yếu tố, trong đó một trong những yếu tố hỗ trợ quan trọng là đội ngũ nhân viên. Đội ngũ nhân viên được tuyển dụng theo đúng quy định của Nhà trường, có tiêu chí rõ ràng, có công cụ đánh giá năng lực của nhân viên. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá theo các tiêu chuẩn quy định của Nhà trường dựa trên các tiêu chí như trình độ chuyên môn, Tiếng Anh, kỹ năng nghề nghiệp, công nghệ thông tin, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ... [H7.07.03.01], [H7.07.03.02], [H7.07.03.03], [H7.07.03.04]. Nhà trường xây dựng quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên (tiêu chí đánh giá trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ...) một cách rõ ràng, công khai [H7.07.03.05]. Bộ công cụ đánh giá này được xây dựng căn cứ vào quy định, hướng dẫn của ĐHĐN [H7.07.03.03].

Đội ngũ nhân viên của Khoa gồm có 2 cấp: hỗ trợ trực tiếp và hỗ trợ gián tiếp. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ gián tiếp trực thuộc các bộ phận, phòng, tổ và trung tâm của Trường. Hiện khoa Tin học có 01 cán bộ hỗ trợ trực tiếp, kiêm nhiệm phụ trách công tác giáo vụ và thư ký, làm việc trực tiếp tại Khoa. Các cán bộ hỗ trợ đều có trình độ từ Cử nhân trở lên. Chương trình còn có đội ngũ GV kiêm nhiệm các công việc hỗ trợ gồm: 10 cố vấn học tập, 01 cán bộ phụ trách sau đại học, 01 cán bộ phụ trách NCKH, 01 cán bộ phụ trách công tác sinh viên [H7.07.03.06].

Khoa Tin học đã thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên hàng năm, đã xác định và phân loại được năng lực của đội ngũ nhân viên bao gồm năng lực chuyên

môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Đội ngũ nhân viên được đánh giá nhằm làm rõ ưu điểm, hạn chế, những mặt mạnh, những mặt chưa đạt theo quy trình đánh giá cán bộ GV của Nhà trường [H7.07.03.07], [H7.07.03.08].

- Làm báo cáo tự đánh giá nhiệm vụ được giao theo mẫu của Nhà trường.
- Trình bày báo cáo tự đánh giá tại cuộc họp để mọi người đóng góp ý kiến.
- Khoa thông qua phân loại xét thi đua.
- Hội đồng thi đua khen thưởng Nhà trường, Hội đồng thi đua khen thưởng đánh giá.
- Hội đồng thi đua khen thưởng Nhà trường ra quyết định phân loại, xét danh hiệu thi đua.
- Các cá nhân phản hồi về kết quả thi đua (nếu có).
- Nhà trường chuẩn y danh sách phân loại thi đua, khen thưởng.

Kết quả đánh giá cho thấy năng lực đội ngũ nhân viên của Khoa đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ, 100% đội ngũ này đều đáp ứng tiêu chuẩn năng lực yêu cầu về vị trí việc làm. [H7.07.03.09].

Việc đánh giá hàng năm của Trường ĐHSP và các cuộc khảo sát từ các giảng viên và sinh viên cho thấy rằng các nhân viên hỗ trợ cung cấp một mức độ thỏa đáng của dịch vụ cho cả sinh viên và giảng viên [H7.07.03.10]. Tại các buổi Hội nghị CBVC hàng năm cũng cho thấy các cán bộ hỗ trợ hài lòng với vai trò, khối lượng công việc và môi trường làm việc của họ [H7.07.03.11].

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ nhân viên của Trường được xác định thông qua tiêu chí tuyển dụng, bản mô tả vị trí việc làm và kết quả làm việc được đánh giá hàng năm. Các nhân viên của Khoa đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động lấy ý kiến về sự hài lòng của người học đối với đội ngũ nhân viên thực hiện CTĐT còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện khảo sát lấy ý kiến về sự hài lòng của SV đối với đội ngũ NV thực hiện CTĐT	Trường ĐHSP Khoa Tin học	Từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kì rà soát, sắp xếp vị trí việc làm của đội ngũ CBVC và người lao động nhằm tăng hiệu suất làm việc.	Trường ĐHSP Khoa Tin học	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Công tác đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên luôn được Trường ĐHSP-ĐHĐN quan tâm chú trọng. Việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên luôn được Trường quan tâm thực hiện một cách có tổ chức và có kế hoạch [H7.07.04.01], [H7.07.04.02], [H7.07.04.03], [H7.07.04.04], [H7.07.04.05], [H7.07.04.06]. Hàng năm, nhu cầu đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ hỗ trợ được xác định một cách có hệ thống từ các khoa, phòng chức năng đến Nhà trường. Căn cứ trên nhu cầu của nhân viên, Khoa xây dựng triển khai các kế hoạch thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên [H7.07.04.07]. Nhà trường có chính sách rõ ràng để khuyến khích nhân viên tham gia đào tạo và phát triển, tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên được đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ với sự hỗ trợ về kinh phí và thời gian theo quy chế của Trường [H7.07.04.08], [H7.07.04.09], [H7.07.04.10], [H7.07.04.11].

Bên cạnh đó, Nhà trường đã mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn như: tập huấn về công tác văn thư, lưu trữ, soạn thảo văn bản, tập huấn tin học văn phòng, các lớp học ngoại ngữ, hay hội thảo liên quan đến các phát triển các nguồn lực của Nhà trường,... [H7.07.04.12]. Các hoạt động đào tạo và phát triển chuyên môn được phòng TCHC lên kế hoạch và thực hiện đến từng đơn vị trong Nhà trường. Trên cơ sở các kế hoạch này, Khoa, Nhà trường sắp xếp và cử cán bộ tham gia hợp lý, phù hợp trình độ chuyên môn, vị trí công việc và thời gian làm việc. [H7.07.04.13].

Hầu hết, các cán bộ hỗ trợ đều có cơ hội tham gia các khóa đào tạo và nghiên cứu sâu hơn. Một số cán bộ hỗ trợ thậm chí có thể theo học các mức độ cao hơn của họ với sự hỗ trợ của Trường ĐHSP [H7.07.04.14]. Ngân sách phân bổ cho việc đào tạo cán bộ hỗ trợ và giảng viên theo quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐHSP [H7.07.04.15], [H7.07.04.16].

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa rất quan tâm đến nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên, hàng năm Trường đều xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động bồi dưỡng các kỹ năng mềm cho đội ngũ nhân viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Định kỳ tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng mềm cho đội ngũ nhân viên	Trường ĐHSP	Từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy	Thường xuyên cử nhân viên tham gia các khóa tập huấn.	Trường ĐHSP	Hàng năm	

	điểm mạnh		Khoa Tin học		
--	--------------	--	--------------	--	--

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Nhà trường, khoa Tin học thực hiện đánh giá kết quả thực thi công việc của đội ngũ cán bộ hỗ trợ theo quy định về công tác thi đua khen thưởng dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận [H7.07.05.01], [H7.07.05.02]. Khoa Tin học đã xây dựng bản mô tả vị trí công việc của GV và NV để làm căn cứ mức độ hoàn thành công việc của GV và NV. Mỗi nhân viên hỗ trợ đều được giao nhiệm vụ, trong đó thể hiện rõ khối lượng công việc, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH [H7.07.05.03]. Đó là một trong những cơ sở để đánh giá tiến độ hoàn thành nhiệm vụ của mỗi nhân viên. Lãnh đạo Khoa cũng dựa vào kết quả khảo sát sự hài lòng đối với đội ngũ hỗ trợ để đánh giá năng lực và hiệu quả công việc của nhân viên [H7.07.05.04].

Ngoài ra, Nhà trường quản lý hiệu quả công việc của cán bộ hỗ trợ dựa trên quản lý khối lượng giờ làm việc bằng hệ thống ghi nhận vân tay [H7.07.05.05]. Nhân viên của Khoa Tin học đều có kế hoạch cụ thể, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ và thời gian hoàn thành để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát [H7.07.05.06], [H7.07.05.07].

Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện nghiêm túc thông qua trưởng các đơn vị và bộ phận Thanh tra của phòng TCHC. Hàng năm, Nhà trường căn cứ vào khả năng hoàn thành nhiệm vụ làm cơ sở cho việc khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho những nhân viên có thành tích xuất sắc [H7.07.05.08].

Theo báo cáo tổng kết công tác thi đua khen thưởng hằng năm của Nhà trường đã

thể hiện đội ngũ này đều hoàn thành tốt nhiệm vụ. Nhiều nhân viên được khen thưởng ở nhiều cấp khác nhau [H7.07.05.09]. Đây là động lực lớn góp phần khuyến khích đội ngũ này tiếp tục nỗ lực phấn đấu trong công tác phục vụ Nhà trường. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa tích cực tiếp thu ý kiến phản hồi của nhân viên về cơ chế làm việc, quy định khen thưởng. 100% nhân viên được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Qua các buổi Hội nghị CBVC thì không có nhân viên nào phàn nàn về công việc, đặc biệt là công tác thi đua khen thưởng và công nhận của Khoa và Nhà trường [H7.07.05.10].

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa Tin học đã triển khai thực hiện việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên, bao gồm cả khen thưởng và công nhận là động lực giúp nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ cho ĐT, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Việc đăng ký thực hiện các sáng kiến cải tiến kinh nghiệm của đội ngũ nhân viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chính sách khuyến khích đội ngũ nhân viên thực hiện các sáng kiến cải tiến kinh nghiệm	Trường ĐHSP Khoa Tin học	Từ năm học 2020 - 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên, bao gồm cả khen thưởng và công nhận	Trường ĐHSP Khoa Tin học	Hàng năm	

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận Tiêu chuẩn 7:

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên được thực hiện với tiêu chí rõ ràng. Chính sách phát triển đội ngũ nhân viên và việc tuyển dụng được xác định căn cứ trên đề án vị trí việc làm của các đơn vị trong Nhà trường. Việc giám sát và đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được tiến hành thường xuyên, có chế độ khen thưởng phù hợp. Quá trình bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn nhân viên diễn ra thường xuyên. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường.

Tiêu chuẩn 7 có 5 tiêu chí: 5,0

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu:

CTĐT lấy người học làm trung tâm với mục tiêu phát triển kiến thức và năng lực đáp ứng với các yêu cầu CDR của chương trình. Chính vì vậy người học và hoạt động hỗ trợ người học đóng một vai trò rất quan trọng trong đảm bảo chất lượng của CTĐT. Những hoạt động này bao gồm xác lập và công khai chính sách tuyển sinh của Nhà trường, các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học, xây dựng hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác cũng như xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan Nhà trường. Những dữ kiện thu thập được sẽ là cơ sở để đảm bảo chất lượng và cải thiện việc học tập của sinh viên, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và rèn luyện của người học.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả

Công tác tuyển sinh được coi là khâu khởi đầu của chuỗi quá trình đào tạo. Trong đó, chính sách tuyển sinh đóng vai trò quan trọng, đưa thông tin về các hình thức tuyển sinh, điều kiện tuyển sinh đến với những thí sinh có nhu cầu. Ngành CNTT được tuyển sinh theo quy chế của Bộ GD&ĐT, chính sách tuyển sinh của ĐHĐN và kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.01.01], [H8.08.01.02], [H8.08.01.03]. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật thường xuyên. Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch [H8.08.01.04], chiến lược tuyển sinh nhằm công bố hình thức, chỉ tiêu, quy trình xét tuyển và các thông tin liên quan được xác định và ghi trong đề án tuyển sinh, thông báo tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.01.05], công bố trên website của Nhà trường [H8.08.01.06], quảng bá trên các Brochure tuyển sinh - giới thiệu các CTĐT Trường ĐHSP [H8.08.01.07], tham gia các chương trình tư vấn tuyển sinh do ĐHĐN, các Sở Giáo dục và các đơn vị báo chí tổ chức. Trường thành lập Hội đồng tư vấn tuyển sinh để tổ chức và điều hành các công việc liên quan [H8.08.01.08]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn xây dựng Website riêng dành cho các thông tin về tuyển sinh tại địa chỉ <http://tuyensinh.ued.udn.vn>

để người có nhu cầu học dễ dàng tìm kiếm thông tin [H8.08.01.06]. Ở đây cũng được cung cấp một công cụ trắc nghiệm định hướng ngành nghề tham khảo. Nhằm nâng cao hiệu quả quảng bá và đưa thông tin tuyển sinh đến các địa phương khác, Nhà trường thành lập Tổ Truyền thông đi đến từng địa phương kể từ năm 2016 [H8.08.01.09].

Những thông tin dự báo về nhu cầu nhân lực của ngành CNTT luôn được theo dõi và phân tích nhằm đưa ra những chính sách tuyển sinh phù hợp với thực tế [H8.08.01.10]. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa cũng lấy ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là các nhà tuyển dụng để làm căn cứ xây dựng chính sách tuyển sinh [H8.08.01.11].

Ngoài những chính sách chung của Đại học Đà Nẵng, Trường là một trong các đơn vị có chính sách học bổng cho tân sinh viên được công bố ngay từ đầu với tổng giá trị lên đến 2 tỉ đồng [H8.08.01.12].

Bên cạnh triển khai hoạt động tuyển sinh theo kế hoạch của Nhà trường, Khoa cũng có những hoạt động tuyển sinh cụ thể và rõ ràng dựa trên những thế mạnh của Khoa về ngành CNTT. Các thông tin tuyển sinh của khoa về ngành CNTT liên tục được cập nhật trên website và fanpage [H8.08.01.13].

Khoa luôn tổ chức các hoạt động tư vấn trực tuyến nhằm giới thiệu, quảng bá cũng như giải đáp tất cả các thắc mắc của thí sinh về thông tin tuyển sinh, hoạt động này luôn thu hút được sự quan tâm của đông đảo học sinh và phụ huynh [H8.08.01.14]. Bên cạnh đó, thông qua các cuộc thi Olympic Tin học, triển lãm khoa học công nghệ hoặc thông qua các đợt tập huấn với giáo viên phổ thông, Khoa cũng được giới thiệu, đó cũng là hình thức đưa hình ảnh của Khoa, Nhà trường đến với xã hội. [H8.08.01.15]. Ngoài ra, khoa cũng thành lập Tổ tuyển sinh nhằm tăng cường các sáng kiến, hoạt động đưa tin, truyền thông để tăng hiệu quả quảng bá tuyển sinh, tích cực giới thiệu các ngành của Khoa đến với học sinh THPT trong ngày hội hướng nghiệp [H8.08.01.16], [H8.08.01.17]. Với chính sách tuyển sinh của Nhà trường và Khoa, ngành CNTT trường ĐHSP được xã hội biết đến, chất lượng đào tạo được công nhận, là sự lựa chọn của những học sinh có đam mê với lĩnh vực sinh học nói chung và CNTT nói riêng tại khu vực miền Trung – Tây Nguyên.

Sau khi kết thúc công tác tuyển sinh hằng năm, Nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh nhằm mục đích đánh giá hiệu quả công tác tuyển sinh, từ đó xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho năm học tới nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh

hàng năm [H8.08.01.18], [H8.08.01.19].

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh của Nhà trường được xác định rõ ràng, được công bố công khai qua các phương tiện truyền thông và cập nhật theo các quy định mới hàng năm. Nhà trường, Khoa có cơ hội kết nối, thông tin đến các giáo viên phổ thông, vốn là cựu sinh viên của Nhà trường về thông tin tuyển sinh, chế độ, nhu cầu, chính sách tuyển sinh hàng năm đến các học sinh phổ thông

3. Điểm tồn tại

Chính sách học bổng cho tân sinh viên chưa được thông tin rộng rãi đến nhiều học sinh và phụ huynh.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường quảng bá sớm và trên nhiều kênh khác nhau thông tin về học bổng cho tân sinh viên trước đợt đăng ký nguyện vọng	Trường ĐHSP	Từ năm học 2020 - 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và mở rộng thêm các chính sách tuyển sinh thu hút được nhiều người học	Trường ĐHSP	Hàng năm.	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả

Các chính sách, quy định về tuyển sinh của Trường ĐHSP-ĐHĐN được thể hiện rõ ràng, đầy đủ, chi tiết trong Đề án tuyển sinh. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học vào hệ đào tạo chính quy ở trường thực hiện đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Trường cũng xây dựng quy trình, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học trên cơ sở góp ý của các bên liên quan. Đối với tuyển sinh đại học, Nhà trường đưa ra những quy định rõ ràng về đối tượng tuyển sinh, các ngành tuyển sinh, chỉ tiêu, thời gian và cách thức tuyển sinh [H8.08.02.01].

Năm 2020, Nhà trường tuyển chọn thí sinh bằng phương thức xét tuyển, ngoài ra còn bổ sung phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể như sau:

- Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT: Thí sinh có điểm của kì thi tốt nghiệp THPT Quốc gia, tính theo tổ hợp môn xét tuyển theo quy định trong thông báo tuyển sinh của ĐHĐN, trường ĐHSP, đạt điểm chuẩn vào ngành sẽ trúng tuyển vào theo ngành học đã đăng ký. Số lượng thí sinh trúng tuyển sẽ lấy điểm cao xuống thấp theo chỉ tiêu phân bổ.

- Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh tổ chức. Mỗi thí sinh được 03 nguyện vọng và xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp.

- Tuyển thẳng học sinh giỏi năm lớp 12 của các trường THPT trong cả nước. Mỗi thí sinh được 01 nguyện vọng

- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập học bạ lớp 12 (học bạ THPT). Đối với ngành GDTH thí sinh phải có học lực lớp 12 đạt giỏi, không phân biệt năm tốt nghiệp THPT. Mỗi thí sinh được đăng ký 02 nguyện vọng và xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp.

Đồng thời, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học bao gồm: người học phải đã tốt nghiệp THPT hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành (thể hiện qua giấy khám sức khỏe).

Đối với ngành CNTT, các năm gần đây, tổ hợp xét tuyển mở rộng hơn gồm tổ hợp A là Toán – Lý – Hóa và A1 là Toán – Lý – Anh. Số lượng tuyển sinh ngành CNTT hằng năm đạt trên mức chung của toàn Trường.

Tất cả các dữ liệu thống kê kết quả tuyển sinh được cập nhật ở website của ĐHĐN, Trường ĐHSP [H8.08.02.02]

Hàng năm, Trường và Khoa đã có kế hoạch truyền thông về công tác tuyển sinh, phương thức xét tuyển vào Khoa, Trường [H8.08.02.03]. Sau khi có kết quả xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh của Trường gửi giấy báo đến các thí sinh trúng tuyển để thí sinh chuẩn bị các giấy tờ theo nội dung và nhập học theo thời gian ghi trên giấy báo.

Nhà trường đã ban hành các thông báo về kết quả tuyển sinh, quyết định trúng tuyển theo các đợt tuyển sinh, quyết định phê duyệt điểm chuẩn trúng tuyển nguyện vọng 1, nguyện vọng 2 hệ đại học chính quy [H8.08.02.04].

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, kết quả tuyển sinh được sử dụng để phân tích thông qua các công cụ thống kê nhằm mục đích đánh giá tính hợp lý [H8.08.02.05]. Những thông tin về xu thế chọn ngành, nguồn gốc thí sinh dự thi cũng được phân tích nhằm thu hút thí sinh từ các trường [H8.08.02.06]. Các tiêu chí tuyển sinh và phương pháp tuyển chọn người học được rà soát, đánh giá theo đúng quy trình và quy định và quyết định bởi Hội đồng tuyển sinh hàng năm nhằm mục đích tuyển được các thí sinh có chất lượng cao và phù hợp với các ngành đào tạo [H8.08.02.07]. Căn cứ vào ý kiến phân tích, đánh giá của các chuyên gia, Hội đồng tuyển sinh đã đưa ra các phương hướng tuyển sinh đợt tiếp theo. Các bất cập khác trong quy trình, hình thức tuyển sinh cũng được thảo luận trong cuộc họp tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học [H8.08.02.08].

Trước khi Đề án tuyển sinh được công khai trên các kênh truyền thông của Nhà trường, Đề án được các đơn vị trong Nhà trường góp ý, đặc biệt là ý kiến của các khoa [H8.08.02.09]. Sau đó, Đề án tuyển sinh sẽ được trình ĐHĐN phê duyệt.

2. Điểm mạnh

- Hình thức tuyển sinh đa dạng đã giúp thu hút được một số học sinh giỏi đến từ các trường chuyên, những học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi.

- Việc mở rộng các tổ hợp tuyển sinh đã tạo điều kiện cho những em học sinh có nhiều điểm mạnh khác nhau có thể theo đuổi ngành học.

3. Tồn tại

Từ năm học 2019-2020, ĐHĐN và trường ĐHSP đã sử dụng hình thức tuyển sinh xét tuyển thông qua điểm kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TPHCM tổ chức nhưng vẫn chưa thu hút được nhiều thí sinh đăng ký xét tuyển theo hình thức này.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường công tác truyền thông, phổ biến về các hình thức tuyển chọn, đặc biệt là các hình thức mới.	Trường ĐHSP	Từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường việc xây dựng hệ thống tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học, đặc biệt chú trọng xác định năng lực nền của học sinh phù hợp với ngành học, lựa chọn tổ hợp tuyển sinh phù hợp và mở rộng các tổ hợp tuyển sinh.	Trường ĐHSP	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả

Để có thể hỗ trợ được người học đạt được các mục tiêu học tập, đáp ứng chương trình đào tạo, Trường ĐHSP- ĐHĐN đã xây dựng hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học thông qua

quy chế/ quy định đào tạo. Các yêu cầu về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được quy định trong Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Bộ GDĐT, ĐHQG và Trường [H8.08.03.01].

Sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học được giám sát bởi hệ thống quản lý người học theo CTĐT tín chỉ. Mỗi người học có 01 tài khoản đăng ký trên hệ thống đào tạo tín chỉ <http://ued.udn.vn>. Qua đó người học có thời khóa biểu cá nhân tương ứng với thời khóa biểu chung, kết quả học tập được cập nhật sau mỗi học kỳ trên tài khoản cá nhân. Hệ thống giám sát cấp trường và khoa về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập được ghi cụ thể, chi tiết trong từng môn học, trong CTĐT của Khoa và quy chế đào tạo đại học do trường ĐHSP-ĐHQG ban hành [H8.08.03.02], [H8.08.03.03]. Nhà trường cũng quy định người học cần đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học khi tốt nghiệp [H8.08.03.04]. Đối với sinh viên ngành CNTT thì chuẩn đầu ra Tin học được miễn. Sự tiến bộ, kết quả học tập và khối lượng học tập, kết quả rèn luyện của sinh viên được quản lý bởi phòng Đào Tạo, giáo vụ Khoa và cố vấn học tập. Phòng đào tạo quản lý các quy trình bằng hệ thống website <http://qlht.ued.udn.vn> và tiến hành đánh giá định kỳ để tổng hợp, thống kê kết quả xếp loại học tập theo từng khoa. Biên bản họp xét học vụ mỗi học kỳ cung cấp thông tin về các sinh viên thuộc diện học lực yếu, cảnh báo học vụ hay không đăng ký tín chỉ,...Phòng CTSV phụ trách việc quản lý điểm rèn luyện của sinh viên [H8.08.03.05].

Khoa giám sát sự tiến bộ của người học thông qua Cố vấn học tập. Căn cứ vào nhiệm vụ năm học, kế hoạch năm học, CTĐT, đầu năm trong tuần lễ Sinh hoạt Công dân đầu khóa đã gặp gỡ tiếp xúc sinh viên để triển khai Quy chế học vụ, hướng dẫn quy trình thực hiện công tác học vụ liên quan. Các thông tin cơ bản về lý lịch sinh viên cũng như tiến độ học tập của mỗi sinh viên được CVHT cập nhật thông qua tài khoản quản lý [H8.08.03.06].

Quy trình tiếp nhận và giải quyết nghiệp vụ đào tạo đại học, giám sát sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được ban hành, được bổ sung, cập nhật thường xuyên, được hướng dẫn rõ ràng, công bố công khai để SV dễ dàng tiếp cận và thực hiện nhằm đảm bảo quyền lợi của mình. Cán bộ phụ trách khoa và cán bộ lớp cũng là đội ngũ giúp công tác giám sát và theo dõi quá trình và tiến độ học tập của SV được sát sao, kịp thời và có hiệu quả. Vào cuối mỗi học kỳ, SV

phải tự đánh giá về kết quả học tập và rèn luyện của mình và tự chấm điểm phân loại. Phiếu tự đánh giá sẽ được cán bộ lớp và CVHT cùng toàn thể lớp họp bình xét. Khoa sẽ đánh giá lại một lần nữa. Đây cũng là căn cứ để đề nghị xét học bổng và các khen thưởng năm học cho SV theo quy định [H8.08.03.07].

Trường có văn bản quy định về việc theo dõi, giám sát người học [H8.08.03.08]. Theo đó, cố vấn học tập sẽ sử dụng các cơ sở dữ liệu, phân tích tình hình học tập của SV và làm việc với các SV có vấn đề. Những trường hợp không giải quyết được, cố vấn học tập báo cáo với Khoa để tổ chức gặp mặt, xử lý, cảnh báo việc học với gia đình để có những biện pháp hỗ trợ kịp thời và liên kết với gia đình để giúp SV cố gắng trong học tập. Nhờ có phần mềm quản lý đào tạo nên công tác theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp được thực hiện dễ dàng hơn, có thể có phản hồi và kịp thời hỗ trợ người học hơn. Qua hệ thống này, Trường và Khoa có thể truy xuất được dữ liệu về kết quả học tập của tất cả SV. Phòng CTSV quản lý, tư vấn, hỗ trợ người học trong thời gian học tập tại Trường. Khoa có Phó Khoa phụ trách công tác SV, Giáo vụ, Thư ký khoa và các cố vấn học tập có nhiệm vụ hỗ trợ, hướng dẫn, giúp đỡ, tư vấn SV thực hiện tốt quy chế, quy định hiện hành liên quan đến SV; nắm bắt tính hình, tư tưởng, nguyện vọng của SV, trực tiếp giải quyết hoặc kịp thời phản ánh với Khoa và Trường về các vấn đề liên quan đến SV; giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV.

Quy trình xét và công nhận tốt nghiệp được thực hiện chặt chẽ, chính xác theo đúng quy định. Việc xét tốt nghiệp được dựa vào chuẩn đầu ra theo quy định của Trường, các dữ liệu liên quan đến kết quả học tập của người học tại trường được sử dụng làm căn cứ để xét hoàn thành chương trình học tập [H8.08.03.09].

Nhà trường và Khoa rà soát các trường hợp chậm tốt nghiệp và yêu cầu các cố vấn học tập làm việc với từng người học để báo cáo cụ thể kế hoạch thực hiện của từng người học sao cho tốt nghiệp trong khoảng thời gian quy định. Ngoài ra, các đề xuất sẽ được kiến nghị để hạn chế tối đa số sinh viên tốt nghiệp không đúng hạn [H8.08.03.10].

Định kỳ mỗi tháng, Nhà trường tổ chức các buổi sinh hoạt lớp để cố vấn học tập của Khoa nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, quá trình học tập của sinh viên. Qua đó phối hợp với Ban chủ nhiệm khoa để có hướng điều chỉnh và hỗ trợ SV tốt nhất. Cuối mỗi học kì, sinh

viên được đối thoại trực tiếp với các cấp Khoa, cấp Trường để giải đáp các thắc mắc của sinh viên về đào tạo, học tập [H8.08.03.11], [H8.08.03.12]. Khoa, Nhà trường tổng hợp các ý kiến, các đề xuất của người học để kịp thời điều chỉnh, giám sát và hỗ trợ người học. Qua đây, các phản hồi về kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện của người học được xem xét và giải quyết [H8.08.03.13].

2. Điểm mạnh

- Trường ĐHSP Đà Nẵng có hệ thống giám sát trực tuyến nhằm theo dõi và cập nhật tiến độ học tập của người học kịp thời, chính xác;
- Cán bộ giảng viên trong khoa hầu hết là những người trẻ, nhiệt huyết, gần gũi với sinh viên nên kịp thời nắm bắt chính xác vấn đề của sinh viên gặp phải và sẵn sàng hỗ trợ người học.

3. Tồn tại

Tài khoản quản lý trên phần mềm quản lý hệ thống của GVCN chưa truy xuất được thông tin chi tiết về kết quả từng học phần. Thông tin chi tiết này chỉ được trích xuất thông qua tài khoản của Giáo vụ Khoa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cải tiến công cụ giám sát kết quả học tập của sinh viên thông qua tài khoản điện tử dành cho GVCN	Trường ĐHSP	Từ năm học 2020 - 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Theo dõi chặt chẽ tiến độ học tập của người học, đặc biệt là các sinh viên bị cảnh báo học vụ để hỗ trợ kịp thời	Khoa Tin học	Hàng năm	

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả

Trường ĐHSP-ĐHĐN đã xây dựng nhiều hoạt động hỗ trợ được người học đạt được các mục tiêu học tập, đáp ứng chương trình đào tạo, như các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

Trong suốt quá trình học tập tại Trường, sinh viên được hỗ trợ và cung cấp nhiều dịch vụ trong học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác như tài chính, việc làm nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học. Đối với tân SV, ngay tuần đầu tiên, phòng Công tác sinh viên phối hợp với Phòng Đào tạo và các đơn vị liên quan tổ chức Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa để cung cấp cho sinh viên các thông tin về các qui định, qui chế đào tạo, cơ sở vật chất, chính sách và các dịch vụ hỗ trợ (đăng ký ký túc xá, kiểm tra sức khỏe và cũng như các chính sách miễn giảm học phí...) [H8.08.04.01]. Ngoài ra, Nhà trường còn phát cho mỗi sinh viên 01 quyển “Sổ tay sinh viên” cung cấp cho sinh viên về quy định chung đối với sinh viên hệ chính quy và một số hướng dẫn về sử dụng Thư viện, phần mềm đăng ký môn học, đăng ký tham gia các câu lạc bộ,... [H8.08.04.02]. Cùng với các phòng ban chức năng, khoa Tin học là đơn vị trực tiếp quản lý, tư vấn và hỗ trợ SV. Các em sinh viên được giải đáp các thắc mắc qua CVHT. Hình thức tư vấn có thể thông qua email, tài khoản trực tuyến của SV, mục diễn đàn, góp ý trên website chính thức của trường (<http://ued.udn.vn>), hoặc gặp trực tiếp trong giờ làm việc của các đơn vị, hoặc thông qua các buổi gặp mặt, họp lớp, sinh hoạt học thuật, hoặc các buổi đối thoại sinh viên được tổ chức cho SV [H8.08.04.03]. Kết thúc năm học, Trường và Khoa đều tổ chức các buổi tổng kết năm học của SV nhằm thông báo về kết quả, chất lượng học tập của SV và phương hướng hoạt động cho năm học tiếp theo.

Cố vấn học tập chịu trách nhiệm khuyến khích, tạo điều kiện và tư vấn cho SV tham gia các hoạt động học thuật, NCKH, các hoạt động đoàn hội, các hoạt động phục vụ

cộng đồng, tham quan thực tế, thực hành, thực tập,... nhằm hỗ trợ các hoạt động cho SV [H8.08.04.04].

Giáo vụ Khoa sẽ hỗ trợ giải quyết các vấn đề liên quan đến đào tạo, những vấn đề như đăng ký môn học tương đương, thay thế, huỷ môn học, bảo lưu, hoãn thi,...[H8.08.04.05].

Phụ trách NCKH của Khoa sẽ có kế hoạch và hỗ trợ SV giải quyết các vấn đề liên quan đến NCKH [H8.08.04.06].

Đoàn thanh niên, hội sinh viên, câu lạc bộ kỹ năng là tổ chức tập hợp thanh niên, tổ chức, định hướng SV tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng như mùa hè tình nguyện, hiến máu nhân đạo, dạy học tại các lớp học tình thương, là tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí, rèn luyện nghiệp vụ, hỗ trợ giải quyết vấn đề về tinh thần, đời sống vật chất cho SV... [H8.08.04.07].

Lãnh đạo khoa: Phân công và giám sát việc thực hiện các hoạt động hỗ trợ người học [H8.08.04.08].

Các đơn vị như Phòng Đào tạo, Phòng Công tác sinh viên, phòng KH&HTQT, phòng TCHC, Phòng KT&ĐBCLGD, Tổ Thư viện, ... hỗ trợ Khoa giải quyết các vấn đề liên quan đến SV [H8.08.04.09].

Trung tâm Hỗ trợ và QHDN là đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn việc làm của người học trong khi học và sau khi tốt nghiệp [H8.08.04.10].

Hoạt động ngoại khoá: Để tạo điều kiện cho sinh viên nâng cao các kỹ năng mềm, giao lưu trong học tập, trao đổi kiến thức cho sinh viên, liên chi khoa Tin học đã thành lập câu lạc bộ như CLB Tin học thực hiện nhiều hoạt động hỗ trợ chuyên môn, mở các lớp phụ đạo các học phần theo đề xuất của sinh viên Khoa. Khoa tìm kiếm, hợp tác với các doanh nghiệp và triển khai nhiều lớp tiếng Anh, tiếng Nhật miễn phí dành cho sinh viên của Khoa mỗi học kỳ [H8.08.04.11]. Mỗi đầu năm học, Khoa tổ chức buổi chào đón Tân sinh viên. Qua đây, các Tân sinh viên làm quen với các giảng viên của Khoa, các anh chị khóa trên cũng như được nghe phổ biến, giải thích cặn kẽ về CTĐT [H8.08.04.12]. Ngoài ra, Ban chấp hành Đoàn khoa và Liên chi khoa Tin học cũng tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa ý nghĩa như thể thao, văn nghệ, tình nguyện,...và nhiều hoạt động phục vụ cộng đồng khác [H8.08.04.13].

Hoạt động thi đua: Nhà trường, Khoa đã có những quy định về xét khen thưởng SV học giỏi, tiến bộ trong học tập, những SV hoạt động đoàn, hội nổi bật, khen thưởng SV năm tốt, học bổng,... [H8.08.04.14]. Những hoạt động này đều được thông báo đến tất cả người học và được xét công khai, rõ ràng nhằm động viên, khuyến khích SV có thành tích vượt bậc.

Hoạt động hỗ trợ tài chính: SV được hỗ trợ học bổng khuyến khích, học bổng tài trợ, miễn học phí và trợ cấp xã hội hỗ trợ khi khó khăn đột xuất, hướng dẫn SV thực hiện thủ tục vay vốn ngân hàng [H8.08.04.15], [H8.08.04.16]. Khoa có nguồn học bổng hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học. Nguồn kinh phí này được Khoa lập nên từ các nguồn tài trợ của các đơn vị tài trợ là công ty, doanh nghiệp dành cho sinh viên khoa Tin học, trường ĐHSP-ĐHĐN. Theo đó, mỗi đề tài khoa học có triển vọng sẽ được cấp kinh phí 5 triệu đồng/ đề tài [H8.08.04.17].

Hỗ trợ việc làm: Các hoạt động tư vấn về định hướng nghề nghiệp như buổi giới thiệu định hướng ngành nghề cho tân SV, các Hội chợ việc làm, hội thảo tuyển dụng, seminar hướng nghiệp cuối khóa tạo điều kiện để từ đó SV hiểu biết về nghề nghiệp sau này và có thông tin cũng như cơ hội về thị trường việc làm. Khoa hợp tác chặt chẽ với các doanh nghiệp về Công nghệ thông tin trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, thể hiện qua việc kí kết các biên bản ghi nhớ giữa Khoa, Nhà trường và Doanh nghiệp [H8.08.04.18]. Từ đó, hằng năm, Khoa triển khai Tuần doanh nghiệp – cơ hội để sinh viên tìm kiếm cơ sở thực tập, định hướng nghề nghiệp và cơ hội sinh viên có việc làm ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường [H8.08.04.19].

Để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra ngoại ngữ và tin học – điều kiện cần để tốt nghiệp, Nhà trường có kế hoạch tổ chức các đợt thi cấp chứng chỉ tiếng Anh B1 cũng như chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản [H8.08.04.20]. Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên có các lớp tiếng Anh miễn phí cho người học đăng ký, tạo điều kiện thuận lợi đạt chứng chỉ B1.

Các đội ngũ hỗ trợ khi được phân công nhiệm vụ đều căn cứ trên quy trình được ban hành xây dựng kế hoạch và thực hiện triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của người học một cách nghiêm túc, luôn cố gắng hoàn thành công việc, phục vụ người học.

Theo đánh giá của SV, hơn 80% hài lòng với các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học [H8.08.04.21].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có hoạt động tư vấn học tập được thực hiện thường xuyên và liên tục thông qua đội ngũ CVHT, Giáo vụ, NCKH, Đoàn, Hội Sinh viên vào các hoạt động hỗ trợ người học.

- Nhà trường, Khoa đã tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động văn - thể - mỹ giúp phong phú đời sống tinh thần cho sinh viên, các hoạt động thi đua, hỗ trợ SV tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập giúp SV nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường. Khoa có nhiều sinh viên có việc làm được trả lương khi còn đang theo học tại Nhà trường đúng thời hạn.

3. Tồn tại

Thực tập của sinh viên gặp nhiều khó khăn trong thời gian dịch bệnh COVID.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Hỗ trợ sinh viên trong việc tìm kiếm các đơn vị thực tập có uy tín.	Đoàn Trường LCD khoa Tin học	Từ năm học 2020 - 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Giúp sinh viên có thêm cơ hội giao lưu, tìm hiểu, cải thiện khả năng có việc làm của SV	Trường ĐHSP Khoa Tin học	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả

Tạo môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học là một trong những mục tiêu quan trọng của Trường ĐHSP-ĐHĐN. Môi trường cảnh quan tạo cảm giác thân thiện, có không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu; Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn tại Trường ĐHSP, có sơ đồ bố trí khu hiệu bộ, giảng đường, các phòng/khoa, hội trường, thư viện, khu thực hành, thực tập, ký túc xá [H8.08.05.01].

Nhà trường đã xây dựng văn hoá học đại học, trường học thân thiện cởi mở vì vậy môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của trường ĐHSP-ĐHĐN đã tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học. Để tạo sự trật tự, trang nghiêm trong môi trường Đại học, Nhà trường có quy định về văn hóa công sở như tác phong làm việc nhanh nhẹn, thân thiện; kỹ năng giao tiếp, ứng xử đúng mực; trang phục đúng quy định, có đeo thẻ cán bộ, giảng viên trong quá trình làm việc [H8.08.05.02]. Tại các phòng học, Nhà trường treo biển nội quy đối với giảng viên và sinh viên, tạo nên trật tự, kỷ cương trong môi trường học đường [H8.08.05.03].

Nhà trường phân công cho Phòng Cơ sở vật chất bố trí cảnh quan khu vực trường một cách hợp lý. Cảnh quan của Nhà trường thuận lợi cho hoạt động đào tạo (dạy và học), thuận lợi cho hoạt động NCKH và tạo sự thoải mái cho người học. Nhà trường có phòng học, hội trường, phòng hội thảo... được thể hiện qua Sơ đồ tổng thể mặt bằng của Nhà trường [H8.08.05.04]. Nhà trường có phòng học, PTN đầy đủ, hiện đại, thuận lợi cho hoạt động đào tạo (dạy và học), thuận lợi cho hoạt động NCKH. Trường có khu vực tự học để SV tự học, trao đổi. Có nhiều bàn ghế được đặt bên ngoài các tòa nhà để SV nghỉ ngơi học tập, làm việc nhóm khi cần thiết. Thư viện của trường từng bước nâng cấp về hệ thống đầu sách phục vụ cho sinh viên cũng như cảnh quan bên trong thư viện tạo sự hứng thú cho SV khi đến học tập nghiên cứu tại đây. Khu vực thí nghiệm, thực hành cũng được nhà trường đầu tư một cách đáng kể. Nhà trường cũng thiết kế các bảng chỉ dẫn đặt theo từng khu để sinh

viên và khách đến trường thuận tiện trong liên hệ làm việc. Văn phòng làm việc của Khoa được bố trí rộng rãi, sạch sẽ, hiện đại, tạo không khí thoải mái, thân thiện, hiện đại. Đặc biệt, Nhà trường có đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất dành riêng cho SV khuyết tật đang theo học nơi đây.

Khoa Tin học trường ĐHSP-ĐHĐN luôn tạo ra môi trường học thuật lành mạnh, xây dựng môi trường đoàn kết nhất trí trong tập thể cán bộ, GV, tạo tâm lý sẵn sàng vì nhiệm vụ chung của tập thể, đặt người học là trung tâm. Trong giảng dạy và học tập, các GV của Khoa luôn tạo mối quan hệ nhân ái, gần gũi và chia sẻ với sinh viên, sẵn sàng ủng hộ, giúp đỡ sinh viên trong học tập và cuộc sống. Trao cho sinh viên quyền chủ động, tích cực, sáng tạo trong mọi hoạt động. SV ngành CNTT sử dụng tất cả các cơ sở vật chất của nhà trường như phòng học, thư viện, phòng máy tính. Các phòng đều được trang bị đầy đủ các phương tiện như máy chiếu/ti vi, bàn, ghế, wifi,... Trong trường có không gian thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều cây xanh, có vườn hoa, hồ sen với các thiết bị tập luyện thể dục thể thao,... [H8.08.05.05].

Nhà trường rất chú trọng đến việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe sinh viên. Nhà trường có Phòng Y tế có chức năng thực hiện các nhiệm vụ về lĩnh vực y tế trường học, quản lý hồ sơ sức khỏe của viên chức, người lao động và SV trong trường; chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu khám chữa bệnh; phòng chống dịch bệnh, kiểm tra giám sát vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn, thực phẩm trong trường. Đầu mỗi năm học, Nhà trường đều tổ chức khám sức khỏe cho SV mới nhập học, hỗ trợ thuốc bổ cho sinh viên, chiến dịch tình nguyện... [H8.08.05.06]. Trường cũng cung cấp hệ thống nước lọc miễn phí trong toàn trường, đảm bảo an toàn cho sức khỏe SV và GV [H8.08.05.07]. Cố vấn học tập và Phòng CTSV cũng đảm nhiệm vai trò tư vấn hỗ trợ tâm lý cho người học khi có những vấn đề thắc mắc cần giải đáp.

Nhà trường có căng tin cung cấp các dịch vụ trường học cho SV, bao gồm cả dịch vụ ăn uống đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật [H8.08.05.08].

Ngoài ra, công tác phòng chống cháy nổ trong nhà trường cũng rất được quan tâm. Mỗi hành lang phòng học đều có thiết bị PCCC và hướng dẫn cách ứng phó khi gặp sự cố [H8.08.05.09]. Nhà trường có bộ phận bảo vệ là đơn vị chuyên trách thực hiện nhiệm vụ bảo vệ tài sản, giữ gìn an ninh, trật tự cho toàn cán bộ, GV và người học; Có đội ngũ vệ

sinh chung cho toàn trường, vì vậy cảnh quan trong trường luôn luôn sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh và an toàn [H8.08.05.10].

Nhà trường có kí túc xá cho sinh viên để sinh viên ăn ở, tạo điều kiện cho sinh viên học tập và đi lại. Sinh viên năm thứ nhất, đặc biệt là SV từ vùng sâu, vùng xa, SV có hoàn cảnh gia đình khó khăn được ưu tiên đăng kí ở kí túc xá của Trường. Kí túc xá yên tĩnh có các phòng học giúp sinh viên yên tâm học tập [H8.08.05.11], [H8.08.05.12].

Khoa và Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, an toàn giao thông và nhiều cuộc thi bổ ích khác để tạo sân chơi lành mạnh, rèn luyện thể lực cho SV, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng SV trong Trường [H8.08.05.13].

Qua khảo sát khảo sát/lấy ý kiến người học và các bên liên quan về cơ sở vật chất, chất lượng dịch vụ, môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của trường ĐHSP-ĐHĐN thì hơn 90% đối tượng được khảo sát cho ý kiến hoàn toàn hài lòng [H8.08.05.14], [H8.08.05.15].

2. Điểm mạnh.

Trường ĐHSP-ĐHĐN có cảnh quan xanh, sạch đẹp và thân thiện tạo không khí thoải mái và điều kiện tốt cho việc thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Các khu vực học tập, làm việc được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của CTĐT.

Sinh viên ngành CNTT được học tập trong môi trường an ninh, an toàn, được đảm bảo nhờ sự phối hợp trách nhiệm của Nhà trường, Đoàn trường, Khoa Tin học và các cơ quan chức năng trên địa bàn. Từ đó giúp SV có được tâm lý thoải mái trong hoạt động học tập và tích cực tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa.

3. Tồn tại

Trường chưa có những phòng chuyên biệt, hiện đại dành riêng cho hoạt động bảo vệ khoá luận tốt nghiệp, luận văn, luận án.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực	Thời gian thực hiện hoặc hoàn	Ghi chú

			hiện	thành	
1	Khắc phục tồn tại	Bố trí các phòng chuyên biệt dành riêng cho bảo vệ khoá luận tốt nghiệp, luận văn, luận án.	Khoa Tin học	Từ năm học 2020 -2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Giữ gìn môi trường đào tạo, xanh, sạch và đẹp, an ninh góp phần nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo và NCKH	Phòng CSVC Khoa Tin học	Hàng năm	

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 8:

Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học trong những năm qua đã được Nhà trường và khoa Tin học xác định rõ ràng. Ngay từ đầu, Nhà trường, Khoa đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, công khai và cập nhật thường xuyên. Nhà trường và Khoa luôn chú trọng các khâu hỗ trợ người học, giúp người học hoàn thành CTĐT và có thể có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp. Đội ngũ GV, đội ngũ hỗ trợ của Nhà trường và Khoa luôn thường xuyên theo dõi sự tiến bộ của người học để giúp người học kịp thời điều chỉnh. Ngoài ra, Nhà trường luôn chú trọng xây dựng những môi trường học tập thoải mái, phát huy sự sáng tạo của SV. Các khu vực học tập, làm việc được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của CTĐT. Nhà trường luôn thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan (SV, GV, cán bộ) làm cơ sở để chỉnh sửa hoặc nâng cấp môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan.

Tiêu chuẩn 8 có 05 tiêu chí: 5/7

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Hiện nay, với nguồn lực hiện có, Nhà trường và BCN Khoa Tin học luôn cố gắng đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm đạt được mục tiêu và các nhiệm vụ đã đề ra. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành cùng hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học chuyên ngành mà Khoa hiện đã và đang sử dụng trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Trường ĐHSP-ĐHĐN tọa lạc tại khu vực trung tâm của thành phố Đà Nẵng (số 459, đường Tôn Đức Thắng, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng). Với tổng diện tích khuôn viên hơn 4,7 ha, trường có hơn 70 phòng học lý thuyết, 5 phòng hội trường, hội trường trong các tòa nhà A (tầng 3: 170 ghế ngồi), A5 (tầng 3: 200 và tầng 5: 550 ghế ngồi) và A6 (2 phòng $\times$ 120 ghế ngồi) cũng như tầng 1 nhà A6 và một số phòng họp và phòng hội thảo chuyên đề [H9.09.01.01]. Trường có hơn 300 máy vi tính xách tay, trong đó có 6 phòng máy tính được nối mạng Internet, máy in các loại, máy scanner, máy photocopy, máy quét mã vạch sử dụng cho Thư viện [H9.09.01.02] [H9.09.01.03].

Nhà trường có khu tự học, nhà tập và thi đấu thể thao, nhà sinh hoạt đa năng, sân tập thể dục, phục vụ cho các môn học giáo dục thể chất, hoạt động ngoài. Ngoài ra để đáp ứng các sinh hoạt văn hóa, văn nghệ cho cán bộ và sinh viên nhà trường bố trí Hội trường, có sân khấu đáp ứng công tác tổ chức giao lưu văn nghệ tạo nên tinh thần kết nối cho sinh viên trong toàn trường [H9.09.01.04][H9.09.01.05].

Khoa Tin học đang sử dụng hệ thống cơ sở vật chất (CSVC) và trang thiết bị (TTB) phục vụ dạy và học của Trường ĐHSP-ĐHĐN bao gồm 12 giảng đường (A1, A2, A3, A4, A5, A6, B1-B2-B3-B4-B5-B6) với các phòng học được trang bị điều hòa và phòng seminar trên diện tích 4,7 ha chung của toàn trường [H9.09.01.02]. Các phòng học của Trường

ĐHSP-ĐHĐN đều được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ hoạt động dạy và học như hệ thống âm thanh, ánh sáng, quạt, và máy chiếu [H9.09.01.07].

Nhà Trường giao cho Phòng cơ sở vật chất tăng cường quản lý tài sản, trang thiết bị nhằm đảm bảo an toàn, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng [H9.09.01.08]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành kế hoạch chiến lược phát triển về cơ sở vật chất giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 và kế hoạch định hướng quy hoạch phát triển CSVC trường ĐHSP-ĐHĐN đến năm 2025, tầm nhìn 2030 [H9.09.01.09] [H9.09.01.10].

Hiện tại, Nhà trường cung cấp cho khoa Tin học 01 phòng làm việc với diện tích là 30m² và phòng chức năng phục vụ cho Khoa Tin học được bố trí ở dãy B1 phòng 303, phòng làm việc của khoa được trang bị các tủ để chứa tài liệu, hồ sơ hoạt động của khoa với 2 tủ đựng tư liệu, 2 máy tính, 4 bàn làm việc, 1 dãy bàn dành cho hoạt động hội họp để phục vụ công tác quản lý hồ sơ, giải quyết vấn đề học vụ của khoa [H9.09.01.11]. Với cung cấp thiết bị như vậy, cơ bản khoa có thể vận hành và giải quyết công việc dạy học hiệu quả. Mỗi năm, dựa vào đề xuất đầu tư TTB của các khoa cũng như đánh giá về tình hình CSVC & TTB, và nhu cầu của các hoạt động đào tạo và nghiên cứu trong năm học mới, Khoa sẽ đề xuất nhà trường mua sắm mới các cơ sở vật chất và trang thiết bị, Trường ĐHSP-ĐHĐN lập kế hoạch, dự trù kiểm tra, sửa chữa và nâng cấp và mua sắm mới cơ sở vật chất [H9.09.01.12][H9.09.01.13][H9.09.01.14].

Đa số giảng viên đánh giá phòng học đáp ứng nhu cầu giảng dạy của các khoa và các bộ môn. Tùy theo tình hình phát triển, Trường có quy hoạch và kế hoạch xây dựng phù hợp với từng năm học [H9.09.01.15].

Hàng năm, trên cơ sở đề xuất của các đơn vị sử dụng CSVC, trang thiết bị, Nhà trường đã có kế hoạch và kinh phí để cải tạo, sửa chữa, nâng cấp kịp thời CSVC và trang thiết bị đảm bảo cho việc triển khai CTĐT và thực hiện việc rà soát các phòng học, trang thiết bị để có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT của Khoa [H9.09.01.08] [H9.09.01.16][H9.09.01.17][H9.09.01.18][H9.09.01.19].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học, giảng đường được trang bị đầy

đủ về số lượng và chất lượng, trang thiết bị điện, bàn ghế để phục vụ và hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của từng ngành đào tạo của Trường. Thực tế, trong những năm gần đây vẫn tiếp tục được xây mới và bổ sung.

3. Điểm tồn tại

03 dãy nhà cấp bốn B4, B5, B6 lợp mái tôn không được cách âm, khi mưa to gây ồn, ảnh hưởng đến chất lượng bài giảng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch cải tạo cách âm cho 03 dãy nhà B4, B5, B6	Phòng CSVC	Từ năm học 2020 - 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Bổ sung các trang thiết bị kịp thời, đảm bảo chất lượng để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	Phòng CSVC	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Nhà trường xác định Thư viện là một trong những yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dạy và học. Với quan điểm trên, Thư viện được bố trí ở khu vực trung tâm trong khuôn viên nhà trường, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho GV và sinh viên tiếp cận [H9.09.02.01]. Thư viện được trang bị tương đối đầy đủ các thiết bị đáp ứng nhu cầu công

tác chuyên môn và phục vụ như: Máy tính, máy in, máy scan, photocopy, máy đọc mã vạch và các số lượng các đầu sách phục vụ nhu cầu bạn đọc.

Để phục vụ công tác đào tạo của Nhà trường nói chung, ngành CNTT nói riêng, Thư viện đã xây dựng được quy trình kiểm soát hoạt động thư viện và quy trình mua sắm, bổ sung các nguồn tài liệu đáp ứng với mục tiêu đào tạo và NCKH của nhà trường [H9.09.02.02]. Thư viện đã bổ sung được nguồn tài liệu đáp ứng như cầu đào tạo chuyên ngành [H9.09.02.03]. Hàng năm, Thư viện trường không ngừng bổ sung các nguồn tài liệu đáp ứng quá trình phát triển của ngành.

Bên cạnh các hoạt phương pháp phục vụ truyền thống, Thư viện đã áp dụng các giải pháp khoa học công nghệ vào các hoạt động của mình mình. Cụ thể, Nhà trường đã đầu tư xây dựng thư viện điện tử, bao gồm phần mềm hỗ trợ nghiệp vụ Libol 6.0, trang thông tin điện tử để tăng cường khả năng tiếp cận thông tin, tiếp cận nguồn tài liệu phục vụ học tập nghiên cứu một cách thuận tiện nhất [H9.09.02.04].

Ngoài dạng tài liệu giấy, thư viện còn có các nguồn tài nguyên điện tử khác (tiếng Việt và cơ sở dữ liệu ngoại văn) [H9.09.02.05]. Trong chiến lược phát triển cơ sở vật chất của Nhà trường, ưu tiên hàng đầu sẽ dành cho các tài liệu điện tử. Bên cạnh đó, sinh viên còn có thể dùng chung tài liệu toàn văn từ các CSDL Thư viện mua quyền truy cập như: Thư viện có ký kết hợp tác, trao đổi và chia sẻ nguồn tin điện tử với Thư viện; kết nối thư viện số với các thư viện khác tạo điều kiện cho bạn đọc khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung.

Thư viện luôn tạo điều kiện tốt nhất về thời gian cho sinh viên và giáo viên, thư viện mở cửa cho mượn và trả từ 7h30 đến 18h30 từ thứ 2 đến thứ 6 [H9.09.02.06].

Cổng thông tin điện tử cho phép người sử dụng tiếp cận các thông tin cơ bản về những tài liệu hiện có trong thư viện. Người dùng có thể chọn lựa nhiều phương án để tìm kiếm tài liệu theo yêu cầu của mình, có thể tìm theo tác giả, nhan đề, chủ đề [<http://thuvien.ued.udn.vn:8080/dspace/>].

Ngoài ra, phần mềm quản lý Thư viện cho phép SV và GV tự theo dõi, quản lý lịch sử sử dụng của mình thông qua tài khoản cá nhân.

Để đáp ứng công tác chuyên môn nghiệp vụ, phục vụ tốt công tác đào tạo của Nhà trường, đội ngũ viên chức của Thư viện được lãnh đạo nhà trường quan tâm tuyển chọn,

với tổng số 05 nhân viên được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho từng vị trí công việc [H9.09.02.07].

Nhìn chung, Thư viện cung cấp đủ tài liệu học tập chính cho người học. Tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài được cập nhật bổ sung (định kỳ hoặc đột xuất) theo quy trình [H9.09.02.08]. Hàng năm, Thư viện đều có dự trù kinh phí bổ sung, việc bổ sung có sự phối hợp giữa Thư viện với khoa, được rà soát, đảm bảo đáp ứng chương trình đào tạo và NCKH. Kinh phí bổ sung và nguồn tài liệu đều tăng qua các năm [H9.09.02.09].

Để theo dõi nhu cầu sử dụng và khả năng đáp ứng, Thư viện khảo sát mỗi năm/lần. Việc khảo sát được lên kế hoạch, kết quả được tổng hợp và có biện pháp khắc phục hạn chế nhằm đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu của bạn đọc. [H.09.02.10].

2. Điểm mạnh

Thư viện Trường được quan tâm đầu tư nguồn học liệu phù hợp, trang thiết bị hiện đại và được cập nhật để phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Với loại hình tài liệu in và tài liệu điện tử đa dạng nên số lượng bạn đọc đến với thư viện ngày càng đông, đáp ứng kịp với sự mở rộng, phát triển các chuyên ngành đào tạo của trường, khoa và nhu cầu của người học

3. Điểm tồn tại

Sách và giáo trình của các tác giả nước ngoài với chuyên ngành CNTT có giá thành cao, gây khó khăn cho giảng viên và sinh viên trong quá trình tiếp cận các nghiên cứu mới.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch thực hiện từng bước để mua một số cơ sở dữ liệu, ebooks để phát triển nguồn lực thông tin; tiếp tục số hóa tài liệu,	Thư viện Phòng CSVC	Từ năm học 2020-2021	

		phục vụ khai thác thông tin qua mạng.	Tổ CNTT		
	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện công tác thư viện, phục vụ tốt nhu cầu nghiên cứu, học tập của GV và SV.	Thư viện	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Để nâng cao chất lượng dạy và học, gắn liền giữa lý thuyết và thực hành tại trường, Trường ĐHSP-ĐHĐN đã đầu tư xây dựng phòng máy tính đạt các yêu cầu của Bộ GD&ĐT nhằm hình thành kỹ năng và năng lực nghề nghiệp cho sinh viên, học viên cao học, đáp ứng chuẩn đầu ra của việc đào tạo GV, cũng như việc đào tạo ngành cử nhân Công nghệ thông tin [H09.09.03.01][H9.09.03.02].

Hiện nay, Khoa có 6 phòng thực hành máy tính cho sinh viên được bố trí khu vực thoáng mát, đảm bảo môi trường học tập, đáp ứng cho khoảng 300 sinh viên thực hành tham gia học tập, phòng cung cấp một số trang thiết bị như máy tính nối mạng, máy chiếu, điều hòa, quạt máy nhằm phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trang thiết bị trong phòng thực hành được cập nhật, bảo dưỡng để đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu của CTĐT và người sử dụng [H9.09.03.03]. Mỗi phòng thực hành đều có cán bộ hướng dẫn thực hành giám sát thiết bị và hướng dẫn SV làm thực hành [H9.09.03.04].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa luôn tạo điều kiện bổ sung các trang thiết bị theo yêu cầu của chương trình đào tạo, kết hợp kiểm tra, thẩm định, đánh giá chất lượng các trang thiết bị, để có biện pháp cải tạo nâng cấp, mua sắm, sửa chữa trang thiết bị CSVC cho phòng Thực hành CNTT [H9.09.03.05] [H9.09.03.06]. Đánh giá mức độ đáp ứng của hệ thống phòng thực hành, trên 362 sinh viên khoa Tin học, có 79.4% đánh giá đã đáp ứng được yêu cầu của người học, 20.6% SV cho rằng CSVC&TTB chưa đáp ứng được và SV chưa hài lòng về phòng thực hành [H9.09.03.07]. Trên cơ sở phản hồi của người học, Khoa và Nhà trường tiếp thu ý kiến để tiếp tục cải nâng cấp trang thiết bị trong việc đáp ứng hoạt

động đào tạo và nghiên cứu. Vì thế, có thể nói trang thiết bị của Nhà trường về cơ bản phục vụ khá hiệu quả cho sinh viên ngành CNTT thực hành các môn học đặc trưng về công nghệ phần mềm.

2. Điểm mạnh

Phòng thực hành góp phần phục vụ và hỗ trợ đắc lực cho hoạt động nghiên cứu khoa học tại Khoa. Phòng thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các phương tiện giảng dạy, nghe nhìn, máy tính đảm bảo cho công tác dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa có server riêng lưu trữ dữ liệu đề thi và bài tập thực hành đặc thù của ngành CNTT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Trang bị server riêng cho khoa lưu trữ dữ liệu đề thi và bài tập thực hành đặc thù của ngành CNTT.	Trường Tổ CNTT	Từ năm học 2020 - 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường trao đổi học thuật, tổ chức các chương trình seminar giữa GV với SV để phòng thực hành thực sự là nơi để các nhà nghiên cứu làm việc	Khoa Tin học Tổ CNTT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Trường ĐHSP-ĐHĐN có hệ thống CNTT (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường thành lập Tổ Công nghệ thông tin nhằm quản lý và bảo trì các thiết bị máy chủ, thiết bị mạng và đường truyền kết nối liên thông mạng nội bộ nhằm đảm bảo hệ thống mạng của Nhà trường và Khoa hoạt động liên tục [H9.09.04.01].[H9.09.04.02].

Trường ĐHSP-ĐHĐN có 11 phòng máy với 860 laptop và Ipad được kết nối với internet [H9.09.04.03]. SV có thể sử dụng các phòng máy này cho mục đích tìm kiếm thông tin. Các máy tính được cài đặt với nhiều phần mềm có bản quyền và luôn cập nhật các phiên bản mới nhất. Trong những năm gần đây, SV và GV cũng có thể chia sẻ tài liệu và kinh nghiệm dạy và học thông qua tài khoản cá nhân trên website <http://truonghocketnoi.edu.vn> của MOET và website học tập trực tuyến e-learning.

Bên cạnh đó, Nhà trường đã nâng cấp hệ thống máy chủ, hệ thống mạng truyền thông, wifi đảm bảo chia sẻ thông tin dữ liệu hiệu quả để cung cấp và chia sẻ các dữ liệu [H9.09.04.04][H9.09.04.05][H9.09.04.06].

Nhà trường đã trang bị cho Khoa khá đầy đủ máy tính, máy in để phục vụ công tác đào tạo, đáp ứng nhu cầu làm việc, giảng dạy, nghiên cứu và học tập của GV, sinh viên. Số máy tính để phục vụ cho nhu cầu NCKH của GV và phục vụ công tác điều hành quản lý chung tại Trường được giao cho phòng CSVC phụ trách, trang web của Khoa dùng để phục vụ cho việc đăng bài, hỗ trợ các công việc liên quan đến trang web của Khoa, hoạt động chuyên môn của khoa cùng với máy tính để bàn, máy in. Sự đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật của hệ thống công nghệ thông tin giúp GV và sinh viên dễ dàng truy cập vào các trang học thuật khi làm việc tại trường (qlht.ued.udn.vn).

Trong quá trình đổi mới các phương pháp giảng dạy, Nhà trường đã chủ trương xây dựng hệ thống học trực tuyến. Trong năm học 2019-2020, Nhà trường đã áp dụng hệ thống Elearning triển khai các học phần chung và học phần đại cương cho nhiều khoa trong đó có

ngành Công nghệ thông tin. Giáo viên tham gia giảng dạy một số môn chung đã được tập huấn soạn bài giảng, vận hành hệ thống Elearning

Để đảm bảo cho hoạt động của Trường được hiệu quả và thông suốt, các đơn vị chuyên trách đều có phần mềm quản lý công việc phù hợp. Nhà trường đã đầu tư các phần mềm liên quan đến quản lý đào tạo [H9.09.04.07].

Trong khuôn viên Trường có hệ thống wifi miễn phí. Tỷ lệ máy tính dùng cho công tác quản lý và các phòng chức năng đạt 100%. Tất cả cán bộ, GV đều có email công vụ; website trường và các khoa, đơn vị được cập nhật thông tin đầy đủ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình công tác và giảng dạy. Để phục vụ và quản lý tốt việc dạy và học, năm 2017, Trường ĐHSP-ĐHĐN đã nâng cấp website quản lý đào tạo <http://qlht.ued.udn.vn>. SV có thể sử dụng website này 24/24h để theo dõi kết quả học tập, tiến độ học tập và đăng ký tín chỉ. Website Khoa Tin học được Khoa xây dựng từ năm 2005 [<http://it.ued.udn.vn/>]. Lãnh đạo Khoa phân công 01 thư ký khoa phụ trách trang web đồng thời chịu trách nhiệm về mặt nội dung và hình ảnh, đăng những thông tin cần thiết phục vụ công tác đào tạo, quản lý sinh viên của khoa, NCKH, những thông tin cần thiết liên quan đến công tác quản lý cán bộ, GV và sinh viên của Khoa. Trang web của Khoa là nơi cung cấp những thông tin cần thiết cho học sinh muốn tìm hiểu về Khoa, Trường ĐHSP-ĐHĐN cũng như các chuyên ngành đào tạo của Khoa, đội ngũ cán bộ, GV của Khoa. Trang web của luôn luôn được cập nhật những thông tin mới, cần thiết cho công tác đào tạo, NCKH, quản lý sinh viên [<http://it.ued.udn.vn/>].

Ngoài ra, để nâng cao chất lượng sử dụng hệ thống CNTT, Trường có sổ Nhật ký theo dõi và kiểm tra thiết bị phục vụ giảng dạy từng ngày, từng tháng [H9.09.04.08], nhờ vậy, khi có bất cứ sự cố nào xảy ra, bộ phận IT của Trường nhanh chóng sửa chữa, nâng cấp kịp thời. Toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin thường xuyên được duy trì, bảo dưỡng và cập nhật liên tục. Nhà trường có kế hoạch nâng cấp hệ thống các phần mềm, hệ thống mạng wifi, trang bị thêm máy tính cho các phòng làm việc, phòng thực hành máy tính, máy chiếu projector ở các phòng học [H9.09.04.09][H9.09.04.10].

Kết quả khảo sát trực tuyến sự hài lòng của người học về cơ sở vật chất phục vụ hoạt động dạy học, năm học 2016-2017 cho thấy, 70.6% người học cho rằng hệ thống công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng là đầy đủ, luôn cập nhật và đáp ứng tốt các yêu cầu trong đào tạo

và nghiên cứu khoa học, chỉ có 29.4% người học là chưa thật sự hài lòng về mức độ đáp ứng của CSVC, trang thiết bị CNTT phục vụ hoạt động học tập và nghiên cứu [H9.09.04.11].

2. Điểm mạnh

- Hệ thống công nghệ thông tin bao gồm học tập trực tuyến phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của cán bộ, giảng viên cũng như sinh viên. Nhà trường liên tục đầu tư tập trung vào CSVC, hạ tầng cho công nghệ thông tin; phòng máy chủ, hệ thống mạng, hệ thống máy tính cho các phòng thi, điện... được đảm bảo, hoạt động liên tục cho SV trong toàn trường nói chung và SV ngành CNTT nói riêng.

- Khoa và Trường đã chủ động sử dụng các công cụ trực tuyến hữu dụng như FB, Zalo, Teams... để phát huy tối đa hoạt động dạy học để đạt hiệu quả cao nhất.

3. Điểm tồn tại

Chất lượng mạng internet đôi lúc chưa đảm bảo (tốc độ của mạng vào những lúc cao điểm còn chậm và một số nơi tín hiệu wifi còn yếu)

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần tiếp tục nâng cấp hệ thống mạng trong toàn trường, phủ phát sóng mạng không dây đến toàn bộ khuôn viên Nhà trường, tăng cường hướng dẫn giảng viên và sinh viên khai thác hiệu quả dữ liệu nhằm phục vụ tốt nhất cho công tác đào tạo, giảng dạy và NCKH.	Tổ CNTT	Từ năm học 2020 - 2021	
2	Phát huy	Tập huấn nâng cao năng lực ứng	Tổ CNTT	Hàng năm	

	điểm mạnh	dụng CNTT trong giảng dạy, đặc biệt là năng lực xây dựng bài giảng trực tuyến			
--	-----------	---	--	--	--

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả

Bên cạnh việc chú trọng đầu tư chất lượng dạy - học, Trường ĐHSP-ĐHĐN cũng rất quan tâm đến việc xây dựng môi trường lành mạnh, thúc đẩy phát triển sức khỏe và an toàn cho SV. Cảnh quan và môi trường học tập, làm việc được Nhà trường quan tâm, đầu tư nâng cấp thường xuyên, xen kẽ giữa các khu giảng đường, nhà làm việc, phòng thí nghiệm, thư viện là những khuôn viên được trồng cây xanh, tạo nên một khuôn viên học tập lý tưởng cho người học [H9.09.05.01].

Để đảm bảo hệ thống cây xanh, cây cảnh phát triển duy trì và đảm bảo tỷ lệ phù hợp cây xanh trong khuôn viên, Trường ĐHSP-ĐHĐN có một đội nhân viên vệ sinh thay phiên nhau làm việc liên tục tất cả các ngày trong tuần từ 7h đến 22h [H9.09.05.02]. Ngoài ra, để tạo cảnh quan trong lành trong nhà trường, Trường đã xây dựng một hồ sen với diện tích 500 m². Cùng với cảnh quan cây xanh, việc đảm bảo vệ sinh học đường được Nhà trường đầu tư, cải tạo, nâng cấp thường xuyên. Công tác vệ sinh cũng thực hiện theo hình thức hợp đồng các công ty dịch vụ vệ sinh để đảm bảo tính chuyên nghiệp cùng với hệ thống dụng cụ chuyên nghiệp sẽ luôn duy trì được môi trường xanh - sạch.

Nhà trường đã có những ưu tiên nhất định dành cho người khuyết tật. Các công trình kiến trúc được thiết kế các chức năng đáp ứng cho người khuyết tật như: sắp xếp phòng học ở tầng trệt, đồng thời đã thiết kế lối đi, xây dựng nhà vệ sinh dành cho người khuyết tật thuộc dãy nhà B3 trong khuôn viên trường. Hàng năm, tuần lễ sinh hoạt công dân đầu khóa, Nhà trường triển khai Sổ tay sinh viên và các chính sách miễn giảm học phí, học bổng khuyến khích cho người khuyết tật [H9.09.05.03] [H9.09.05.04] [H9.09.05.05] [H9.09.05.06].

Đảm bảo môi trường sức khỏe học đường là yếu tố quan trọng, Trường ĐHSP-ĐHĐN có một phòng y tế ở nhà B5 với chức năng chẩn đoán và xử lý kịp thời những trường hợp

cơ bản, để chuyển đi các tuyến trên kịp thời nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn cho cán bộ GV và người học. Vào đầu mỗi năm học, Trường ĐHSP-ĐHĐN tổ chức khám sức khỏe đầu năm cũng như đăng ký bảo hiểm y tế và tai nạn cho SV [H9.09.05.07]. Hàng năm, Nhà trường hỗ trợ cho cán bộ, GV mua gói bảo hiểm Bảo Việt để thuận lợi cho việc khám chữa bệnh [H9.09.05.08]. Phòng Y tế có trách nhiệm xây dựng kế hoạch lịch khám sức khỏe cho cán bộ GV, sinh viên và kế hoạch hành động dọn vệ sinh, cải tạo cảnh quan trường theo đúng quy trình ban hành của Nhà trường. Trường ĐHSP-ĐHĐN thực hiện không hút thuốc trong khuôn viên trường.

Công tác vệ sinh, thu gom rác thải tại khu vực làm việc cũng như khu KTX luôn được quan tâm, đảm bảo đúng các tiêu chuẩn. Định kỳ hàng năm tổ chức các đợt phun thuốc phòng chống dịch bệnh và được giám sát bởi những cán bộ có chuyên môn [H9.09.05.09].

Để khuyến khích các hoạt động thể thao, rèn luyện sức khỏe cho SV và cán bộ, Trường ĐHSP-ĐHĐN đã xây dựng các sân bóng đá, bóng chuyền, và bóng rổ ngoài trời cũng như nhà đa năng với đầy đủ trang thiết bị về thể thao và nhà tập thể hình [H9.09.05.10].

Để đảm bảo an toàn trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu, trường rất quan tâm đến việc kiểm tra an toàn PCCC, Nhà trường đã trang bị hệ thống cảnh báo cháy, các bảng cảnh báo, đường dây nóng [H9.09.05.11] . Định kỳ, Trường ĐHSP-ĐHĐN tổ chức tập huấn PCCC cho cán bộ viên chức [H9.09.05.12][H9.09.05.13]. Để đảm bảo an toàn trong toàn bộ khuôn viên của nhà trường, Trường ĐHSP-ĐHĐN đã thuê đội bảo vệ từ công ty bảo vệ. Đội ngũ cán bộ Tổ bảo vệ trực 24/24 đảm bảo trật tự, an ninh trong Nhà trường. Ngoài ra, Trong nhà trường còn có một lực lượng xung kích được thành lập từ các cán bộ viên chức. Mỗi năm lực lượng này được tập huấn một lần để luôn trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu khi có sự cố mất an ninh bất ngờ xảy ra.[H9.09.05.14][H9.09.05.15] [H9.09.05.16][H9.09.05.17].

Nhà ăn, căng tin của Nhà trường đã thực hiện đầy đủ các tiêu chuẩn đảm bảo an toàn thực phẩm, chế độ dinh dưỡng phục vụ thường xuyên cho CB, GV và người học [H9.09.05.18].

Để đảm bảo an ninh trường học, Nhà trường xây dựng các quy định, nội quy giảng đường, nhà xe, hội trường và quy định về việc đeo thẻ cho cán bộ và giảng viên thống nhất thực hiện trong toàn trường [H09.09.05.19].

2. Điểm mạnh

- Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn dựa trên các cơ sở quy chuẩn của các Bộ, ngành liên quan được Nhà trường đáp ứng và đặc biệt có chú trọng đến nhu cầu của người khuyết tật.

- Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai toàn diện và có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật.

3. Điểm tồn tại

Việc hỗ trợ cho SV khuyết tật mới chỉ dừng lại ở sự bố trí các phòng học ở tầng 1, bước đầu có hệ thống đường dành riêng cho người khuyết tật. Một số khu giảng đường cao tầng chưa có thang máy để hỗ trợ cho SV khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nghiên cứu lắp thang máy cho các khu nhà cao tầng	Phòng CSVC	Từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật và quan tâm đến các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn.	Phòng CSVC Khoa Tin học	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 9:

Cơ sở vật chất và trang thiết bị của Khoa Tin học nói riêng, Trường ĐHSP nói chung đã đáp ứng được yêu cầu học tập của sinh viên và giảng viên. Trong tương lai, để đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu của người học, Trường và Khoa phải có thêm những cải tiến mới được xác định trong kế hoạch hành động của từng tiêu chí.

Tiêu chuẩn 9 có 5 tiêu chí với đánh giá chung: 5/7

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu:

Trường và Khoa luôn xác định nâng cao chất lượng trong giáo dục đại học là yêu cầu bắt buộc trong quá trình đào tạo. Khoa luôn cải tiến các yêu cầu cơ bản về kiến thức, kỹ năng và thái độ, năng lực của người học; môi trường và các cơ hội học tập cũng như chất lượng của CTĐT. Đây là một quá trình liên tục nỗ lực cải tiến và áp dụng các kinh nghiệm tốt từ các chương trình đào tạo tiên tiến trong và ngoài nước. Để đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo, tạo sự tin tưởng của người học cũng như các bên liên quan đối với ngành CNTT, CTĐT ngành CNTT được thường xuyên định kỳ rà soát, qua đó đảm bảo tính cập nhật và phù hợp. Hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng chương trình luôn chú trọng đến các vấn đề sau: xây dựng CDR, quy trình thiết kế và phát triển CTĐT, cách tiếp cận trong giảng dạy, học tập và đánh giá người học, các nguồn lực, cơ sở vật chất và trang thiết bị, dịch vụ hỗ trợ, việc ứng dụng các thành quả nghiên cứu, xây dựng cơ chế thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan một cách hiệu quả.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT

1. Mô tả

Với mục tiêu đào tạo ra các SV có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện nền giáo dục và hội nhập giáo dục trên thế giới, CTĐT ngành CNTT được thiết kế dựa trên sự tham khảo các trường trong và ngoài nước để có những điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện và sự phát triển của Việt Nam. CTĐT ngành CNTT cũng được điều chỉnh theo hướng coi trọng đào tạo năng lực và tạo sự thuận tiện cho người học. Việc rà soát, điều chỉnh CDR, CTĐT đều được thực hiện theo quy trình và có sự so sánh giữa CTĐT trong nước và quốc tế, và được thực hiện theo quy trình, quy định của Nhà trường trong đó có bước khảo sát ý kiến của các bên liên quan [H10.10.01.01] [H10.10.01.02] [H10.10.01.03]

Nhà trường, khoa và CTĐT đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nghiên cứu viên, nhân viên, người học, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp). Để việc khảo sát được hiệu quả, Khoa đã xây dựng quy trình, lập kế hoạch thực

hiện, phân công nhiệm vụ cho cán bộ thực hiện khảo sát, thu thập thông tin liên quan đến việc xây dựng và phát triển CTĐT [H10.10.01.04]. Hoạt động khảo sát được tổ chức định kỳ hàng năm.

Khoa Tin học sử dụng thông tin phản hồi và nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của các đơn vị liên quan làm căn cứ để thiết kế CTĐT. Để có các thông tin phản hồi, Khoa đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTĐT và phản hồi từ các bên liên quan (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, NCV, nhân viên, SV, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và SV đã tốt nghiệp). Điều đó đã được thể hiện ở Thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H10.10.01.05], văn bản hướng dẫn rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo của trường ĐHSP-ĐHĐN [H10.10.01.06]; biên bản họp đào tạo cấp Khoa, Tổ giao nhiệm vụ thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H10.10.01.07][H10.10.01.08]. Ngoài ra, hàng năm, Khoa thường tổ chức Hội thảo Tuần Doanh nghiệp, khảo sát nhà tuyển dụng về sự hài lòng của các bên liên quan đến chất lượng cử nhân CNTT về kiến thức, kỹ năng, thái độ; đánh giá về sự phù hợp của CDR để điều chỉnh CTĐT [H10.10.01.09].

Sau khi có được ý kiến của các bên liên quan thông qua phiếu hỏi, phỏng vấn, toạ đàm trực tiếp tại Hội nghị, Hội thảo, Seminar có thể tổng hợp lại thành 2 cách xử lý thông tin theo phương pháp định tính và định lượng. Đối với các ý kiến thu thập từ phỏng vấn, đối thoại được ghi trong biên bản từ Hội thảo, Hội nghị, Seminar được tổng hợp thành nhóm các ý kiến giống nhau; Đối với các ý kiến được khảo sát thông qua phiếu được tính toán dựa trên phần mềm thống kê toán học để đảm bảo độ chính xác và tin cậy của các thông tin. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thu thập, xử lý và viết thành báo cáo tổng hợp, từ đó áp dụng vào điều chỉnh chương trình đào tạo [H10.10.01.10]. Bên cạnh đó, mỗi năm học, CTĐT đều được lấy ý kiến đánh giá của GV, SV cuối khóa về CTĐT, những ý kiến này là cơ sở để xây dựng, cải tiến, điều chỉnh CTĐT [H10.10.01.11].

Hàng năm, Trường và Khoa Tin học đã tổ chức thu thập dữ liệu về tình hình sinh viên tốt nghiệp, việc làm của SV. Đến nay, Trường và Khoa đã có cơ sở dữ liệu về địa chỉ liên lạc và tình hình việc làm của SV tốt nghiệp. Các dữ liệu nói trên được lưu thành văn bản tại Phòng KT&ĐBCLGD. Qua những thông tin này, Khoa đánh giá lại quá trình đào tạo, cải tiến điều chỉnh CTĐT sao cho phù hợp nhằm giúp người học được trang bị những kiến

thức, kỹ năng và năng lực cần thiết trước khi tốt nghiệp. Điều này thể hiện rõ qua các biên bản phản biện, xây dựng CDR, CTĐT [H10.10.01.12].

Thông qua các đợt khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV (2 lần/năm), tổng hợp số liệu ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV, Khoa thực hiện thảo luận về điểm mạnh, điểm tồn tại và các biện pháp khắc phục và lập kế hoạch nâng cao chất lượng hoạt động GD của GV. Các kết quả đánh giá này được gửi đến tài khoản cá nhân của GV để họ nắm tình hình đánh giá của SV, trên cơ sở đó, GV tự rút kinh nghiệm, điều chỉnh hoạt động cá nhân.

Thực hiện theo đúng chủ trương cải tiến chất lượng đào tạo, giảng dạy, năm 2019, Trường tiếp tục điều chỉnh lần 2 CTĐT ngành CNTT sau 2 năm đào tạo. Trong quá trình cập nhật điều chỉnh CTĐT, Khoa Tin học mời các chuyên gia cùng chuyên ngành có uy tín từ các trường đại học, các viện nghiên cứu, các nhà tuyển dụng lao động, giảng viên và cán bộ quản lý, sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan sử dụng làm căn cứ điều chỉnh CTĐT lần 2 nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội. Qua các góp ý của các bên liên quan cho thấy, hầu hết các ý kiến cho rằng CTĐT ngành CNTT là hợp lý, tên các học phần, số tín chỉ của các học phần là phù hợp, tuy nhiên trong CTĐT cần tăng thêm các kỹ năng cho sinh viên. Dựa trên kết quả điều tra, Khoa Tin học đã thiết kế và phát triển CTDH ngành CNTT cho khóa đại học hệ chính quy 2020 với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa là 130 tín chỉ.

Để có được kết quả như trên, Nhà trường và khoa đã xây dựng các quy định, mẫu phiếu điều tra khảo sát cụ thể và kế hoạch lấy ý kiến khảo sát, phản hồi của các bên liên quan kịp thời và đều đặn, nhằm phục vụ cho việc đánh giá và điều chỉnh CTĐT của khoa. Khoa Tin học và Phòng KT&ĐBCLGD tiếp nhận các thông tin phản hồi của các bên liên quan qua điều tra bằng bảng hỏi, hội thảo, điều tra bằng bảng hỏi qua internet [H10.10.01.07].

Các thông tin phản hồi thu thập được đảm bảo tính khoa học, độ tin cậy, là căn cứ quan trọng để Khoa thiết kế và phát triển CTDH. Khoa đã sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan để làm căn cứ thiết kế, xây dựng và điều chỉnh, phát triển CTDH [H10.10.01.08]. Khoa đã điều chỉnh CTDH với số lượng tín chỉ phù hợp, tăng cường môn

thực hành, bổ sung thêm các học phần về tham vấn học đường... nhằm giúp sinh viên rèn luyện nâng cao kỹ năng CNTT.

2. Điểm mạnh

- Việc lấy ý kiến của các bên liên quan được tiến hành theo quy trình hướng dẫn, phương pháp lấy ý kiến khoa học, tin cậy; sự phối hợp để cung cấp thông tin của các bên liên quan khá tích cực, hiệu quả. Những điểm mạnh này có được xuất phát từ mối quan hệ gắn bó của Khoa với các cơ sở tuyển dụng, phối hợp thực hành, thực tập; ngoài ra có sự hỗ trợ của đội ngũ các chuyên viên chuyên trách của các phòng, ban trong Nhà trường.

- Khoa Tin học còn lấy ý kiến của các bên liên quan được tiến hành theo quy trình hướng dẫn, do đó Khoa luôn nhận được ý kiến của các bên liên quan để cải tiến CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Trong quá trình khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, số lượng phiếu điều tra thu thập ý kiến của các bên liên quan còn hạn chế vì phạm vi khảo sát chủ yếu tại khu vực thành phố Đà Nẵng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Tiếp tục tiếp nhận những góp ý về mức độ phù hợp của CTĐT để điều chỉnh CTĐT theo quy định của Bộ GD&ĐT định kỳ 2 năm/lần, nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, giảng dạy. - Xây dựng và thực hiện kế hoạch lấy ý kiến khảo sát từ các	Phòng ĐT Phòng KT&ĐBCLGD Khoa Tin học Tổ CNTT	Từ năm học 2020 - 2021	

		bên liên quan định kỳ theo quy định của Bộ GD&ĐT.			
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì kinh nghiệm triển khai lấy ý kiến của các bên liên quan, phát huy các phương pháp lấy ý kiến hiệu quả, tin cậy	Phòng KT&ĐBCLGD Khoa Tin học	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTĐT được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Chương trình dạy học ngành CNTT được thiết lập một cách rõ ràng, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. CTĐT được thiết lập căn cứ vào CDR ngành CNTT, định kỳ điều chỉnh, đánh giá tính hiệu quả thông qua những ý kiến khảo sát, phản hồi từ các bên liên quan.

Trường/ Khoa thực hiện quy trình xây dựng và phát triển CTĐT theo quy định của Bộ GD&ĐT, thể hiện rõ cấu trúc, khối lượng, kiến thức và CDR cần đạt được của người học [H10.10.02.01] [H10.10.02.02] [H10.10.02.03][H10.10.02.04]. Nhà trường giao cho Phòng Đào tạo là đầu mối tổ chức chỉ đạo các khoa việc thực hiện xây dựng và phát triển CTĐT [H10.10.02.05]. Khoa là đơn vị trực tiếp xây dựng, thiết kế và phát triển CTĐT theo hướng dẫn. CTĐT ngành CNTT tiến hành phát triển CTĐT sao cho phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể theo quy định của nhà trường. CTĐT bao gồm các thành tố: mục tiêu, CDR, tổ chức thực hiện, đánh giá, cải tiến chất lượng; các hướng phát triển chương trình, đối sánh trong nước, quốc tế và được thiết kế theo hướng phát triển năng lực người học, giúp người học hình thành năng lực thực hành nghề nghiệp, đảm bảo cho mọi SV ra trường đều có việc làm và được xây dựng theo quy trình được quy định tại các văn bản của nhà trường. Bộ môn/chương trình và Hội đồng Khoa tổ chức họp và thông qua CTĐT [H10.10.02.06].

Chương trình dạy học được định kỳ điều chỉnh và đánh giá tính hiệu quả từ ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Căn cứ vào việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập

dựa trên văn bản hướng dẫn quy trình; căn cứ vào kết quả xử lý phiếu khảo sát dữ liệu lấy ý kiến của các bên liên quan; Khoa Tin học đã rà soát, cải tiến lại những nội dung chương trình, điều đó đã được thể hiện ở chương trình dạy học được điều chỉnh 2019 như việc tăng thêm số lượng tín chỉ thực hành trong môn học, tăng tính chuyên sâu và liên mạch của của chương trình môn học [H10.10.02.06].

CTĐT ngành CNTT đã điều chỉnh 3 lần, đó là các năm 2015, 2017 và 2019. Trong mỗi lần điều chỉnh, Khoa đều thực hiện theo đúng quy trình.

Trong mỗi lần điều chỉnh, Khoa Tin học thành lập nhóm chuyên gia về chuyển đổi CTĐT bao gồm đại diện các cơ sở sử dụng SV tốt nghiệp; giảng viên; cán bộ quản lý các cấp; các chuyên gia trong lĩnh vực CNTT [H10.10.02.07]. Theo hướng dẫn của trường ĐHSP - ĐHĐN, nhóm chuyên gia đề xuất chương trình, sau đó Hội đồng khoa Khoa CNTT đã thảo luận để thống nhất [H10.10.02.08][H10.10.02.09]. Các nội dung trong khung chương trình dự thảo được gửi đến giảng viên, các nghiên cứu viên, chuyên gia CNTT, các nhà tuyển dụng để lấy ý kiến góp ý, phản biện trước khi thẩm định [H10.10.02.10]. Sau khi thẩm định, nhóm chuyên gia tiếp thu ý kiến góp ý của hội đồng cấp Trường và chỉnh sửa theo kết luận trong biên bản để trường ĐHSP-ĐHĐN thẩm định lần cuối và chính thức ban hành khung CTĐT Khoa Tin học sau điều chỉnh năm 2017, 2019 [H10.10.02.11][H10.10.02.12].

CTĐT ngành CNTT hằng năm được định kỳ rà soát, đánh giá việc thiết kế và phát triển. Hoạt động này là bắt buộc tại CTĐT CNTT. Định kỳ sau mỗi năm học, CTĐT CNTT sẽ gửi phiếu khảo sát CTĐT cho các bên liên quan đánh giá sự phù hợp của CT, những phương pháp tiếp cận dạy và học có góp phần hỗ trợ người học hoàn thành CTĐT,...

Căn cứ vào chuẩn đầu ra ban hành trong các giai đoạn của CTĐT trình độ đại học ngành CNTT, Khoa sẽ tiến hành đánh giá việc thực hiện chuẩn đầu ra trong việc biên soạn đề cương các học phần, giáo trình đáp ứng chuẩn đầu ra mới. Trong quá trình thực hiện CTĐT, Nhà trường và Khoa định kỳ tổ chức hoạt động khảo sát ý kiến giảng viên về chất lượng CTĐT, tính thiết yếu của các học phần trong chương trình để thường xuyên cải tiến nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt kết quả học tập mong đợi của SV và đáp ứng yêu cầu của xã hội [H10.10.02.13]. Ngoài ra, ý kiến của các chuyên gia có uy tín, giảng viên thường xuyên được ghi nhận trong các biên bản của các Hội nghị, Hội thảo, Hội nghị

thực tập thực tế của Khoa, các Tọa đàm trao đổi thông tin học thuật nhằm củng cố các khối kiến thức lý thuyết gắn với thực hành nghề, đem lại sự tiếp cận đa dạng cho người học về nghề nghiệp chuyên môn từ thực tiễn chuyên môn của các chuyên gia [H10.10.02.14].

Việc điều chỉnh, cập nhật CTĐT có sự đối chiếu từ các CTĐT chuyên ngành CNTT của các trường đại học có uy tín trong nước và nước ngoài [H10.10.02.15] .

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá và cải tiến CTĐT được thực hiện định kỳ 2 năm/lần theo quy trình thống nhất của trường ĐHSP-ĐHĐN. CTĐT được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Số lượng ý kiến phản hồi thu nhận để cải tiến CTĐT được chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Tiếp tục khảo sát các bên liên quan để có nhiều góp ý hơn cho việc thiết kế và phát triển CTĐT chuyên sâu của ngành CN CNTT. - Tiếp tục cập nhật, điều chỉnh CTĐT theo tiến độ 2 năm/lần theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo đáp ứng theo yêu cầu của xã hội.	Khoa Tin học Tổ CNTT	Từ năm học 2020 - 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức tốt hoạt động thiết kế và phát triển chương trình dạy học	Khoa Tin học	Hàng năm	

			Tổ CNTT		
--	--	--	------------	--	--

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Trường ĐHSP-ĐHĐN đã áp dụng hệ thống các quy trình để rà soát quá trình tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT trong quá trình thực hiện CTĐT [H10.10.03.01][H10.10.03.02]. Nhà trường đã xây dựng một hệ thống giám sát chặt chẽ tiến trình này nhằm đảm bảo tính đồng bộ và phù hợp với những gì đã thiết kế và công bố [H10.10.03.03]. Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Để tổ chức đảm bảo chất lượng dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên đảm bảo tính tương thích với chuẩn đầu ra môn học và chương trình đào tạo, Khoa Tin học dựa vào Quy chế đào tạo của Đại học Đà Nẵng ban hành năm 2015 [H10.10.03.04]. Vấn đề rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập người học được thực hiện thường xuyên, định kỳ.

Để tiến tới cải tiến hoạt động đánh giá người học theo năng lực tích lũy, các học phần đều đã xây dựng dựa trên CDR học phần/đề cương chi tiết học phần, công bố công khai tới SV trên trang web của Khoa. Mục đích của việc thiết kế là để chuẩn hóa hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập, đảm bảo đánh giá chính xác, công bằng và phù hợp với mục tiêu đào tạo, góp phần chuẩn hóa và nâng cao chất lượng giảng dạy; đồng thời giúp người học chủ động lập kế hoạch học tập có chiến lược và phương pháp, đáp ứng CDR của học phần. Đến thời điểm này, đề cương học phần được chuẩn hóa trong toàn bộ CTĐT. Tất cả đề cương môn học đều được rà soát, điều chỉnh hằng năm nhằm cập nhật những thông tin

về nội dung môn học, trọng số đánh giá, phương pháp dạy học, danh mục tài liệu tham khảo hay cách thức đánh giá quá trình hoặc hình thức kiểm tra kết thúc học phần. Mỗi đề cương chi tiết có chỉnh sửa đều được thông qua nhóm GV dạy, thành lập hội đồng phản biện và làm tờ trình đề xuất điều chỉnh gửi khoa, Phòng Đào tạo Đại học trình duyệt thông qua đề cương môn học mới. Và mọi chỉnh sửa về đề cương đều dựa trên ý kiến đóng góp các chuyên gia, hội đồng phản biện ĐCCT.

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và học phần. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của giảng viên đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm. Chú trọng đánh giá việc đổi mới PPGD và kiểm tra, đánh giá theo hướng hình thành và phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu cho người học nên các tiêu chí trung cầu ý kiến người học tập trung đánh giá việc áp dụng các PPGD tích cực, các phương pháp kiểm tra, đánh giá hiện đại theo tiếp cận đánh giá quá trình. Đồng thời nhằm kiểm tra mức độ phù hợp và tương thích với CDR của CTĐT, các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá, SV năm cuối ngành CNTT được thực hiện tự đánh giá để kiểm tra năng lực tích lũy kiến thức và kỹ năng theo CDR [H10.10.03.02].

Hàng năm, Khoa Tin học kết hợp với Phòng đào tạo rà soát, đánh giá quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của sinh viên thông qua buổi họp Khoa; các buổi họp xét học vụ [H10.10.03.05]. Mỗi học kỳ, hoạt động giảng dạy của GV được đánh giá từ người học. Kết quả này được Khoa thông báo đến GV để biết điều chỉnh kịp thời phương pháp giảng dạy phù hợp. Bên cạnh đó, nhằm đánh giá và nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên, khoa và Tổ bộ môn thường xuyên giám sát, kiểm tra, dự giờ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng GV theo định kỳ. Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng KT&ĐBCLGD của Nhà trường đều phối hợp với Khoa tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động kiểm tra đánh giá. Nhiều học phần trong CTĐT ngành cử nhân CNTT của Khoa Tin học đều được lấy ý kiến đánh giá. Kết quả thu được cho thấy chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và được SV đánh giá cao

[H10.10.03.06], [H10.10.03.07].

Mỗi học kỳ, Khoa Tin học tổ chức các buổi Đối thoại sinh viên nhằm mục đích kịp thời nắm bắt về tình hình chung của SV cũng như công tác đào tạo, thi cử, kiểm tra, đánh giá [H10.10.03.08] [H10.10.03.09].

Ngoài ra, công tác cố vấn học tập, Khoa cũng quy định trách nhiệm của đội ngũ này trong việc theo dõi tình hình, kết quả học tập của SV từng học kỳ để tư vấn cho SV đăng ký, điều chỉnh kế hoạch học tập sao cho phù hợp.

Tất cả ý kiến đóng góp từ các bên liên quan về phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập được tiếp thu và Khoa tích cực triển khai cải tiến nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.

2. Điểm mạnh

- Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc.

- Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của Trường ĐHSP-ĐHĐN, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học.

3. Điểm tồn tại

Một số sinh viên chưa thích nghi với phương pháp học tập mới. Việc triển khai chấm thi tự động chỉ mới triển khai ở một số môn liên quan đến kỹ thuật lập trình, chưa triển khai được cho tất cả các học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú

1	Khắc phục tồn tại	Sẽ triển khai chấm tự động cho tất cả các môn học liên quan về lập trình	Khoa Tin học Tổ CNTT	Từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì sự phối hợp đồng bộ và đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá của giảng viên trong Khoa	Khoa Tin học	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả

Các kết quả NCKH được Khoa Tin học sử dụng để cải tiến việc dạy và học. Trong các tiêu chí đánh giá giờ giảng của GV thì đây là một yêu cầu bắt buộc. Hàng năm, Trường cũng như Khoa Tin học khuyến khích các GV và SV tham gia NCKH trong đó thể hiện mục tiêu sử dụng kết quả đó phục vụ cho việc dạy và học [H10.10.04.01].

Đối với GV, NCKH là nhiệm vụ được quy định và Nhà trường có các hình thức hỗ trợ đồng viên phù hợp và được khen thưởng kịp thời [H10.10.04.02] [H10.10.04.03][H10.10.04.04]. Ngoài ra, NCKH cũng là tiêu chí quan trọng quyết định kết quả thi đua của giảng viên. Tính từ năm 2016 đến nay, CTĐT ngành CNTT của Trường ĐHSP-ĐHĐN đã thực hiện được 11 đề tài cấp trường được giao, biên soạn được 2 giáo trình, 3 tài liệu tham khảo, 29 bài đăng tạp chí chuyên ngành, 15 bài hội thảo quốc tế,...[H10.10.04.05]. Các tài liệu này được giới thiệu trực tiếp trong chương trình đào tạo. Bên cạnh đó các nghiên cứu về cải tiến phương pháp giảng dạy cũng được đẩy mạnh, cụ thể Nhà trường đã triển khai phương pháp giảng dạy hòa hợp tích cực, từ đó việc dạy và học đạt hiệu quả hơn, chất lượng bài giảng được cập nhật theo xu hướng mới giúp nâng cao chất lượng học tập của người học.

Dưới đây là bảng thống một số đề tài được ứng dụng trong giảng dạy của giảng viên và học tập của SV trong giai đoạn từ năm 2015 - 2020:

Bảng 10.4.1. Bảng thống một số đề tài được ứng dụng trong giảng dạy và học tập của GV và SV trong giai đoạn từ năm 2016 - 2020

TT	Tên đề tài	Năm nghiệm thu	Lĩnh vực ứng dụng
1	Xây dựng phần mềm khảo sát và vẽ đồ thị các hàm số cấp trên các thiết bị di động	2016	CNTT
2	Xây dựng hệ thống quản lý thảm thực vật trên nền Open GIS	2016	CNTT
3	Xây dựng ứng dụng di động hỗ trợ tìm kiếm, chia sẻ thông tin	2017	CNTT
4	Nghiên cứu một số phương pháp học máy và ứng dụng	2017	CNTT
5	Ứng dụng E-Learning trong dạy học sinh học ở trường phổ thông	2017	CNTT
6	Ứng dụng công nghệ IOT xây dựng	2018	CNTT
7	Chatbot Tư Vấn Tuyển Sinh	2018	CNTT
8	Hệ thống điều khiển thiết bị điện bằng giọng nói trên nền tảng Android	2018	CNTT
9	Xây dựng hệ thống thi cử chấm điểm, thu bài trắc nghiệm tự động phục vụ công tác thi cử.	2019	CNTT

Bên cạnh việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, Khoa thường xuyên tổ chức các Seminar và Hội nghị khoa học cấp Khoa nhằm định hướng nghiên cứu, công bố các kết quả nghiên cứu của giảng viên đến cho đồng nghiệp và sinh viên, từ đó có những ứng dụng hiệu quả vào hoạt động dạy học, cũng như cải tiến, bổ trợ cho chất lượng nội dung dạy học, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra môn học và chương trình đào tạo [H10.10.04.06].

Hầu hết SV học cử nhân CNTT được tham gia NCKH thông qua hình thức làm tiểu luận Đồ án chuyên ngành và khóa luận cuối khóa [H10.10.04.07].

Các đề tài nghiên cứu của giảng viên còn góp phần thúc đẩy phong trào sinh viên nghiên cứu khoa học. Điều đó được thể hiện ở các đề tài sinh viên NCKH và các công bố

của sinh viên trên các tạp chí, Hội thảo, Hội nghị - từ đó thúc đẩy việc học tập đảm bảo chất lượng ở người học [H10.10.04.08]. Cụ thể ở bảng sau:

Bảng 10.4.2: Bảng thống kê các đề tài và các công bố SVNCKH tiêu biểu trong giai đoạn từ năm 2016 - 2020

TT	Tên đề tài SVNCKH và bài báo khoa học được công bố	Năm bảo vệ
1	Một giải pháp hỗ trợ khảo sát và vẽ đồ thị hàm số trên các thiết bị di động	2016
2	Xây dựng ứng dụng di động hỗ trợ tìm kiếm, chia sẻ thông tin	2017
3	Hệ thống điều khiển thiết bị điện bằng giọng nói trên nền tảng Android	2018
4	Xây dựng hệ thống thi cử chấm điểm, thu bài trắc nghiệm tự động phục vụ công tác thi cử.	2019

Bên cạnh các chính sách chung của trường hỗ trợ cho GV tham gia hội thảo, hội nghị, đăng bài báo khoa học ở tạp chí khoa học cấp Trường, cấp liên Trường, cấp cấp gia, quốc tế, hội nghị NCKH ở trường,....

Trong nhiều năm qua, GV và SV của Khoa Tin học đã tập trung nghiên cứu những vấn đề thực tiễn liên quan đến việc dạy và học. Các kết quả NCKH được áp dụng và chuyển tải thành nội dung, chuyên đề giảng dạy trong CTĐT của GV và SV biết vận dụng những kiến thức lý thuyết trong thực hành, đồng thời nâng cao năng lực NCKH của bản thân.

2. Điểm mạnh

Phong trào Olympic Tin học sinh viên Khoa rất mạnh, năm nào cũng đạt được nhiều giải trong các kỳ thi Olympic Tin học Quốc Gia hằng năm.

3. Điểm tồn tại

Số lượng bài báo có chỉ số quốc tế nằm trong danh mục ISI và SCOPUS còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực	Thời gian thực hiện	Ghi chú
----	----------	----------	--------------------	---------------------	---------

			hiện	hoặc hoàn thành	
1	Khắc phục tồn tại	Khuyến khích Đăng tải được các bài báo trên tạp chí quốc tế có chỉ số (SCOPUS, ISCI)	Phòng KH&HTQT Khoa Tin học Tổ CNTT	Từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì và phát huy hoạt động của nhóm nghiên cứu giảng dạy và khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học.	Phòng KH&HTQT Khoa Tin học Tổ CNTT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) có ảnh hưởng một phần đến công tác giảng dạy, học tập, NCKH. Trong những năm gần đây, Trường ĐHSP_ĐHĐN đã liên tục cải tiến, nâng cao chất lượng các dịch vụ, tiện ích như trang bị thêm nhiều tư liệu từ điện tử cho đến các đầu sách, liên kết với nhiều cơ sở dữ liệu điện tử hỗ trợ tìm kiếm tài liệu chuyên ngành, hệ thống công nghệ thông tin được nâng cấp phục vụ cho học tập online [H10.10.05.01][H10.10.05.02].

Nhà trường luôn nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy như kế hoạch mua sắm vật tư phục vụ thực hành thí nghiệm, đầu tư máy móc phục vụ thực hành giảng dạy hay không gian tự học [H10.10.05.03][H10.10.05.04]. Tất cả kế hoạch đều thực hiện theo quy trình hợp lý vận dụng linh hoạt theo từng thời điểm và luôn hỗ trợ kịp thời cho kế hoạch học tập của từng học phần. Nhà trường thực hiện duy trì cơ sở vật chất bằng việc kiểm tra và thay thế các trang thiết bị hỏng hóc trước khi mỗi học kì bắt đầu. Để nâng cao chất lượng

hỗ trợ các phòng Lab, máy tính và thư viện sẽ nhận các phản hồi từ sinh viên và GV mỗi năm. Dựa trên các phản hồi này, khoa sẽ gửi các đề nghị lên cấp nhà trường yêu cầu sự hỗ trợ cần thiết [H10.10.05.05] [H10.10.05.06] [H10.10.05.07]

Nhà trường có hệ thống mạng Internet dùng chung cho toàn trường. Hệ thống này được trang bị rộng khắp khuôn viên trường, thư viện và trong kí túc xá, bao gồm cả mạng không dây 9 (wifi) và mạng có dây (cable). Trong quá trình dạy học, GV thường cho SV làm bài tập nhóm và yêu cầu SV sử dụng mạng internet để tìm kiếm thu thập thông tin phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu. Tuy nhiên, hệ thống mạng Internet đôi lúc còn chậm gây khó khăn cho việc truy cập. Trong năm học 2019-2020, Nhà trường đã áp dụng hệ thống Elearning triển khai các học phần chung và học phần đại cương cho nhiều khoa trong đó có khoa Tin học [H10.10.05.08].

Trường ĐHSP-ĐHĐN trang bị hệ thống hỗ trợ quản lý đào tạo để cung cấp các lịch dạy và học cho GV và sinh viên. Các trợ lý khoa được cấp tài khoản riêng truy cập vào hệ thống để thực hiện các chức năng chuyên trách. Tại thư viện, tài liệu được số hóa để bảo quản, nguồn học liệu được quản lý bằng phần mềm. Thư viện điện tử của Trường bao gồm phần mềm hỗ trợ nghiệp vụ Libol 6.0, trang web và các nguồn tài nguyên điện tử khác... Hàng năm, Khoa đề xuất nhà trường bổ sung, cập nhật cho thư viện vốn tài liệu, sách vở cần cho việc giảng dạy và học tập, nghiên cứu. Định kỳ, Phòng KT&ĐBCLGD lấy ý kiến phản hồi của GV, SV về mức độ đáp ứng tài liệu của thư viện phục vụ công tác đào tạo và NCKH của GV, SV [H10.10.05.09].

Ngoài ra, Trường còn khu tự học với không gian thoáng mát tạo thuận lợi cho sinh viên tự học, tự nghiên cứu.

Dịch vụ y tế chăm sóc sức khỏe học đường cũng được Trường rất quan tâm đặc biệt các chính sách hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ, hay các dịch vụ về bảo hiểm y tế cho sinh viên Nhà trường còn ban hành chính sách hỗ trợ sinh viên khuyết tật như miễn giảm học phí, hay sắp lịch học phù hợp đối với những lớp học phần có sinh viên khuyết tật. Các kế hoạch nâng cấp dịch vụ y tế cũng được thống kê hàng năm lập kế hoạch thực hiện và đánh giá hiệu quả sử dụng.

Định kỳ, các đơn vị liên quan đều lấy ý kiến GV, SV cán bộ về các hoạt động hỗ trợ của đơn vị. Thông qua các kết quả phân tích, Trường và Khoa xem xét rà soát và có kế

hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo. Cụ thể chất lượng hoạt động dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá qua các năm, đa số đều được hài lòng thỏa mãn nhu cầu của đối tượng được khảo sát [H10.10.05.09].

Để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của người học, Nhà trường, Khoa yêu cầu các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ cần xác định rõ ràng những hạn chế và lập kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng phục vụ người học. Về cơ bản các hoạt động từ thư viện, cơ sở vật chất, đến hoạt động hỗ trợ học tập, NCKH,... của SV đều được cải thiện tích cực hơn, đảm bảo ngày càng phục vụ tốt hơn cho hoạt động học tập, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Như vậy, cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện định kỳ, bài bản, được đánh giá và cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho SV.

2. Điểm mạnh

- Các giảng đường được trang bị những thiết bị cơ bản nhất phục vụ cho việc học tập như máy chiếu, micro, ánh sáng, v.v... Có các phòng thực hành phục vụ cho hoạt động dạy học chuyên ngành mang tính đặc thù của CNTT.

- Về tư liệu, ngoài thư viện của trường ĐHSP-ĐHĐN, tại Đại học Đà Nẵng có Trung tâm học liệu cung cấp thêm các nguồn tư liệu cho SV chuyên ngành CNTT.

3. Điểm tồn tại

Thư viện Nhà trường đang trong giai đoạn sửa chữa nên gây khó khăn cho hoạt động học tập, nghiên cứu của người học và giảng viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhanh chóng hoàn thành Thư viện điện tử để đưa vào hoạt động phục vụ cho hoạt động học tập và nghiên	Phòng CSVC Khoa Tin		

		cứu của GV và SV	học	Từ năm học 2020- 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tăng cường hoạt động tại các phòng thực hành của Khoa - Duy trì việc hỗ trợ cho sinh viên có nhu cầu hỗ trợ	Khoa Tin học	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Phòng KT&ĐBCLGD Trường ĐHSP-ĐHĐN là đầu mối để triển khai hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục cấp trường, đánh giá chất lượng giáo dục các CTĐT và thực hiện các hoạt động đánh giá chất lượng thông qua phản hồi của các bên liên quan. Phòng có nhiệm vụ tham mưu cho Nhà trường các hoạt động ĐBCL: tự đánh giá CSGD, CTĐT, đánh giá hoạt động GD của GV, khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, Khảo sát sự hài lòng của sinh viên tốt nghiệp về khóa học... Các thông tin phản hồi sẽ được xử lý và gửi báo cáo cho nhà trường, khoa đào tạo [H10.10.06.01].

Nhà trường ban hành những quy trình, quy định và hướng dẫn thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan một cách cụ thể, rõ ràng với cơ chế phản hồi mang tính hệ thống [H10.10.06.02][H10.10.06.03] [H10.10.06.04] [H10.10.06.05]. Trường đã xây dựng công cụ thu thập thông tin phản hồi về HĐGD của GV, chất lượng của ĐT, NCKH... được thiết kế khoa học; có phần mềm nhập liệu, xử lý và phân tích kết quả khảo sát. Với cơ chế thu thập thông tin phản hồi như: khảo sát, bảng hỏi, đối thoại,... thường được sử dụng để thu thập ý kiến phản hồi và các góp ý từ SV về hoạt động giảng dạy được tổng hợp và làm cơ sở để lập kế hoạch cho việc phát triển đội ngũ GV cũng như cải tiến phương pháp giảng dạy, hay các hoạt động hỗ trợ giảng dạy [H10.10.06.06].

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện mang tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến liên tục, thường xuyên. Để hoạt động có chất lượng, trong quá trình đánh giá chất lượng CTĐT ngành cử nhân CNTT, Phòng KT&ĐBCLGD đã xây dựng, hoàn thiện hệ thống các bảng hỏi phục vụ hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để thu thập thông tin nhằm đánh giá chất lượng giáo dục CTĐT định kỳ [H10.10.06.07]

Trong các giai đoạn điều chỉnh, cập nhật CTĐT trình độ đại học ngành cử nhân CNTT, kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ điều chỉnh khối lượng kiến thức các học phần trong chương trình, điều chỉnh chuẩn đầu ra... Trong các lần điều chỉnh, hệ thống bảng hỏi đều có sự điều chỉnh cho phù hợp nhằm thu thập thông tin chuẩn xác nhất [H10.10.06.08].

Định kỳ, hàng năm, các hoạt động đánh giá chất lượng thông qua phản hồi từ các bên liên quan đều được Phòng KT&ĐBCLGD phối hợp với Khoa thực hiện theo đúng hướng dẫn của trường ĐHSP - ĐHDN. Hiện nay, theo quy định và Hướng dẫn của ĐHDN, vào cuối năm học hàng năm, tất cả các giảng viên cơ hữu của Khoa Tin học phải thực hiện hoạt động tự đánh giá 4 nhiệm vụ: nhiệm vụ giảng dạy; nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và nhiệm vụ chuyển giao công nghệ; nhiệm vụ quản lý đào tạo và nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn [H10.10.06.09].

Ngoài ra, Khoa Tin học phối hợp với Phòng KT&ĐBCLGD thực hiện hoạt động lấy ý kiến của người học về học phần, hoạt động lấy ý kiến phản hồi về chất lượng hoạt động hỗ trợ người học [H10.10.06.07].

Việc thu thập thông tin phản hồi từ doanh nghiệp là nguồn thông tin quan trọng để Khoa có chiến lược phù hợp nhằm nâng cấp hiệu chỉnh CTĐT. Các kết quả này được thu nhận và được tổng hợp từ các doanh nghiệp có sử dụng nhân lực của CTĐT Cử nhân CNTT và các doanh nghiệp có sử dụng nhân sự là cựu SV của CTĐT [H10.10.06.10]. Việc khảo sát được thực hiện linh hoạt bằng nhiều phương thức như phỏng vấn thông qua các phiên giao dịch việc làm hay phỏng vấn trực tiếp nhà tuyển dụng. Hoạt động lấy ý kiến phản hồi của cựu người học về CTĐT được thực hiện 01 lần/năm. Kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng trong các hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục CTĐT đại học ngành cử nhân CNTT. Thông qua ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Khoa Tin

học có những điều chỉnh trong việc rà soát chuẩn đầu ra các CTĐT, phát triển CTĐT, đổi mới PPDH, kiểm tra đánh giá [H10.10.06.11].

2. Điểm mạnh

- Cơ chế phản hồi của các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng đào tạo được thực hiện định kỳ, có tính hệ thống.

- Cơ chế phản hồi được đánh giá, phân tích, tổng hợp, cải tiến định kỳ là cơ sở để nâng cao chất lượng hoạt động dạy học và phát triển CTDH đáp ứng nhu cầu xã hội.

3. Điểm tồn tại

- Một số hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan còn chậm so với kế hoạch và hệ thống khảo sát đôi khi còn bị trục trặc kĩ thuật.

- Số lượng đối tượng khảo sát ngoài trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Tổ chức thực hiện khảo sát ý kiến theo đúng kế hoạch. - Đảm bảo sự ổn định của hệ thống khảo sát. - Tăng cường khảo sát các đối tượng ngoài trường.	Phòng KT&ĐBCLGD Khoa Tin học	Từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Cơ chế phản hồi của các bên liên quan tiếp tục được thiết lập một cách hệ thống, được đánh giá và cải tiến.	Khoa Tin học	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 10:

Vấn đề nâng cao chất lượng là vấn đề hết sức quan trọng. Việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được Khoa chú trọng và thực hiện một cách có hệ thống, thường xuyên, định kỳ. Các thông tin này là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện CTĐT, quá trình dạy và học, kiểm tra đánh giá cũng như cải tiến các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ người học của người học nhằm đảm bảo mọi hoạt động đều hướng đến giúp SV đạt được CDR.

Tiêu chuẩn 10 có 06 tiêu chí: 5/7

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu:

Kết quả đầu ra minh chứng cho quá trình đào tạo chuyên ngành CNTT tại Khoa Tin học có những điểm mạnh cần phát huy, cải tiến những điểm còn hạn chế và đề ra những biện pháp phát triển. Dựa trên các minh chứng thực trạng chung, có thể nói, kết quả đầu ra của chương trình đào tạo đã đạt yêu cầu với số lượng sinh viên có việc làm chiếm gần 90%, và chất lượng được đào tạo được thể hiện ở kết quả sử dụng lao động của các nhà tuyển dụng, kết quả đánh giá của các đơn vị sử dụng lao động. Kết quả đó là cơ sở để Khoa Tin học rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với xu thế phát triển xã hội và các nhu cầu chính đáng của các đơn vị sử dụng lao động.

Tiêu chí: 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Hàng năm, Khoa Tin học kết hợp với Phòng Đào tạo, Phòng CTSV thống kê và giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của sinh viên. Nhà trường xây dựng hệ thống quản lý đào tạo thông qua các phần mềm/website quản lý đào tạo <http://daotao.ued.udn.vn> và quản lý học tập <http://qlht.ued.udn.vn> và ban hành quy trình nghỉ học tạm thời, thôi học, học lại của sinh viên để thu thập cơ sở dữ liệu về sinh viên đang theo học CTĐT [H11.11.01.01] [H11.11.01.02]. Khoa Tin học thống kê, giám sát chặt chẽ tiến độ học tập, tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên thông qua hệ thống GVCN, CVHT, trợ lý Khoa và cán bộ Phòng Đào tạo [H11.11.01.03].

Theo kết quả thống kê của các khóa, khóa 2012-2016, khóa 2013-2017, khóa 2014-2018, khóa 2015 – 2019 và khóa 2016-2020 (Bảng 11.1) cho thấy số SV tốt nghiệp chậm hơn thời gian quy định phần lớn là do sinh viên thiếu các điều kiện như chứng chỉ ngoại ngữ, kỹ năng xã hội [H11.11.01.04].

Hàng năm, tỷ lệ SV ngành CNTT tốt nghiệp và thôi học được xác lập, giám sát chặt chẽ [H11.11.01.05][H11.11.01.06]. Cụ thể thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV bỏ học của 5 khóa gần đây được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 11.1. Tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học

Năm học	Số lượng SV toàn khóa	Tỷ lệ % sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian		Tỷ lệ % thôi học		
		4 năm	Trên 4 năm	Năm 1	Năm 2	Năm 3
2012-2016	70			0	0	0
2013-2017	100			0	0	1
2014-2018	120	90	0	0	9	1
2015-2019	150	90.7	1.1	0	4.2	4
2016-2020	180	80.6	3.3	1.2	8.5	6.4

Tỷ lệ SV bỏ học được quản lý trên phần mềm Quản lý hệ thống. Mỗi SV có một tài khoản riêng giúp SV dễ dàng theo dõi các thông báo do Nhà trường hoặc phòng CTSV để có những thay đổi, điều chỉnh kịp thời nhằm đáp ứng tiến độ học tập. Sau mỗi học kỳ nhà trường đều thực hiện rà soát tình hình học tập của SV và lập danh sách SV thôi học. Tỷ lệ SV bỏ học tăng ở các năm gần đây [H11.11.01.06]. Các chương trình như đón tân SV và định hướng nghề nghiệp, khởi nghiệp, tư vấn việc làm, hội chợ việc làm được tổ chức hằng năm. Thông qua các chương trình này SV được giới thiệu về chuẩn đầu ra quy chế đào tạo chương trình đào tạo, cơ hội việc làm. Từ đó SV nắm được tổng thể chương trình đang theo học, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp. Để giảm thiểu tỉ lệ thôi học của SV, Khoa đã giao cho đội ngũ cố vấn học tập giám sát chặt chẽ các tình hình học tập, tư tưởng; liên hệ với đội ngũ cán bộ lớp, đoàn, hội SV thường xuyên nắm bắt tình hình học tập và rèn luyện của SV để tư vấn, cảnh báo các SV có nguy cơ thôi học; gặp gỡ, trao đổi trực tiếp tháo gỡ những khó khăn trong học tập, đời sống của SV; kết hợp liên lạc với gia đình quan tâm động viên để sinh viên nâng cao kết quả học tập, rèn luyện.

Kết quả khảo sát cho thấy, SV ngành CNTT có việc làm sau khi tốt nghiệp (90% có việc làm đúng chuyên ngành trong 6 tháng sau khi tốt nghiệp và 95% có việc làm đúng chuyên ngành trong 12 tháng sau khi tốt nghiệp) [H11.11.01.07].

Trong quá trình thực hiện CTĐT, Khoa thường xuyên theo dõi tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của các năm tuy nhiên chưa tiến hành đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp, xếp loại tốt nghiệp, thôi học của sinh viên giữa các năm học và chưa tiến hành dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của người học tham gia CTĐT để có biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp.

Bảng 11.2. Tỷ lệ SV bỏ học

Năm học	Tổng số SV	Số SV nghỉ học	Tỷ lệ %
2015-2016	440	5	1.1
2016-2017	550	13	2.4
2017-2018	620	27	4.4
2018-2019	790	27	3.4
2019-2020	860	40	4.7

2. Điểm mạnh

- Các cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, luôn cập nhật tình hình SV thông qua những buổi sinh hoạt lớp, báo cáo kịp thời lên BCN Khoa để có những hướng giải quyết phù hợp.

- SV tốt nghiệp và thôi học được cập nhật trên phần mềm hệ thống quản lý đào tạo của nhà trường. Điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình SV trong quá trình đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Trong năm 2019, tỷ lệ sinh viên thôi học tăng cao hơn các năm trước do tình hình dịch Covid-19.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn	- Chỉ đạo các Cố vấn học tập, trợ lý đào tạo tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV. Tìm hiểu lý do thôi học	Phòng ĐT Phòng CTSV	Từ năm học 2020-2021	

	tại	của SV để có những tư vấn, định hướng tốt hơn cho SV khi nhập học. - Tăng cường công tác tư vấn và định hướng học tập nghề nghiệp của SV	Khoa Tin học		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục chính sách miễn giảm học phí cho sinh viên nghèo.	Trường ĐHSP	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí: 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Thời gian của một khóa đào tạo là thời gian cần thiết cho những SV bình thường hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Nhà trường có bộ phận để theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa học hoặc nhiều khóa học trong cùng CTĐT. Thời gian tốt nghiệp trung bình, kết quả học tập trong từng học kỳ được Phòng Đào tạo, Phòng CTSV và cố vấn học tập của Khoa Tin học giám sát [H11.11.02.01]. Cố vấn học tập đôn đốc, tư vấn để sinh viên cải thiện KQHT và tốt nghiệp đúng thời hạn [H11.11.02.02]. Bên cạnh đó, để giám sát quá trình học tập của người học, Nhà trường có hệ thống quản lý đào tạo trong đó có cơ sở dữ liệu về người học tham gia CTĐT (edusoft). Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp đều được công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường [<https://ued.udn.vn/>].

Thời gian học tại Nhà trường của SV được thực hiện theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT. Từ năm 2006, Khoa Tin học bắt đầu thực hiện quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo tín chỉ. Thời gian đào tạo và nghiên cứu trong trường đại học kéo dài trung bình 4 năm, thời gian tối đa là 6 năm, thời gian tối thiểu là 3,5 năm [H11.11.02.03]. Trong 5 năm học gần đây, trung bình hàng năm có khoảng 80% SV hoàn thành chương trình và được cấp bằng cử nhân CNTT [H11.11.02.04] [H11.11.02.05].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa Tin học đều tổ chức tổng kết/đánh giá KQHT, rèn luyện của SV để kịp thời đưa ra các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp cũng như phát huy những điểm mạnh trong đào tạo [H11.11.02.06]. Vào đầu mỗi năm học, các lớp đều tổ chức đại hội lớp - chi đoàn - chi hội. Thông qua báo cáo tổng kết, phương hướng hoạt động năm học, các ý kiến tham luận, các cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm đưa ra những định hướng để hỗ trợ SV trong quá trình học tập và NCKH.

2. Điểm mạnh

Ban Chủ nhiệm Khoa luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua Trợ lý đào tạo, Cố vấn học tập để hỗ trợ SV, nhất là trong việc phê duyệt các môn học chuyển đổi, học thay thế (với những SV bị chấm tiến trình do bảo lưu kết quả học tập) để SV được hoàn thành CTĐT. Trường nhắc nhở SV kịp thời, gửi email thông báo tới những SV bị chậm tiến trình, còn nợ môn, chưa hoàn thành chương trình học... để SV nắm thông tin và hoàn thành chương trình học.

3. Điểm tồn tại

Một số SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, mặc dù đã hoàn thành các môn học trong CTĐT nhưng chưa hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành rà soát, nhắc nhở SV kịp thời hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra, để việc xét tốt nghiệp của SV được đảm bảo đúng tiến độ.	Phòng ĐT Khoa Tin học Tổ CNTT	Từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm	Phân tích dữ liệu khi xử lý học vụ làm căn cứ để có biện pháp hỗ trợ sinh viên một cách hiệu quả	Phòng ĐT Khoa Tin học	Hàng năm	

	manh		Phòng KT&ĐBCL		
--	------	--	------------------	--	--

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí: 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Tỷ lệ sinh viên có việc làm là một yếu tố quan trọng để đo và đánh giá chất lượng của CTĐT. Nhận thức được sự cần thiết của vấn đề này, hàng năm Phòng KT&ĐBCLGD của Nhà trường đều tiến hành khảo sát về tình trạng việc làm của SV toàn trường sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.01] [H11.11.03.02] [H11.11.03.03]. Tại khoa Tin học, SV luôn được các giảng viên tạo điều kiện cũng như quan tâm hỗ trợ tốt nhất để phát huy tối đa tính sáng tạo, hiểu biết trong học tập và nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, SV thường xuyên được áp dụng các kiến thức kỹ năng vào thực tiễn, vì vậy SV Khoa Tin học, trường ĐHSP-ĐHĐN có những điểm mạnh về học tập và NCKH. Qua số liệu khảo sát, sinh viên tốt nghiệp ngành CNTT được các nhà tuyển dụng đánh giá cao về kiến thức chuyên môn. Tuy nhiên, phần lớn sinh viên mới ra trường còn thiếu các kỹ năng mềm, một số ít hạn chế khả năng ngoại ngữ. Một số sinh viên sau khi thực tập tốt nghiệp đã được các nhà tuyển dụng nơi các em đến thực tập nhận vào làm việc. Kết quả này đã giúp Khoa có cơ sở để rà soát và cải tiến chương trình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu của các nhà tuyển dụng. Về tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp, theo báo cáo số liệu khảo sát của nhà trường [H11.11.03.04], những số liệu này được Khoa cập nhật và đăng trên website của khoa (<http://it.ued.udn.vn/>). Đây chính là cơ sở để phục vụ cho công tác điều chỉnh CDR, điều chỉnh CTĐT, đề cương chi tiết học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học phần.

Nhà tuyển dụng khá hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm mà người học đạt được sau khi hoàn thành CTĐT ngành CNTT [H11.11.03.06] [H11.11.03.07]. Sinh viên tốt nghiệp ngành CNTT làm ở nhiều môi trường khác nhau, đa phần làm ở các công ty phần mềm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với những kiến thức mà các em được đào tạo từ trong Nhà trường.

Để hỗ trợ SV tốt nghiệp có việc làm, các GV trong Khoa đã tăng cường mối quan hệ

với các đối tác tại các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực CNTT, ngay khi thực tập tốt nghiệp, Khoa đã giới thiệu SV đến thực tập, nhiều SV có kiến thức chuyên môn tốt, kỹ năng thực hành nghề nghiệp cao đã được các cơ quan nhận vào làm việc. Đây cũng chính là cầu nối, là cơ hội cho nhiều SV sớm tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

- Đa số SV tốt nghiệp ngành CNTT đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp, cụ thể là tại các trung tâm bảo trợ xã hội, trung tâm tư vấn, các công ty, các cơ sở doanh nghiệp... Một lý do khác là CTĐT được tăng cường thực hành thực tế, SV có nhiều cơ hội được trải nghiệm thực hành nghề nghiệp và có nhiều cơ hội có việc làm phù hợp. Khoa và Nhà trường tiến hành khảo sát đối với tất cả các khóa SV tốt nghiệp về tình trạng việc làm từ đó có thông tin đầy đủ về tình trạng tốt nghiệp để giám sát đối sánh nhằm cải tiến chất lượng.

- Mặt khác, Khoa Tin học có nhiều đơn vị tuyển dụng gửi thư mời tuyển dụng SV của khoa. Đây cũng chính là cơ hội cho nhiều SV sớm tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Một tỷ lệ nhỏ SV ngành CNTT làm trái ngành sau khi tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên tổ chức các hoạt động hỗ trợ, tư vấn nghề nghiệp, giới thiệu việc làm cho người học.	Khoa Tin học	Từ năm học 2020-2021

2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường liên kết với các cơ sở tuyển dụng để tạo cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp Xây dựng khung năng lực (CĐR) phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay	Khoa Tin học	Hàng năm
---	--------------------	--	--------------	----------

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 11.4. Loại hình số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển khoa học công nghệ trong đó có hoạt động NCKH cho người học; có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của người học, có quy định về NCKH sinh viên cũng như nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH của người học [H11.11.04.01] [H11.11.04.02][H11.11.04.03]. Hơn nữa, để nâng cao năng lực cho SV, CTĐT còn kết hợp giữa giảng dạy và NCKH [H11.11.04.04]. Ngoài ra, SV năm cuối đủ điều kiện sẽ được làm khóa luận tốt nghiệp và làm báo cáo tốt nghiệp. SV Khoa Tin học được tham gia NCKH theo các hướng đề tài về CNTT, khoa học tự nhiên và bằng nhiều cách thức khác nhau như: bài tập môn học, khóa luận tốt nghiệp, tham gia NCKH cùng giáo viên hướng dẫn về các đề tài cấp Trường, cấp Bộ [H11.11.04.05].

Theo định kỳ hàng năm, Khoa tổ chức các Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học để sinh viên báo cáo kết quả các công trình nghiên cứu [H11.11.04.06]. Thông qua đó, Khoa tìm ra những SV nghiên cứu khoa học xuất sắc tham gia hội nghị khoa học cấp Trường và cấp quốc gia. Trong 5 năm qua, Khoa có khoảng 70 SV của Khoa tham gia NCKH (11% SV tham gia NCKH SV, trong đó có 15 báo cáo khoa học đạt giải Nghiên cứu Khoa học SV cấp Trường, và năm 2016-2017 có 1 nhóm sinh viên đạt được cử đi báo cáo tại Hội nghị khoa học SV NCKH toàn quốc [H11.11.04.07]. Kết quả hoạt động nghiên cứu của SV hàng năm là một trong những cơ sở để Khoa đánh giá các danh hiệu của sinh viên nhằm khuyến khích người học tích cực tham gia hoạt động NCKH.

Trường đã có những quy định cụ thể về tài chính và khen thưởng nhằm hỗ trợ, động viên, khuyến khích SV tham gia và có thành tích cao trong hoạt động NCKH.

Bảng 11.4. Thống kê số lượng NCKH của SV ngành Tin học

Năm học	Số đề tài	Số SV tham gia
2015 - 2016	4	12
2016 - 2017	9	22
2017 - 2018	11	27
2018 - 2019	6	15
2019 - 2020	2	4

Nhà trường khuyến khích SV thực hiện các đề tài NCKH, tham gia các cuộc thi được tổ chức trong và ngoài trường.

Bên cạnh đó, Khoa cũng có chiến lược, chính sách phát triển hoạt động SV NCKH cả về số lượng và chất lượng nhằm tương thích với sứ mạng, tầm nhìn của nhà trường và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; Có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của người học. Tuy nhiên, phong trào NCKH SV của Khoa chưa mạnh cả về số lượng và chất lượng so với các khoa khác do sinh viên từ cuối năm 2 thường tham gia làm việc bán thời gian ở các công ty trên địa bàn TP Đà Nẵng.

2. Điểm mạnh

Phong trào Olympic Tin học sinh viên Khoa rất mạnh, năm nào cũng đạt được nhiều giải trong các kỳ thi Olympic Tin học Quốc Gia hằng năm.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa thu thập được nhiều phản hồi của người học về hoạt động SV NCKH hàng năm

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn	Ghi chú
----	----------	----------	-------------------------	-------------------------------	---------

				thành	
1	Khắc phục tồn tại	Lập kế hoạch và tổ chức thu thập được phản hồi của người học về hoạt động SV NCKH	Phòng KH và HTQT Khoa Tin học Tổ CNTT	Từ năm học 2020 - 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	- Có các chính sách và khuyến khích SV NCKH ở cấp Khoa - Xây dựng các nhóm học tập, NC và phổ rộng vào các CLB sinh viên	Khoa Tin học Tổ CNTT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Mức độ hài lòng của tất cả các đối tượng có liên quan là thước đo quan trọng cho chất lượng đào tạo. Vì thế, cần phải có một hệ thống để thu thập và đo lường mức độ hài lòng của các bên liên quan. Thông tin thu thập được cần phải được phân tích và sử dụng cho việc cải tiến CTĐT, cải tiến hệ thống thực hiện chất lượng và đảm bảo chất lượng. Do đó, Trường/Khoa có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan để từ đó nắm bắt thông tin phản hồi và cải tiến chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tiễn. Để đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan để xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng, Khoa và Nhà trường đã thành lập Phòng KT&ĐBCLGD và giao nhiệm vụ thực hiện cho bộ phận này. Phòng KT&ĐBCLGD là đầu mối thu thập thông tin, ý kiến phản hồi của các bên liên quan, lấy phiếu khảo sát của SV về mức độ hài lòng đối với CTĐT, định kỳ 1 năm/lần [H11.11.05.01][H11.11.05.02][H11.11.05.03]. Nhà trường đã ban hành quy định về việc lấy ý kiến của các bên liên quan, nội dung lấy ý kiến phản hồi đối với từng đối tượng được khảo sát. Nhà trường cũng đã ban hành các mẫu phiếu khảo sát lấy ý kiến các

bên liên quan [H11.11.05.04]. Gửi phiếu đến các bên liên quan để lấy ý kiến về nội dung cần khảo sát. Hình thức điều tra bằng đường công và trực tuyến, vì vậy kết quả điều tra khách quan và tin cậy.

Trước khi tốt nghiệp SV được lấy ý kiến đánh giá về khoá học gồm: mục tiêu, công tác tổ chức quản lý đào tạo; CTĐT; NCKH; việc đổi mới phương pháp giảng dạy, tích cực hóa người học; kết quả đầu ra (kiến thức, kỹ năng, năng lực...); CSVC đáp ứng yêu cầu đào tạo; sự hài lòng của người học [H11.11.05.05][H11.11.05.06]. Sau đó phiếu khảo sát được xử lý và phân tích các kết quả cụ thể. Mục đích của đánh giá chất lượng đào tạo của Trường nhằm cung cấp thông tin hữu ích về thực trạng người học tốt nghiệp ra trường đáp ứng như thế nào so với mục tiêu đào tạo, so với CĐR. Đồng thời thu thập những ý kiến nhận xét, góp ý cho CTĐT để Nhà trường có cơ sở điều chỉnh, cải tiến CTĐT nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị Cán bộ viên chức toàn trường lấy ý kiến đóng góp vào việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch năm học mới; góp ý cho các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là trong công tác tổ chức và quản lý đào tạo [H11.11.05.07]. Ngoài ra, Phòng KT&ĐBCLGD còn lấy phiếu khảo sát của SV về mức độ hài lòng đối với GV sau khi kết thúc học phần [H11.11.05.08][H11.11.05.09][H11.11.05.10]. Sau đó khi khảo sát, Phòng KT&ĐBCLGD xử lý số liệu, trích xuất kết quả đánh giá GV và gửi báo cáo về cho BGH Nhà trường. Tất cả các kết quả thu được từ việc lấy ý kiến phản hồi đều được Phòng KT&ĐBCLGD tổng hợp, viết báo cáo gửi về cho BGH nhà trường và gửi phản hồi cho khoa, từ đó trường cũng như khoa có cơ chế giám sát và sử dụng các thông tin làm cơ sở cho việc cải tiến chất lượng các hoạt động liên quan đến CTĐT. Việc này được thể hiện rõ qua các lần chỉnh sửa CĐR và chỉnh sửa CTĐT của Nhà trường. Khoa Tin học cũng tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng cũng như cựu SV [H11.11.05.11]. . Khoa/Chương trình đã sử dụng kênh thông tin này thành một trong các tiêu chí để cải tiến chương trình đào tạo cho từng năm. Các ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động có ý nghĩa rất quan trọng trong việc điều chỉnh chương trình đào tạo CNTT cho phù hợp với nhu cầu xã hội. Các nhà sử dụng lao động đánh giá cao kiến thức chuyên ngành và vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn của sinh viên ngành CNTT,

khoảng 82 % nhà sử dụng lao động hài lòng, đánh giá cao năng lực chuyên môn và vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn công việc.

Từ việc xác lập, giám sát kết quả điều tra mức độ hài lòng của các bên liên quan, Khoa Tin học đã tiến hành đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT. Cơ sở vật chất của Nhà trường được chú trọng đầu tư. Hệ thống công nghệ thông tin của trường đáp ứng nhu cầu của người học. Hiện nay, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet, hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và người học [H11.11.05.12]. Kết quả đánh giá của SV về việc điều kiện CSVC phục vụ cho việc học tập cho thấy, hầu hết SV hài lòng về hệ thống công nghệ thông tin của trường.. Đến nay, các trang thiết bị đáp ứng tốt được nhu cầu phục vụ đào tạo và nghiên cứu [H11.11.05.13][H11.11.05.14].

Như vậy, có thể thấy việc xác lập, giám sát kết quả điều tra mức độ hài lòng của các bên liên quan có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, giúp Nhà trường và Khoa Tin học cải tiến chất lượng CTĐT, NCKH.

2. Điểm mạnh

- Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành CNTT được các bên liên quan đánh giá cao. CTĐT có sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo cho SV có cơ hội được áp dụng kiến thức vào thực tế.

- Trong quá trình đào tạo, SV của khoa còn được giới thiệu đến các trung tâm thực hành, trường học, bệnh viện, các doanh nghiệp để thực tập và làm quen với môi trường lao động. Những kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ mà SV được trang bị có thể đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động hiện nay theo các đánh giá của cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động.

3. Điểm tồn tại

Trong quá trình khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, ý kiến phản hồi còn hạn chế so với số lượng phiếu gửi đi điều tra. Việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan đối với nhà tuyển dụng lao động chưa được thực hiện trên diện rộng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường hơn mối quan hệ giữa Khoa với các cơ quan có nhu cầu tuyển dụng lao động liên quan đến ngành CNTT, mở rộng phạm vi khảo sát lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng lao động. - Lập kế hoạch tiếp tục khảo sát, tiếp nhận ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng ĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng	Phòng KT&ĐBCLGD Khoa Tin học	Từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện chương trình ĐT từ ý kiến đánh giá của các bên liên quan	Khoa Tin học Tổ CNTT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 11:

Đánh giá chung, SV ngành CNTT có tỷ lệ tốt nghiệp tương đối cao. SV nắm vững các kiến thức được học để có thể tham gia vào thị trường lao động. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cao. GV, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng đánh giá hài lòng về CTĐT. Tuy nhiên, để có thể khắc phục một số hạn chế, Khoa/Chương trình cần tăng cường thời lượng thực tập thực tế, đẩy mạnh việc đào tạo kỹ năng mềm & ngoại ngữ, cụ thể là tiếng Anh... nhằm trang bị cho SV để các em đáp ứng tốt yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 11: 5/7

PHẦN III. KẾT LUẬN

Sau khi tiến hành tự đánh giá lần thứ nhất CTĐT Cử nhân Công nghệ thông tin, khoa Tin học, trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng, chúng tôi rút ra các kết luận sau:

3.1. Những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT của cơ sở giáo dục đại học

✓ Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng hướng đào tạo chuyên sâu, đáp ứng nhu cầu của xã hội, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật Giáo dục và đúng theo quy trình xây dựng, phát triển CTĐT. CDR của CTĐT được định kỳ rà soát và được công bố công khai tới toàn thể GV, SV.

✓ Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

- Bản mô tả CTĐT ngành CNTT có đầy đủ thông tin quan trọng, cần thiết giúp người học có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT đặc biệt là đề cương chi tiết được xây dựng rất tốt. Được rà soát, cập nhật định kỳ 2 năm/lần theo quy định của Nhà trường.

- Đề cương môn học của CTĐT ngành CNTT học được xây dựng cập nhật, bổ sung và hoàn thiện để hướng đến việc SV có thể đạt được CLOs môn học và PLOs của CTĐT.

✓ Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

- CTDH của ngành CNTT được thiết kế phù hợp với CDR của CTĐT. Mỗi học phần trong CTDH đều xác định rõ mức độ đạt CDR. Tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được quy định rõ nhằm hỗ trợ cho việc đạt được CDR của người học

- Hệ thống tiêu chí đánh giá chi tiết, rõ ràng giúp người học tự chủ trong việc học từng học phần cũng như định hướng phát triển năng lực chuyên môn hẹp trong tương lai, Đề cương cho thực tập và khoá luận.

✓ Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

- Mục tiêu giáo dục của CTĐT ngành CNTT phù hợp với triết lý và mục tiêu giáo dục của Trường, được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi tới người học, GV, cộng đồng và xã hội.

- Đội ngũ GV trong Khoa thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, đạo đức nhà giáo, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của người học.

✓ **Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học**

- Việc đánh giá KQHT của người học được thiết kế phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR của chương trình đào tạo, cũng như CĐR của từng học phần;

- Phương pháp đánh giá kết quả học tập được đa dạng hóa, đảm bảo độ tin cậy, khách quan, công bằng và đáp ứng được mục tiêu đánh giá kết quả học tập của người học theo CĐR ngành CNTT

✓ **Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

- Khoa Tin học có đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, luôn tâm huyết với nghề, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và NCKH. Hàng năm, 100% đội ngũ GV của Khoa đều hoàn thành nhiệm vụ, có trên 30% GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Nhà trường đã có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho GV, không chỉ giúp tạo ra động lực cho GV trong giảng dạy và NCKH mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của GV được tốt.

✓ **Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên**

- Trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBVC, NV theo từng năm, từng giai đoạn rõ ràng, cụ thể.

- Trường và Khoa Tin học đã triển khai thực hiện việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên, bao gồm cả khen thưởng và công nhận là động lực giúp nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ cho ĐT, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

✓ **Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

- Chính sách tuyển sinh của Nhà trường được xác định rõ ràng, được công bố công khai qua các phương tiện truyền thông và cập nhật theo các quy định mới hàng năm. Nhà trường, Khoa có cơ hội kết nối, thông tin đến các giáo viên phổ thông, vốn là cựu sinh viên của Nhà trường về thông tin tuyển sinh, chế độ, nhu cầu, chính sách tuyển sinh hằng năm đến các học sinh phổ thông

- Trường ĐHSP-ĐHĐN có cảnh quan xanh, sạch đẹp và thân thiện tạo không khí thoải mái và điều kiện tốt cho việc thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Các khu vực học tập, làm việc được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của CTĐT.

✓ **Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

Nhà trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học, giảng đường được trang bị đầy đủ về số lượng và chất lượng, trang thiết bị điện, bàn ghế để phục vụ và hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của từng ngành đào tạo của Trường. Thực tế, trong những năm gần đây vẫn tiếp tục được xây mới và bổ sung. Thư viện Trường được quan tâm đầu tư nguồn học liệu phù hợp, trang thiết bị hiện đại và được cập nhật để phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

✓ **Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng**

Việc lấy ý kiến của các bên liên quan được tiến hành theo quy trình hướng dẫn, phương pháp lấy ý kiến khoa học, tin cậy; sự phối hợp để cung cấp thông tin của các bên liên quan tích cực, hiệu quả. Cơ chế phản hồi được đánh giá, phân tích, tổng hợp, cải tiến định kỳ là cơ sở để nâng cao chất lượng hoạt động dạy học và phát triển CTDH đáp ứng nhu cầu xã hội.

✓ **Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra**

Các cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, luôn cập nhật tình hình SV thông qua những buổi sinh hoạt lớp, báo cáo kịp thời lên BCN Khoa để có những hướng giải quyết phù hợp. SV tốt nghiệp và thôi học được cập nhật trên phần mềm hệ thống quản lý đào tạo của nhà trường. Điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình SV trong quá trình đào tạo.

3.2. Tóm tắt những điểm tồn tại của CTĐT của cơ sở giáo dục đại học

✓ **Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Việc lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng và các bên liên quan để góp ý cho CDR của CTĐT CNTT vẫn chưa được thực hiện thường xuyên, số lượng lấy ý kiến chưa nhiều.

✓ **Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo**

CTĐT CNTT chưa tham khảo CTĐT CNTT của một số trường đại học ở các nước tiên tiến mà chỉ tham khảo trường Đại học Công nghệ – ĐHQG Hà Nội và một trường trong khu vực ASEAN.

✓ **Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

Số lượng các học phần nhằm đạt được các CDR CTĐT CNTT liên quan về kỹ năng, thái độ, nhận thức còn hạn chế. Tiêu chí đánh giá còn chưa rõ ràng cụ thể cho phần thái độ và nhận thức.

✓ **Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

Một số SV tham gia vào quá trình học chưa thật sự thích nghi với phương pháp dạy và học như tự học và tự nghiên cứu, đặc biệt là những SV năm thứ nhất. Đây cũng chính là điểm cần hoàn thiện và cải tiến hơn nữa về phương pháp tiếp cận dạy và học.

✓ **Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học**

Đánh giá các chuẩn đầu ra liên quan đến thái độ, hành vi còn gặp khó khăn hơn so với các chuẩn đầu ra thuộc miền nhận thức theo bảng các mức phân loại Bloom, hầu như chỉ được đánh giá thông qua 20% điểm thường xuyên, hoặc ở một số học phần trực tiếp đề cập đến thái độ thực hành nghề.

✓ **Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

Việc thu hút được GV đáp ứng tiêu chí tuyển dụng về công tác tại Khoa còn gặp khó khăn. Kinh phí hoạt động tham gia hội nghị quốc tế có uy tín dành cho GV còn hạn chế. Các đề tài NCKH có sự hợp tác với các nhà khoa học nước ngoài còn ít.

✓ **Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên**

Năng lực ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ phục vụ còn hạn chế. Các quy định của Nhà nước, của Nhà trường về chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ chưa nhiều, còn nhiều bất cập so với đội ngũ giảng viên. Hoạt động bồi dưỡng các kỹ năng mềm cho

đội ngũ nhân viên còn hạn chế.

✓ **Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

Chính sách học bổng cho tân sinh viên chưa được thông tin rộng rãi đến nhiều học sinh. Trường chưa có những phòng chuyên biệt, hiện đại dành riêng cho hoạt động bảo vệ khoá luận tốt nghiệp, luận văn, luận án.

✓ **Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

Ba dãy nhà cấp bốn B4, B5, B6 lợp mái tôn không được cách âm, khi mưa to gây ồn, ảnh hưởng đến chất lượng bài giảng.

✓ **Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng**

Số lượng bài báo có chỉ số quốc tế nằm trong danh mục ISI và SCOPUS còn chưa nhiều.

✓ **Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra**

Một số SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, mặc dù đã hoàn thành các môn học trong CTĐT nhưng chưa hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra.

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên cơ sở giáo dục: **Trường ĐHSP –ĐHĐN (Khoa cập nhật kết quả tự đánh giá của từng tiêu chí và tổng hợp từng tiêu chuẩn)**

Mã:

Tên CTĐT: **Cử nhân Công nghệ Thông tin**

Mã CTĐT:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								5,0	3	100%
Tiêu chí 1.1					X					
Tiêu chí 1.2					X					
Tiêu chí 1.3					X					
Tiêu chuẩn 2								5,0	3	100%
Tiêu chí 2.1					X					
Tiêu chí 2.2					X					
Tiêu chí 2.3					X					
Tiêu chuẩn 3								5,0	3	100%
Tiêu chí 3.1					X					
Tiêu chí 3.2					X					
Tiêu chí 3.3					X					
Tiêu chuẩn 4								5,0	3	100%
Tiêu chí 4.1					X					
Tiêu chí 4.2					X					
Tiêu chí 4.3					X					
Tiêu chuẩn 5								5,0	5	100%
Tiêu chí 5.1					X					
Tiêu chí 5.2					X					
Tiêu chí 5.3					X					
Tiêu chí 5.4					X					
Tiêu chí 5.5					X					
Tiêu chuẩn 6								5,0	7	100%

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 6.1					X					
Tiêu chí 6.2					X					
Tiêu chí 6.3					X					
Tiêu chí 6.4					X					
Tiêu chí 6.5					X					
Tiêu chí 6.6					X					
Tiêu chí 6.7					X					
Tiêu chuẩn 7								5,0	5	100%
Tiêu chí 7.1					X					
Tiêu chí 7.2					X					
Tiêu chí 7.3					X					
Tiêu chí 7.4					X					
Tiêu chí 7.5					X					
Tiêu chuẩn 8								5,0	5	100%
Tiêu chí 8.1					X					
Tiêu chí 8.2					X					
Tiêu chí 8.3					X					
Tiêu chí 8.4					X					
Tiêu chí 8.5					X					
Tiêu chuẩn 9								5,0	5	100%
Tiêu chí 9.1					X					
Tiêu chí 9.2					X					
Tiêu chí 9.3					X					
Tiêu chí 9.4					X					
Tiêu chí 9.5					X					
Tiêu chuẩn 10								5,0	5	100%
Tiêu chí 10.1					X					
Tiêu chí 10.2					X					
Tiêu chí 10.3					X					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 10.4					X					
Tiêu chí 10.5					X					
Tiêu chí 10.6					X					
Tiêu chuẩn 11								5,0	5	100%
Tiêu chí 11.1					X					
Tiêu chí 11.2					X					
Tiêu chí 11.3					X					
Tiêu chí 11.4					X					
Tiêu chí 11.5					X					
Đánh giá chung CTĐT										

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 11 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

Phụ lục 8. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 01/10 /2020

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng
 - Tiếng Anh: The University of Danang, University of Education
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: ĐHS-P-ĐHN
 - Tiếng Anh: UD-UE
3. Tên trước đây (nếu có):
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Đại học Đà Nẵng, Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Địa chỉ: 459 Tôn Đức Thắng, Hoà Khánh Nam, Liên Chiểu, Đà Nẵng
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: (0236)3841323; Số fax: (0236)3842953
7. E-mail: ued@ued.udn.vn; Website: https://ued.udn.vn
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1994
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1995
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1999
11. Loại hình cơ sở giáo dục:
 - Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐
 - Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa Tin học
 - Tiếng Anh: Faculty of Information Technology
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
 - Tiếng Việt:
 - Tiếng Anh:
14. Tên trước đây (nếu có):
15. Tên CTĐT
 - Tiếng Việt: Cử nhân Công nghệ Thông tin
 - Tiếng Anh: Bachelor of Information Technology
16. Mã CTĐT:
17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Nhà B1, trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

19. Số điện thoại liên hệ: 0236 3842840 Số fax:

20. E-mail: khoatinhoc@ued.udn.vn Website: it.ued.udn.vn

21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2004

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2005

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2009

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT

Khoa Tin học trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng được hình thành và phát triển trên cơ sở tách từ Khoa Toán - Tin của Nhà trường. Sau gần 20 năm xây dựng và phát triển, đến nay Khoa Tin học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng đã xây dựng được đội ngũ giảng viên năng động với trình độ chuyên môn cao, hầu hết có trình độ tiến sĩ hoặc được đào tạo ở nước ngoài; đào tạo tất cả các bậc từ đại học, cao học đến tiến sĩ. Hiện tại, Khoa có đầy đủ tất cả các bậc đào tạo cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ. Các bậc đào tạo này được thiết kế đảm bảo tính kế thừa, liên thông giữa các bậc đào tạo. Trong đó, cử nhân CNTT có 03 ngành đào tạo là: ngành CNTT, ngành CNTT ưu tiên (hợp tác với doanh nghiệp) và ngành CNTT chất lượng cao. Kể từ năm 2020, sinh viên có thể đăng ký học chuyển tiếp từ cử nhân lên thạc sĩ để lấy bằng thạc sĩ chỉ sau hơn 5 năm học; chương trình này đặc biệt dành cho những sinh viên có năng lực tốt và rút ngắn thời gian được cấp bằng thạc sĩ chuyên ngành hệ thống thông tin.

Mục tiêu của CTĐT Cử nhân Công nghệ thông tin: Xác định và giải quyết vấn đề công nghệ trên một phạm vi rộng các ứng dụng đòi hỏi tính sáng tạo thực tế và hiệu quả của ngành Công nghệ thông tin; đóng góp vào sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội của khu vực miền Trung - Tây Nguyên thông qua sự kết hợp của chuyên môn kỹ thuật, công nghệ với tính chuyên nghiệp, đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm với môi trường và xã hội; đạt thành công trong nghề nghiệp thông qua khả năng tự học, tự nghiên cứu, khả năng tiếp thu các kiến thức khoa học công nghệ tiên tiến trên thế giới để phát triển kỹ năng học tập suốt đời.

Chương trình đào tạo các cử nhân có kiến thức chuyên sâu về quy trình xây dựng, phát triển, kiểm thử và bảo trì phần mềm; có khả năng phân tích và mô hình hóa bài toán thực tế, từ đó thiết kế và xây dựng được các sản phẩm phần mềm đáp ứng yêu cầu thực tế đặt ra, có khả năng có khả năng đưa ra được các giải pháp công nghệ trong lĩnh vực phát triển phần mềm nói chung.

Chương trình nhằm đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi và đáp ứng tốt với các yêu cầu và thay đổi của môi trường làm việc. Sinh viên tốt nghiệp ngành Cử nhân Công nghệ thông tin có thể tiếp tục học sau đại học hoặc làm việc ở các trung tâm phát triển phần mềm của các cơ quan, trường sở và doanh nghiệp cũng như học sau đại học và nghiên cứu.

Các hoạt động kiểm tra, đánh giá được Khoa và Trường tiến hành hàng năm nhằm phát huy những điểm mạnh và khắc phục những điểm tồn tại để đảm bảo, nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa và Trường.

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học hàm, học vị
<i>1. Lãnh đạo khoa</i>			
Trưởng Khoa	Nguyễn Trần Quốc Vinh	1978	TS
Phó Trưởng khoa	Phạm Dương Thu Hằng	1981	ThS
Phó Trưởng khoa	Phạm Anh Phương	1974	TS
<i>2. Lãnh đạo bộ môn</i>			
Hệ thống thông tin	Nguyễn Đình Lâu	1982	TS
Phương pháp giảng dạy bộ môn Tin học	Trần Văn Hưng	1980	TS
<i>3. Chi bộ Đảng</i>			
Bí thư Chi bộ	Nguyễn Trần Quốc Vinh	1978	TS
Phó Bí thư Chi bộ	Nguyễn Đình Lâu	1982	TS
<i>4. Tổ Công đoàn</i>			
Chủ tịch	Lê Viết Chung	1963	ThS

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học hàm, học vị
Phó chủ tịch	Đoàn Duy Bình	1975	ThS

TT	Bộ môn	Tổng số	Trình độ			
			PGS	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Kỹ sư
	Hệ thống thông tin					
9.	Nguyễn Đình Lầu			x		
10	Nguyễn Trần Quốc Vinh			x		
11	Phạm Dương Thu Hằng				x	
12	Vũ Thị Trà			x		
13	Lê Văn Mỹ				x	
14	Lê Thị Thanh Bình				x	
15	Mai Hà Thi				x	
	Phương pháp giảng dạy bộ môn Tin học					
6.	Trần Văn Hưng			x		
7.	Phạm Anh Phương			x		
8.	Lê Viết Chung				x	
9.	Hồ Ngọc Tú				x	
10	Đoàn Duy Bình				x	
	Tổng	12	1	5	7	

26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
I. Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						
1	Hiệu trưởng	Lưu Trang	1963	PGS.TS, Hiệu trưởng	0914009921	ltrang@ued.udn.vn
2	Phó Hiệu trưởng	Trần Xuân Bách	1963	PGS.TS, Phó HT	0913419226	txbach@ued.udn.vn
3	Phó Hiệu trưởng	Bùi Bích Hạng	1978	TS, Phó HT	0914089560	bbhanh@ued.udn.vn
4	Phó Hiệu trưởng	Võ Văn minh	1976	PGS.TS, Phó HT	0905234706	vvminh@ued.udn.vn
II. Ban lãnh đạo Đơn vị thực hiện CTĐT						
1	Trưởng khoa	Nguyễn Trần Quốc Vinh	1978	TS	0914780898	ntqvinh@ued.udn.vn
2	Phó trưởng khoa	Phạm Dương Thu Hằng	1981	ThS	0905121281	pdthang@ued.udn.vn
3	Phó trưởng khoa	Phạm Anh Phương	1974	TS	0914019099	paphuong@ued.udn.vn
4	Tổ trưởng chuyên môn	Nguyễn Đình Lầu	1978	TS	0989284307	ndlau@ued.udn.vn
5	Tổ trưởng chuyên môn	Trần Văn Hưng	1980	TS	0914753469	tvhung@ued.udn.vn
III. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
1	Đảng uỷ	Lưu Trang	1963	PGS.TS, Bí thư ĐU	0914009921	ltrang@ued.udn.vn
2	Công đoàn	Huỳnh Bọng	1966	ThS, Chủ tịch CĐ	0913473168	hbong@ued.udn.vn
3	Đoàn TN CS HCM	Nguyễn Viết Hải Hiệp	1990	Bí thư Đoàn TN CS HCM	0935080081	nvhiep@ued.udn.vn
4	Hội Sinh viên	Lê Sao Mai	1986	ThS, Chủ tịch hội SV	0905499803	lsmai@ued.udn.vn
5	Hội Cựu chiến binh	Bùi Việt Phú	1959	TS, Chủ tịch CBB	0913439245	bvphu@ued.udn.vn
IV. Các phòng chức năng, tổ trực thuộc						
1	Phòng Tổ chức hành chính	Nguyễn Thanh Tường	1982	TS, Trưởng phòng	0788557766	nttuong@ued.udn.vn
2	Phòng Đào tạo	Phan Đức Tuấn	1976	TS, Trưởng phòng	0916804202	pdtuan@ued.udn.vn
3	Phòng Công tác Sinh viên	Nguyễn Vinh San	1985	ThS, Trưởng phòng	0935292264	nvsan@ued.udn.vn
4	Phòng Khoa học và HTQT	Nguyễn Quý Tuấn	1984	TS, Trưởng phòng	0988857870	nqtuan@ued.udn.vn

5	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Trịnh Thế Anh	1983	ThS, Trưởng phòng	0983556083	ttanh@ued.udn.vn
6	Phòng Cơ sở vật chất	Nguyễn Văn Khánh	1980	ThS, Trưởng phòng	0982201344	nvkhanh@ued.udn.vn
7	Phòng Kế hoạch Tài chính	Dương Thị Yến	1984	ThS, Trưởng phòng	0905526633	dtyen@ued.udn.vn
8	Tổ Thư viện	Huỳnh Ngọc Minh Thi	1972	CN, Tổ trưởng	0925228249	hnmthi@ued.udn.vn
9	Tổ CNTT và Truyền thông	Đặng Hùng Vĩ	1980	TS, Tổ trưởng	0905294998	dhvi@ued.udn.vn
V. Các trung tâm trực thuộc						
1	TT hỗ trợ SV và QHDN	Nguyễn Vinh San	1985	ThS, Trưởng phòng	0935292264	nvsan@ued.udn.vn
2	TT nghiên cứu và BD nhà giáo	Lê Thanh Huy	1981	TS, Giám đốc	0983027581	lthuy@ued.udn.vn
3	TT KHXH và nhân văn	Nguyễn Hoàng Thân	1980	TS, Giám đốc	0905204222	nhthan@ued.udn.vn
IV. Các khoa/bộ môn						
1	Khoa Toán	Phạm Quý Mười	1980	TS, Trưởng khoa	0904169124	pqmuoi@ued.udn.vn
2	Khoa Tin học	Nguyễn Trần Quốc Vinh	1978	TS, Trưởng khoa	0914780898	ntquocvinh@ued.udn.vn
3	Khoa Vật lý	Nguyễn Văn Hiếu	1982	TS, Trưởng khoa	0983633596	nvhiu@ued.udn.vn
4	Khoa Hoá học	Trần Đức Mạnh	1982	TS, Trưởng khoa	0934796127	tdmanh@ued.udn.vn
5	Khoa Sinh-MT	Nguyễn Minh Lý	1986	TS, Trưởng khoa	0905083352	nmly@ued.udn.vn
6	Khoa Ngữ văn	Hồ Trần Ngọc Oanh	1985	TS, Phó trưởng khoa	0905289023	htnoanh@ued.udn.vn
7	Khoa Lịch sử	Nguyễn Duy Phương	1985	TS, Trưởng khoa	0942017977	ndphuong@ued.udn.vn
8	Khoa Địa lí	Trần Thị Ân	1982	TS, Phó trưởng khoa	0908302208	ttan@ued.udn.vn
9	Khoa Giáo dục Chính trị	Đinh Thị Phương	1985	TS, Trưởng khoa	0962019360	dtphuong@ued.udn.vn
10	Khoa Tâm lý Giáo dục	Nguyễn Thị Trâm Anh	1980	TS, Trưởng khoa	0367952490	nttanh@ued.udn.vn
11	Khoa Giáo dục Tiểu học	Hoàng Nam Hải	1962	TS, Trưởng khoa	0983171461	hnhai@ued.udn.vn
12	Khoa Giáo dục Mầm non	Võ Văn Minh	1976	PGS.TS, Trưởng khoa	0905234706	vvminh@ued.udn.vn
13	Khoa Giáo dục Nghệ thuật	Trương Quang Minh Đức	1986	ThS. Phó khoa phụ trách	0935784899	tqmduc@ued.udn.vn

(Kéo dài Bảng biểu theo quy mô của đơn vị thực hiện CTĐT)

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 1

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 1

Số lượng ngành đào tạo đại học: 2

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☐	☒
Từ xa	☐	☒
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☒
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☒

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).....

29. Tổng số các ngành đào tạo: 02 trình độ đại học, 01 trình độ thạc sĩ, 01 trình độ tiến sĩ

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	8	4	12
I.1	Cán bộ trong biên chế	8	3	11
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	1	1
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	0	0	0
	Tổng số	8	4	12

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

31. Thống kê, phân loại giảng viên

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư						
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	5	5	0	0	0	0
5	Thạc sĩ	6	6	0	0	0	0
6	Đại học						
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	Tổng số	11	11	0	0	0	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu:.....

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với trường đại học, học viện).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0							
2	Phó Giáo sư	3,0							
3	Tiến sĩ khoa học	3,0							
4	Tiến sĩ	2	5	5	0	0	0	0	10
5	Thạc sĩ	1	6	6	0	0	0	0	6

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
6	Đại học	0,5							
	Tổng		11	11	0	0	0	0	16

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư									
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	5	45.5	4	1	0	1	4	0	0
5	Thạc sĩ	6	54.5	4	2	0	3	2	1	0
6	Đại học									
	Tổng	11	100	8	3	0	4	6	1	

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 43 tuổi

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 45.5%

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 54.5%

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		x
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	x	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)		
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)		
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng		

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2016-2017		260		221			5
2017-2018		267		249			2
2018-2019		371		290			4
2019-2020		220		203			6
2020-2021		218		200			0

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	19	15	12	5	17
3. Sinh viên đại học	221	249	290	203	200
Trong đó:					
Hệ chính quy	221	249	290	203	200
Hệ không chính quy					

37. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Số lượng (người)	5	2	4	6	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	2.26	0.80	1.38	2.96	0

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	7.280m ²	7.280m ²	7.280m ²	7.280m ²	7.280m ²
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)					
3. Người học được ở trong ký túc xá					

(người)					
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	5.2	5.2	5.2	5.2	5.2

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng (người)	12	6	36	18	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên					

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học		15	14	12	
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	50	69	59	82	
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).					
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).					
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).				78%	
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).				18,6%	
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp				3,4%	
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.		72,7%	94%	72,5%	
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).					
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.					
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	1	0	0	0	1
3	Đề tài cấp trường	0,5	2	1	1	4	1	4.5
4	Tổng		1	1.5	0.5	2	0.5	5.5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 5.5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0.5

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2016			
2	2017			
3	2018			
4	2019			

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
5	2020			

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	2	5	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	2	5	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	2	4
2	Sách giáo trình	1,5	1	0	0	0	1	3
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	1	1.5
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		1	0	0	0	4	13

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 13

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1.2

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	1	4	1	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	2	4	1	0

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	2	1	3	4	5	22,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	6	4	8	6	2	26
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	1	1	1	1	2	3
	Tổng		9	6	12	11	9	51,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 51,3

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,3

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	4	5	4
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	4	5	4

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019- 2020	2020- 2021	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	3	1	5	8	9	26
2	Hội thảo trong nước	0,5	8	5	11	8	4	18
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	0
4	Tổng		11	6	16	16	13	44

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 44

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	4	5	4
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	4	5	4

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2016-2017	
2017-2018	
2018-2019	
2019-2020	
2020-2021	

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài				
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia				

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo					
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố					

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 46.700m²
54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²):
55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):
- Nơi làm việc: 2118m² Nơi học: 19526 m² Nơi vui chơi giải trí: 6000m²
 - Tổng diện tích phòng học: 19526m²
 - Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 3 m²/SV
56. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 110.000 cuốn, 50 đầu tạp chí, 10 đầu báo.
- Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có):
57. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:
- Dùng cho hệ thống văn phòng: 167
 - Dùng cho người học học tập: 526
- Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: =526/8086 (0.07 máy/SV)

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 11

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 91.7%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 45.45%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 54.55%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 1163

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 72.7SV/GV

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%):

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 78%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 18,6%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 72,5%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%):

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ):

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán

bộ cơ hữu:

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,2

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,3

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 526/8086 (0.07 máy/SV)

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 19526/8086 (2.4m²/SV)

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 7280/8086 (0.9m²/SV)